

QUẢN TRỊ TINH GỌN  
TỐI ƯU HIỆU QUẢ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
2022

# Mục lục

## 01

### Điểm nhấn

- 8 Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
- 10 Điểm nhấn năm 2022

## 02

### Tổng quan

- 20 Thông tin khái quát
- 22 Lịch sử hình thành và phát triển
- 24 Lĩnh vực kinh doanh
- 28 Địa bàn kinh doanh
- 30 Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị
- 36 Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán
- 42 Định hướng chiến lược phát triển
- 50 Các yếu tố rủi ro

## 03

### Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

- 56 Tổng quan kinh tế vĩ mô 2022 và dự báo 2023
- 60 Kết quả hoạt động kinh doanh 2022
- 66 Tình hình tài chính
- 68 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023
- 70 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

## 04

### Quản trị doanh nghiệp

- 80 Tổng quan về quản trị tại DNP
- 82 Báo cáo của HĐQT năm 2022
- 88 Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán
- 90 Thông tin cổ phiếu và Cơ cấu cổ đông

## 05

### Phát triển bền vững

- 96 Tổng quan Chiến lược phát triển bền vững
- 98 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
- 106 Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

## 06

### Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

- 112 Thông tin chung
- 114 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 115 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 116 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 120 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 121 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 123 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



## “ Quản trị tinh gọn Tối ưu hiệu quả ”

Năm 2022, kinh tế Việt nam đã phát triển mạnh mẽ sau thời gian chịu tác động của Covid-19 khi đạt 8.02% tăng trưởng GDP. Tận dụng được việc mở cửa và tiêu dùng của các nước trên thế giới, xuất khẩu của Việt Nam tăng 10,6%, nhập khẩu tăng 8,4%, xuất siêu 11,2 tỷ USD. Tuy nhiên, diễn biến nền kinh tế thế giới cũng có nhiều biến động, dưới áp lực bên ngoài khi Cục dự trữ liên bang Mỹ tăng lãi suất, kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng chậm lại trong quý cuối năm và có những thách thức mới với các doanh nghiệp, đòi hỏi các doanh nghiệp cần chủ động phương án thích ứng phù hợp.

Thông qua việc lựa chọn “Quản trị tinh gọn – Tối ưu hiệu quả” là thông điệp chủ đạo của Báo cáo thường niên 2022, DNP mong muốn truyền tải một tâm thế chủ động, linh hoạt của doanh nghiệp để thích ứng với bối cảnh biến động bằng việc thực hiện tinh gọn, tối ưu hiệu quả các nguồn lực hiện hữu trong hệ thống, tạo nền tảng để DNP Holding và các Đơn vị thành viên vững vàng vượt thử thách.

DNP là Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là nước sạch & môi trường; cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và công nghệ cho hệ sinh thái ngành nước; vật liệu xây dựng cho giai đoạn hoàn thiện công trình; đồ gia dụng cao cấp và bao bì. Khát vọng mà DNP hướng tới là tạo ra các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp chất lượng cao, sáng tạo và đột phá nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người Việt.



CHƯƠNG

# 01

## Điểm nhấn

8  
10

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi  
Điểm nhấn năm 2022

# Tầm nhìn Sứ mệnh Giá trị cốt lõi

## Tầm nhìn

DNP là lựa chọn số 1 của khách hàng trong lĩnh vực nước sạch, môi trường, sản phẩm gia dụng cao cấp và vật liệu xây dựng hoàn thiện.

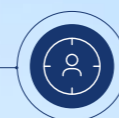
## Sứ mệnh

Nâng cao chất lượng, trải nghiệm sống và tham gia giải quyết các thách thức về môi trường với các giải pháp toàn diện, sáng tạo về nước sạch, vật liệu xây dựng, hàng gia dụng cao cấp.

## Giá trị cốt lõi



Tinh gọn - Tốc độ -  
Sáng tạo



Đặt khách hàng  
làm trung tâm



Tinh thần  
đồng đội



Liên tục  
học hỏi



Kiến tạo  
giá trị



# Điểm nhấn 2022

Tổng tài sản

16.529 tỷ đồng

Tổng doanh thu thuần

7.693 tỷ đồng

Tăng trưởng góp bình quân lợi  
nhuận gộp 2018-2022 (CAGR)

29,2%

Tăng trưởng góp bình quân doanh  
thu thuần 2018-2022 (CAGR)

28,7%

Vốn hóa thị trường (31/12/2022)

2.854 tỷ đồng

Tổng số nhân viên

4.356 người

## Vị thế trên thị trường

TOP 1

Nhà đầu tư  
tư nhân ngành nước  
số 1 tại Việt Nam

TOP 1

Dẫn đầu phân khúc  
Gạch Granite cao cấp

TOP 1

Vật tư thiết bị  
Ngành nước

TOP 3

Nhà sản xuất ngói  
trắng men lớn nhất  
Việt Nam

TOP 1

Thương hiệu gia dụng cao  
cấp được yêu thích nhất  
trên kênh phân phối hiện  
đại (Modern trade)

TOP 5

Bao bì

## Sở hữu thế mạnh trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi

### Nước sạch & môi trường

Tổng công suất thiết kế  
nước sạch

1 triệu m<sup>3</sup>  
/ngày đêm

Cung cấp nước tại

10 tỉnh thành

Vệ sinh môi trường tại

5 tỉnh thành

### Hệ sinh thái ngành nước

Công suất ống - phụ kiện nhựa

~5.500 tấn/tháng

Ống nhựa và Vật tư thiết bị ngành nước, gạch ngói ốp lát hiện diện tại

63/63 tỉnh thành  
cả nước

### Sản phẩm gia dụng

Sản phẩm gia dụng: Phân phối  
hiện đại và truyền thống tại

60/63 tỉnh  
thành

Tổng số mã sản phẩm  
gia dụng

656 SKU

Số lượng showroom và cửa hàng liên kết trên toàn  
quốc và xuất khẩu đến các thị trường Mỹ, Châu Âu...

55 showroom

### Bao bì

Công suất bao bì

3.500 tấn/tháng

### Vật liệu xây dựng

Công suất gạch ốp lát và ngói

26 triệu m<sup>2</sup>/năm

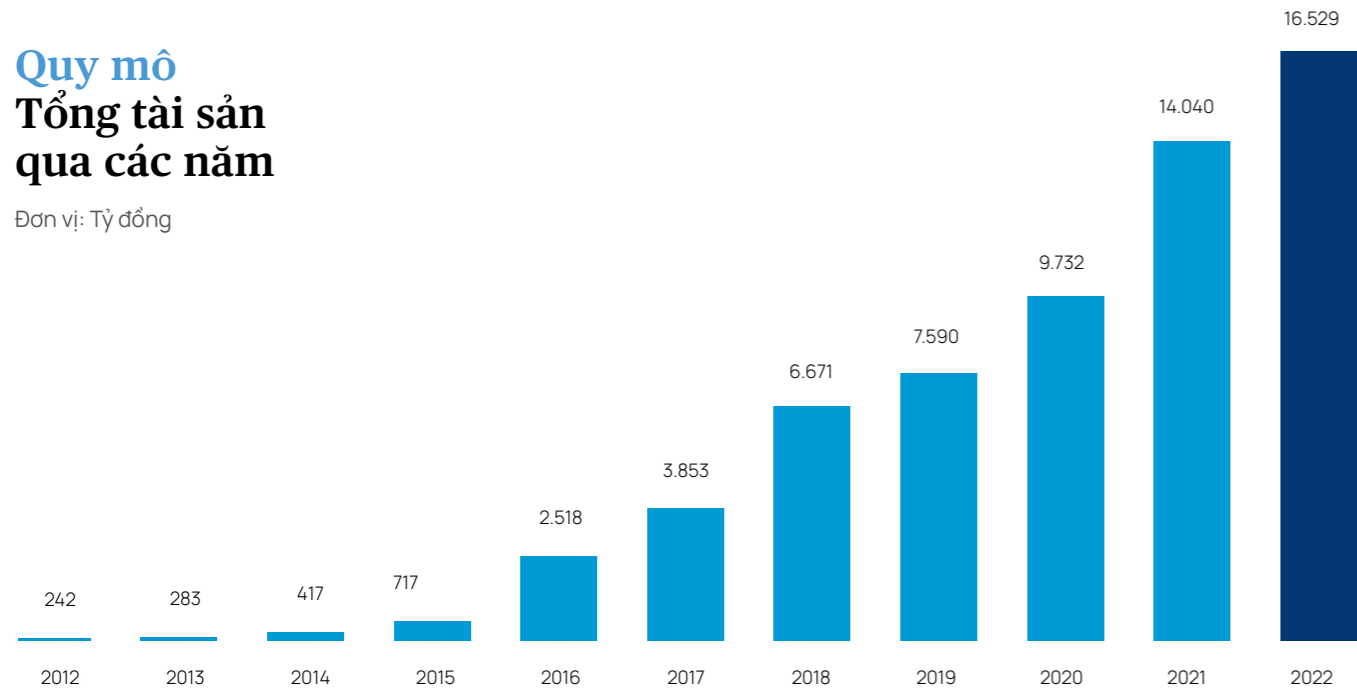
Trở thành Chủ đầu tư Cụm Công nghiệp  
Ngọc Quan, diện tích

46 ha

# Điểm nhấn 2022

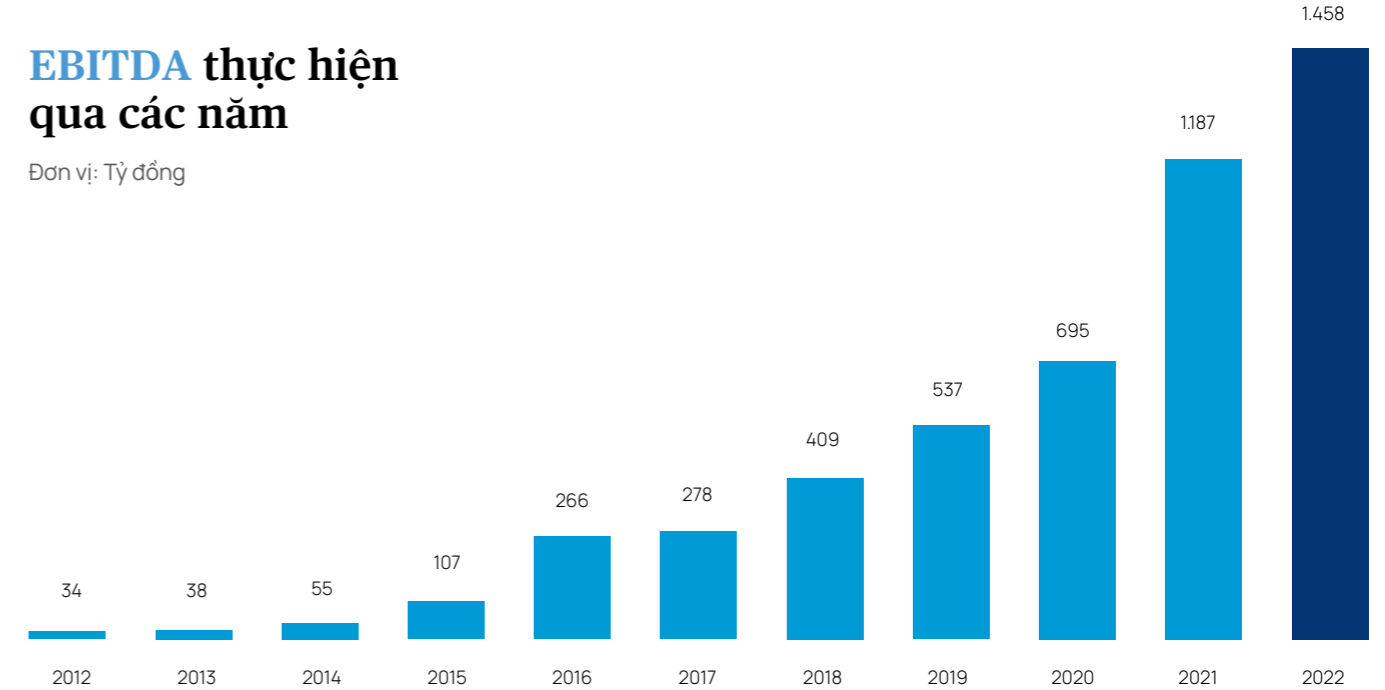
## Quy mô Tổng tài sản qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng



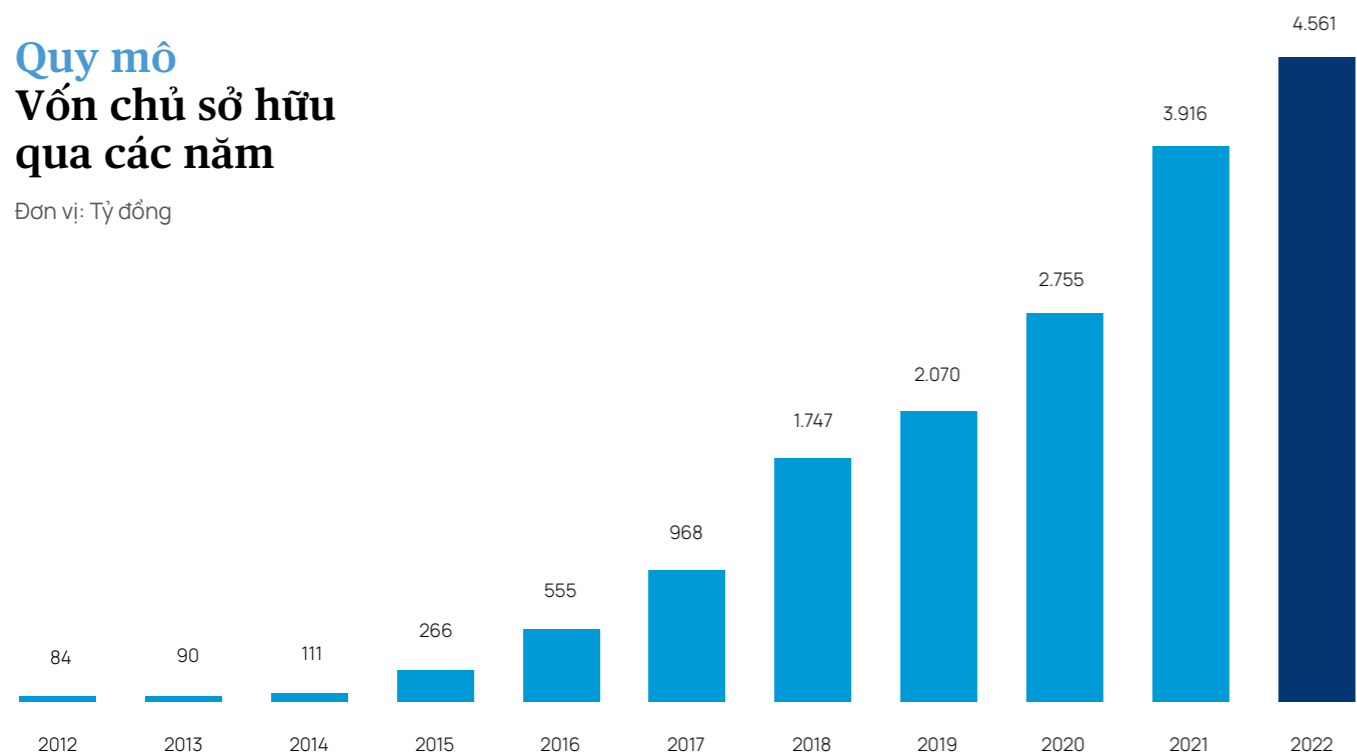
## EBITDA thực hiện qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng



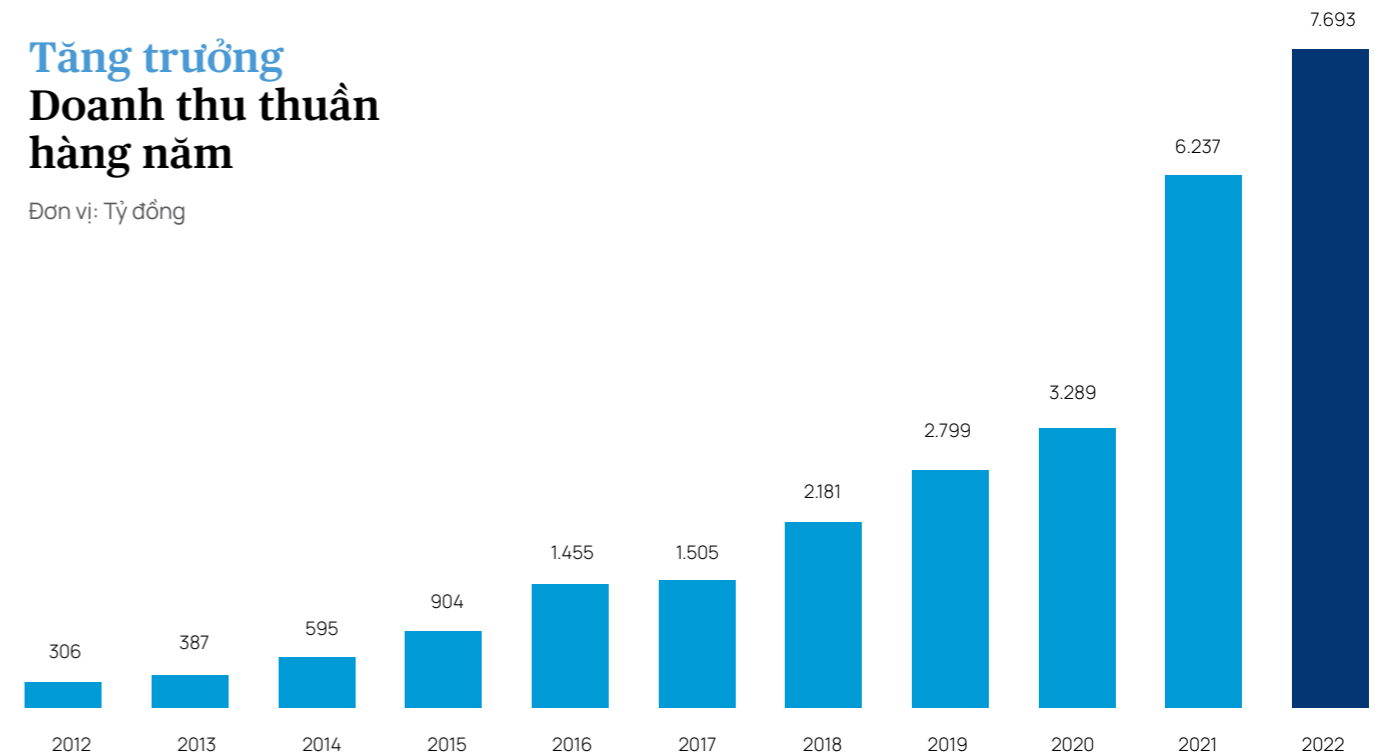
## Quy mô Vốn chủ sở hữu qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng

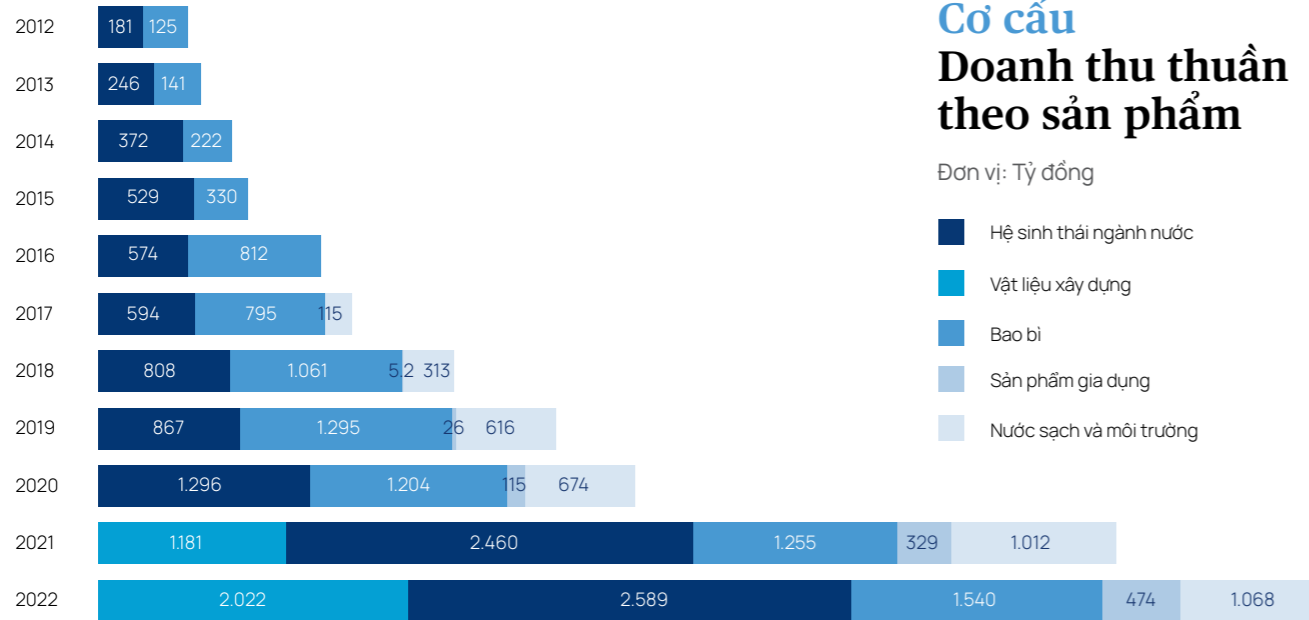


## Tăng trưởng Doanh thu thuần hàng năm

Đơn vị: Tỷ đồng



# Điểm nhấn 2022



## Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm năm 2022

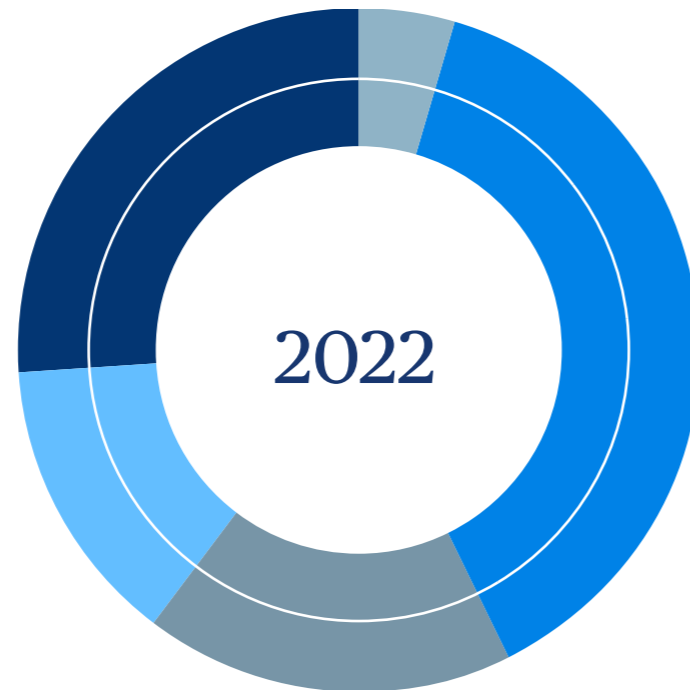
**26,3%**  
Vật liệu xây dựng

**20,0%**  
Bao bì

**33,7%**  
Hệ sinh thái ngành nước

**6,2%**  
Sản phẩm gia dụng

**13,9%**  
Nước sạch và môi trường





# Điểm nhấn 2022



## 1 Samsung Engineering trở thành cổ đồng chiến lược của DNP Water

Ngày 29/06/2022, Samsung Engineering – thuộc Tập đoàn Samsung (Hàn Quốc) chính thức trở thành Cổ đồng chiến lược của DNP Water – một thành viên của DNP Holding bằng việc đầu tư 41 triệu USD (~960 tỷ đồng) để mua lại toàn bộ khoản vay chuyển đổi của IFC, thông qua đó sở hữu 24% vốn chủ sở hữu của DNP Water. Với sự tham gia của Samsung, DNP Water sẽ có thêm nguồn lực tài chính, kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm quản trị dự án, thương hiệu chuyên ngành để hướng đến mục tiêu không chỉ thực hiện các dự án cấp nước quy mô lớn nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước, suy giảm nước ngầm và đảm bảo sự bền vững an toàn cấp nước mà còn mong muốn thực hiện các dự án xử lý nước thải tại các đô thị đang phát triển của Việt Nam.



## 2 DNP cùng lúc đạt 3 thương hiệu quốc gia gồm: Ống & phụ kiện Nhựa Đồng Nai, Gạch ốp lát & ngói tráng men cao cấp CMC và Đồ gia dụng Inochi.

Với việc đáp ứng các tiêu chí xét duyệt và thẩm định kỹ lưỡng của Chương trình bình chọn Thương hiệu Quốc gia, DNP tự hào có 3 đơn vị đạt giải Thương hiệu Quốc gia gồm: Ống & phụ kiện Nhựa Đồng Nai, Gạch ốp lát & ngói tráng men cao cấp CMC và đồ gia dụng Inochi.

Trước thách thức về bảo tồn và phát huy thương hiệu quốc gia, DNP cam kết theo đuổi sứ mệnh nâng cao vị thế thương hiệu Việt với khát vọng vươn lên bằng chiến lược bền vững, quyết tâm đổi mới sáng tạo, tiên phong đột phá, bằng các hành động thiết thực.



## 3 Thương hiệu hàng đầu ASEAN

Inochi nằm trong Top 100 Thương hiệu Mạnh ASEAN 2022. Đây là giải thưởng thường niên do Hiệp hội thông tin Công nghiệp Châu Á (AIPA), Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Doanh nghiệp Châu Á và Công ty cổ phần Tư vấn và Truyền thông Đất Việt phối hợp tổ chức nhằm tôn vinh các thương hiệu Việt khu vực châu Á – Thái Bình Dương đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế nước nhà.



## 4 Tân Phú lọt TOP 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam

Trong năm thứ 12 liên tiếp được Vietnam Report và Báo VietnamNet công bố, Bảng xếp hạng Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam ghi nhận những doanh nghiệp tiêu biểu, những ngôi sao đang lên của Việt Nam với những đóng góp tích cực vào nền kinh tế và mở ra nhiều cơ hội hợp tác, thu hút đầu tư nước ngoài.



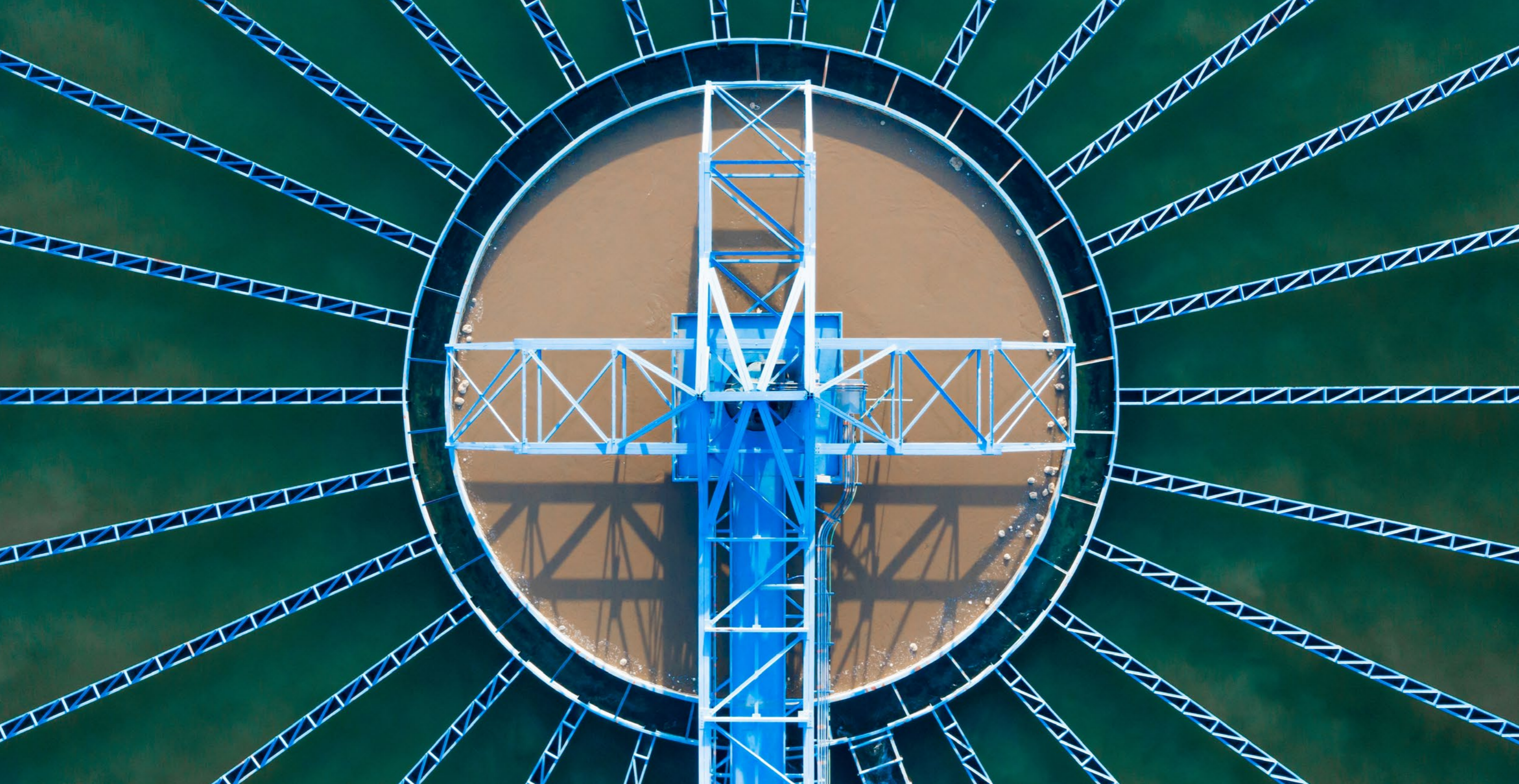
## 5 Chính thức vận hành 02 nhà máy nước sạch tại Quảng Bình và Sapa

Tháng 06/2022, Dự án Nhà máy nước sạch tại Quảng Châu (Quảng Bình) đã hoàn thành, chính thức vận hành phát nước giai đoạn 1 và đang tiếp tục công việc đấu nối và phát triển các tuyến mới. Tháng 11/2022 cũng ghi dấu sự kiện Nhà máy nước sạch BOO Sa Pa đã chính thức khánh thành và đi vào hoạt động. Dự án Sapa được đánh giá là phức tạp và khó thi công bậc nhất từ trước đến nay tại Việt Nam do nền địa chất phức tạp, địa hình đồi núi hiểm trở, độ dốc cao, các hạng mục công trình nằm rải rác tại các khu vực cách xa nhau. Sau nhiều nỗ lực, Nhà máy nước sạch BOO Sapa sẽ góp phần đảm bảo cho người dân và du khách đến Sapa được sử dụng nguồn nước sạch và an toàn.



## 6 DNP - Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2022

Ngày 20/06/2022, Chương trình IR Awards 2022 chính thức công bố "Báo cáo khảo sát toàn diện về hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2022", trong đó, DNP Holding đã vinh dự nằm trong nhóm doanh nghiệp niêm yết đạt Chuẩn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2022.



CHƯƠNG

# 02

## Tổng quan

20	Thông tin khái quát
22	Lịch sử hình thành và phát triển
24	Lĩnh vực kinh doanh
28	Địa bàn kinh doanh
30	Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị
36	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán
42	Định hướng chiến lược phát triển
50	Các yếu tố rủi ro

# Thông tin khái quát

Tổng công suất các nhà máy  
cấp thoát nước

**1.000.000**  
m<sup>3</sup>/ngày đêm

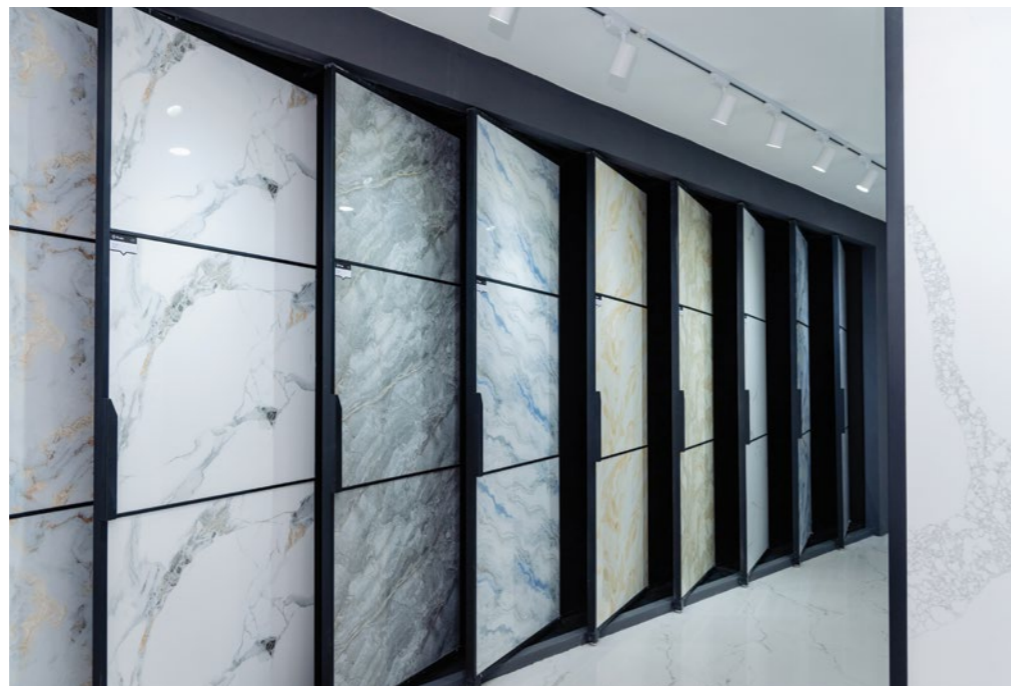
Công suất đồ gia dụng

**350** tấn/  
tháng



**DNP Holding** là Công ty đầu tư tập trung chính vào lĩnh vực nước sạch và môi trường, vật liệu xây dựng cho giai đoạn hoàn thiện công trình, sản phẩm gia dụng cao cấp và bao bì các loại.

**DNP Water** và các đơn vị thành viên sở hữu và vận hành các nhà máy cấp thoát nước có công suất khoảng 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đang đề xuất và thực hiện các giải pháp cấp nước cho các vùng khó khăn, chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu như Sapa, Đồng bằng sông Cửu Long.



Công suất gạch ốp lát cao cấp và  
ngói các loại

**26** triệu m<sup>2</sup>/  
năm

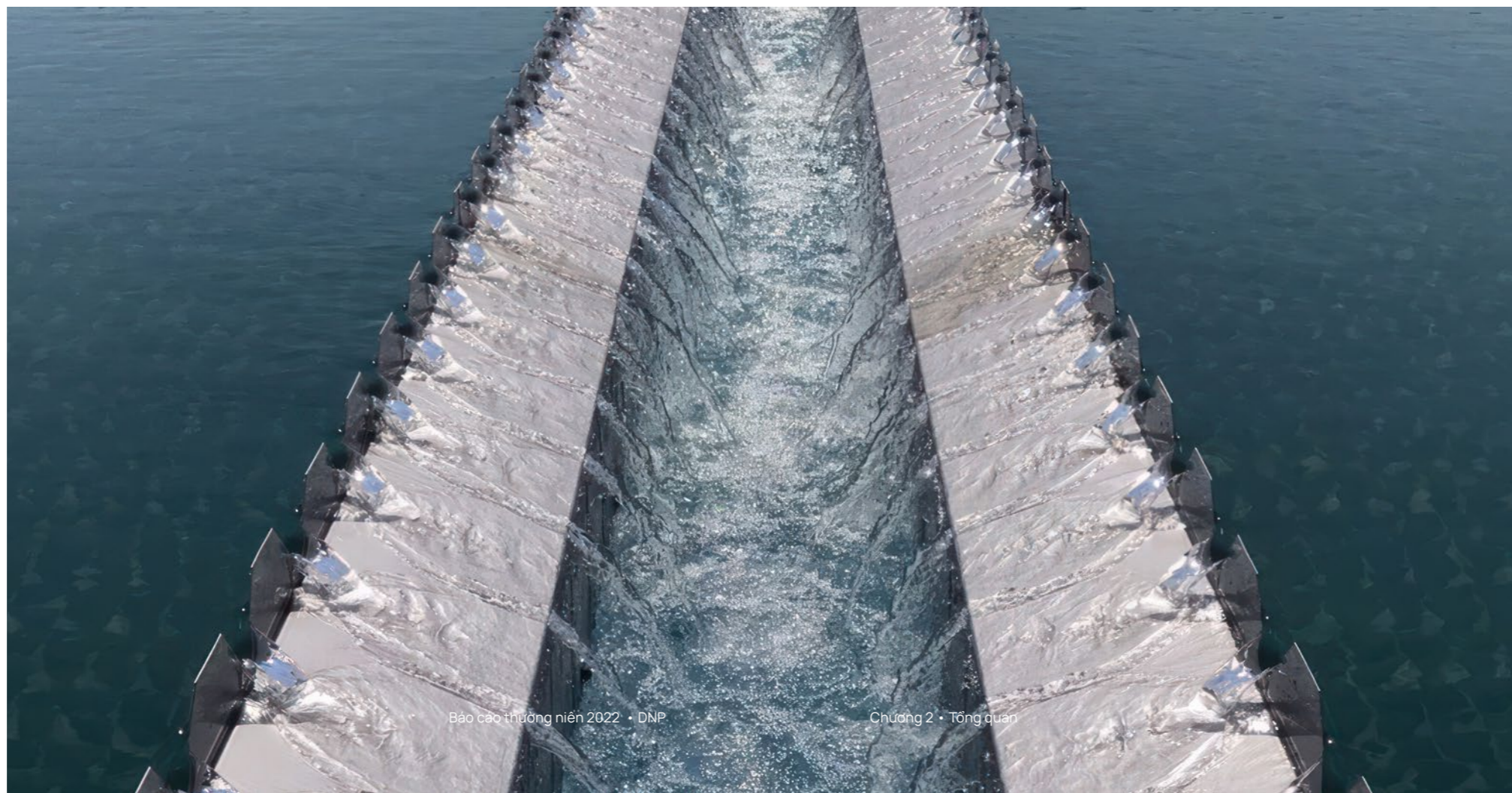
Công suất ống nhựa và phụ kiện

**~5.000** tấn/  
tháng

Công suất bao bì các loại

**3.500** tấn/  
tháng

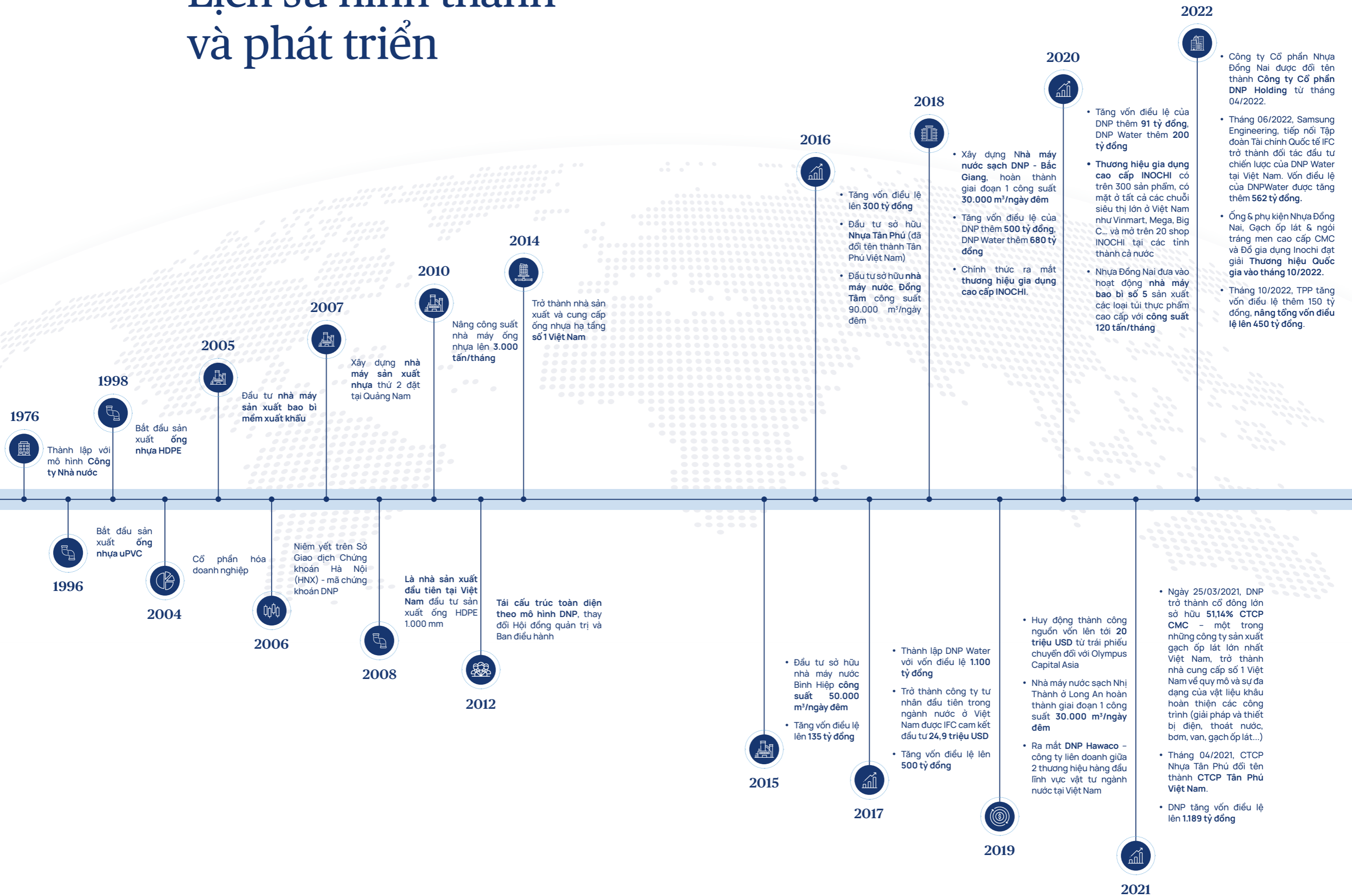
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>	Ông Vũ Đình Độ
<b>Tên giao dịch</b>	Công ty Cổ phần DNP Holding
<b>Mã chứng khoán</b>	DNP (niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - HNX)
<b>Vốn điều lệ</b>	1.189 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2022)
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	4.561 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2022)
<b>Trụ sở chính</b>	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam



**CMC** sở hữu và vận hành các nhà máy với tổng công suất gạch ốp lát cao cấp và ngói các loại 26 triệu m<sup>2</sup>/năm, được đánh giá là cái nôi của ngành, đơn vị tiên phong đổi mới sáng tạo, chất lượng sản phẩm cao cấp và là đơn vị có hiệu quả cao nhất trong ngành.

**Nhựa Đồng Nai, DNP Hawaco, và Tân Phú Việt Nam** sở hữu và vận hành công suất ống nhựa và phụ kiện có tổng công suất gần 5.000 tấn/tháng, nhà cung cấp số 1 Việt Nam về các loại thiết bị vật tư và giải pháp cơ điện cho ngành cấp thoát nước và xây dựng dân dụng, công suất bao bì các loại rơi vào 3.500 tấn/tháng; INOCHI - thương hiệu gia dụng cao cấp thuộc Tân Phú Việt Nam được phân phối rộng khắp trên thị trường cả nước, và được đánh giá cao về tiêu chuẩn, cạnh tranh với các thương hiệu quốc tế.

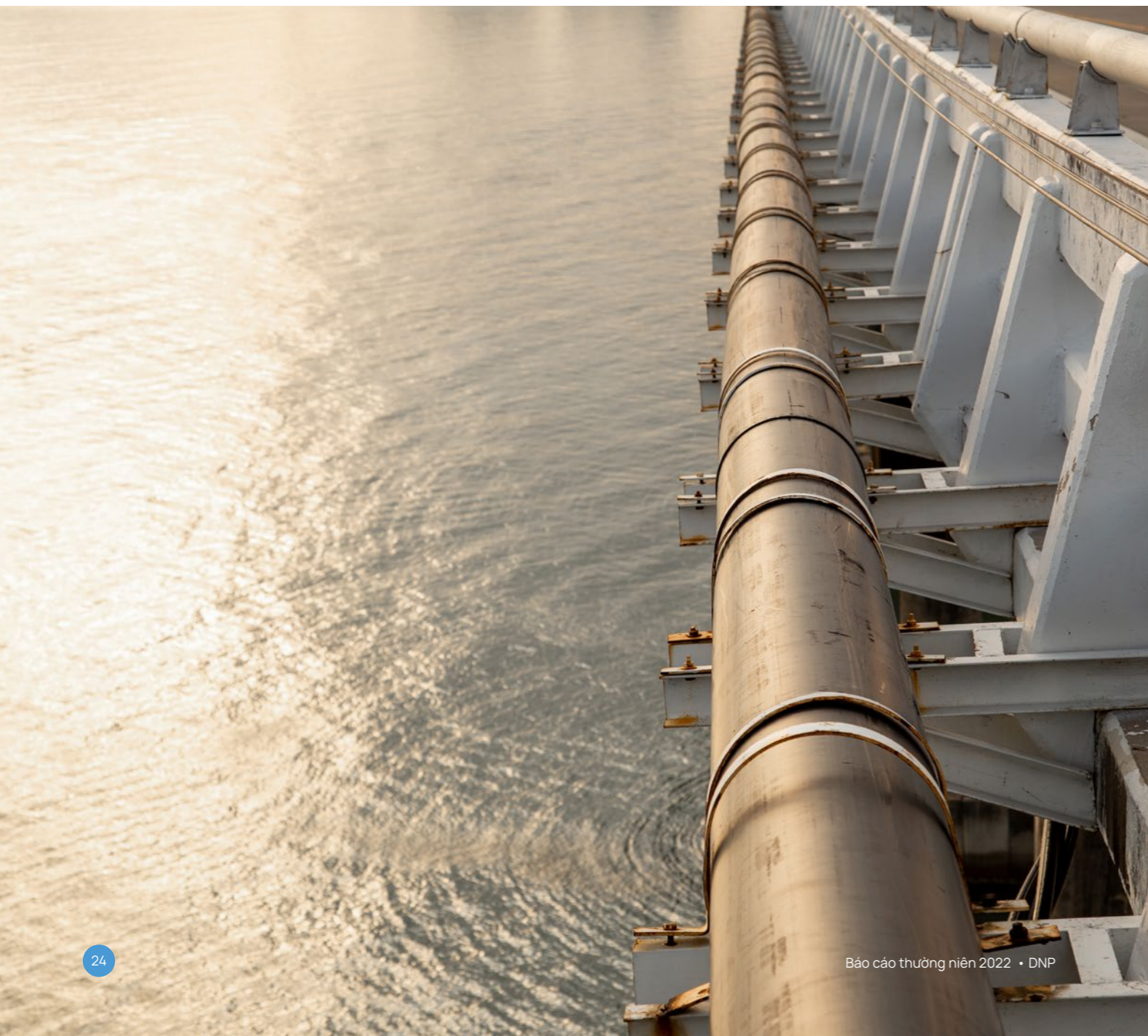
# Lịch sử hình thành và phát triển



# Lĩnh vực kinh doanh

## Nước sạch và môi trường

- Cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo tiêu chuẩn cho người sử dụng;
- Đầu tư tăng công suất và hiệu quả của các nhà máy nước hiện hữu;
- Phát triển các dự án xây dựng nhà máy nước mới với quy mô lớn, các dự án xây dựng mạng lưới cấp nước sạch đến các khu vực đô thị và cận đô thị;
- Tiên phong phát triển các giải pháp cấp nước tại nông thôn, biển đảo và những khu vực chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu;
- Tham gia đầu tư và vận hành các dự án nước thải.



## Hệ sinh thái ngành nước

Tổng doanh thu Hệ sinh thái ngành nước

**2.589** tỷ đồng

Doanh thu mảng vật tư thiết bị ngành nước

**664** tỷ đồng

Doanh thu mảng ống nhựa và phụ kiện

**1.925** tỷ đồng



## Vật tư thiết bị ngành nước DNP Hawaco

- DNP Hawaco là đơn vị số 1 về cung cấp đồng hồ đo nước trong ngành cấp nước tại Việt Nam, hàng năm cung cấp cho thị trường trên 350.000 đồng hồ mới các loại và hiện tại đã cung cấp cho 6.000.000 đầu nối hộ dân cho ngành cấp nước Việt Nam. DNP Hawaco còn là đơn vị cung ứng vật tư thiết bị ngành nước khác (bơm, van, hóa chất...); là đơn vị tiên phong nội địa hoá sản xuất (tấm lắng Lamella, module xử lý...), tích hợp giải pháp (SCADA, điện điều khiển...), tự động hoá, chuyển đổi số, công nghệ xử lý nước cho hạ tầng (nước sạch, nước thải, thủy lợi) và xây dựng dân dụng, toà nhà.
- DNP Hawaco được đánh giá là nhà cung cấp giải pháp công nghệ xử lý và vật tư thiết bị số 1 cấp thoát nước Việt Nam và phục vụ hơn 500 khách hàng chiến lược và thân thiết hàng năm.
- Sự tăng trưởng mạnh mẽ của mảng vật tư thiết bị ngành nước (+41,2%) đã góp phần tăng quy mô doanh số (664 tỷ) cho hệ sinh thái ngành nước trong năm 2022.

## Ống nhựa và phụ kiện Nhựa Đồng Nai

- Nhựa Đồng Nai sản xuất và cung cấp ống nhựa và phụ kiện HDPE, uPVC, PPR... cho hạ tầng cấp thoát nước, các công trình xây dựng dân dụng, tưới tiêu nông nghiệp và thủy lợi.
- Với công suất mảng ống nhựa, phụ kiện đạt 5.000 tấn/tháng và quy mô doanh số năm 2022 đạt 1.925 tỷ đồng, Nhựa Đồng Nai được thị trường ghi nhận là số 1 thị phần tại Việt Nam mảng hạ tầng cấp thoát nước.

# Lĩnh vực kinh doanh

## Sản phẩm gia dụng cao cấp

Doanh thu  
**474** tỷ đồng  
NĂM 2022

**55** Showroom và cửa hàng liên kết trên toàn quốc

CAGR  
**162** %/năm

TRONG GIAI ĐOẠN 2019 - 2022

INOCHI là thương hiệu sản phẩm gia dụng cao cấp của Tân Phú Việt Nam (mã chứng khoán: TPP), được phát triển dựa trên nền tảng kỹ thuật công nghệ của TPP.

Tiên phong phát triển, sản xuất các sản phẩm gia dụng mang thương hiệu INOCHI tiêu chuẩn Nhật Bản, chất lượng cao, giàu tiện ích, thân thiện và an toàn với người sử dụng.

Mặc dù sản phẩm mới được tung ra từ 2018, nhưng INOCHI có tốc độ tăng trưởng ấn tượng về doanh số từ 26,5 tỷ năm 2019 lên 474 tỷ năm 2022. Tốc độ tăng trưởng bình quân kép (CAGR) trong giai đoạn 2019 – 2022 là 162%/năm.

Kênh phân phối đa dạng từ hệ thống siêu thị (MT) và kênh truyền thống (GT) với độ phủ cao và tiếp tục mở rộng mạnh mẽ. Bên cạnh đó, hệ thống Showroom quảng bá thương hiệu, mô hình kênh online theo xu hướng thời đại, mô hình quà tặng doanh nghiệp cũng được định hình, góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh cũng như độ phủ về thương hiệu.

Ngoài ra, Inochi còn sở hữu 14 showroom, 23 shop in shop và 18 Shop liên kết trên toàn quốc.

Năm 2022, thương hiệu Inochi đã từng bước hiện diện, xuất khẩu đến các thị trường như Châu Âu, Malaysia, Hongkong, Campuchia, Macao, Israel,... tự tin tiến đến thương hiệu gia dụng Việt Nam vươn tầm quốc tế.

Thương hiệu Inochi đã vinh dự được những thành tựu nổi bật:



## Bao bì

Tổng công suất  
**3.500** tấn  
NĂM 2022

Doanh số  
**103,8%**  
SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2022



### Bao bì cứng Tân Phú Việt Nam

Sản xuất bao bì cứng, cho các ngành thiết yếu:

- **Kỹ thuật Công nghiệp**  
Vỏ ắc quy, thùng sơn
- **Hóa mỹ phẩm**  
Chai HDPE, PP, chai PET
- **Bảo vệ thực vật**  
Chai 3 lớp, chai PET, can, thùng
- **Thực phẩm và đồ uống**  
Chai HDPE, PP, chai PET
- **Dược phẩm**  
Chai HDPE, PP, chai PET
- **Khuôn mẫu**  
Chế tạo khuôn mẫu phục vụ cho sản xuất ngành nhựa

Trong năm 2022, doanh số của mảng bao bì cứng vẫn hoạt động ổn định đạt 103,8% so với kế hoạch năm 2022.

### Bao bì mềm (đã chuyển về Tân Phú Việt Nam trong năm 2022)

Năm 2022, đã thực hiện tái cơ cấu và chuyển mảng bao bì mềm từ Nhựa Đồng Nai về Tân Phú Việt Nam, góp phần gia tăng năng lực quản trị sản xuất của mảng bao bì mềm.

- Sản xuất các loại bao bì mềm xuất khẩu: starseal, T-shirt shopping bags, sandwich, drawstring... đạt tiêu chuẩn châu Âu
- Các sản phẩm bao bì cao cấp mới ra mắt: túi zipper, túi slider đựng thực phẩm...
- Xuất khẩu đến các thị trường: châu Âu (Đức, Anh, Pháp, Hà Lan, Bỉ...), Úc, Mỹ
- Tổng công suất: 3.500 tấn/tháng

## Vật liệu xây dựng

Sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng  
**>2.000** mẫu thiết kế

### Gạch ốp lát và ngói các loại CMC

- Sản xuất, cung cấp gạch ốp tường, gạch lát sàn, gạch trang trí và ngói trang men cao cấp cho các công trình xây dựng từ dân dụng tới công nghiệp và thương mại.
- Sở hữu 02 nhà máy với công suất đạt trên 26 triệu m2 gạch, ngói mỗi năm; CMC được đánh giá là một trong những thương hiệu sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng với hơn 16 dòng kích thước, 10 định dạng bề mặt và hơn 2.000 mẫu thiết kế; cùng với chất lượng vượt trội và là một trong những thương hiệu được ưa thích nhất tại Việt Nam.

# Địa bàn kinh doanh



## Nước sạch và môi trường

Cấp nước tại 10 tỉnh thành, thoát nước và vệ sinh môi trường tại 5 tỉnh thành.



## Hệ sinh thái ngành nước

Khắp các tỉnh thành Việt Nam.



## Bao bì

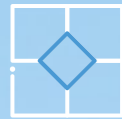
Bao bì mềm xuất khẩu đi các thị trường châu Âu, Úc, Mỹ...

Bao bì cứng gia công cho các doanh nghiệp.



## Sản phẩm gia dụng

Kênh phân phối hiện đại và truyền thống. Hệ thống Showroom quảng bá thương hiệu, kênh quà tặng doanh nghiệp (Kênh dự án), phát triển kênh online theo xu hướng thời đại, hiện diện ở 60/63 tỉnh thành trên cả nước và đã xuất khẩu đi các thị trường Đức, Israel, Hồng Kông, Malaysia, Campuchia.



## Vật liệu xây dựng

Kênh phân phối ở tất cả 63 tỉnh thành cả nước.



# Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị



DNP Holding (“DNP”) hoạt động theo mô hình công ty đầu tư (investment holding), theo đó DNP thực hiện (i) quản lý vốn, (ii) quản lý chiến lược đầu tư phát triển các công ty thành viên, (iii) nghiên cứu phát triển và tổ chức triển khai các dự án chuyển đổi số để gia tăng lợi thế cạnh tranh, nghiên cứu các giải pháp cải tiến về công nghệ. Các đơn vị thành viên tập trung phát triển sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực cốt lõi phù hợp với chiến lược phát triển chung của DNP.

Mô hình quản trị gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và có Ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Ngoài ra, còn có Ban cố vấn cấp cao gồm các chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực quản trị và vận hành, tài chính, truyền thông... tư vấn cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và thực thi các chiến lược kinh doanh.

# Nền tảng tổ chức

## Khối Quản trị hoạt động Đơn vị thành viên

Xây dựng hệ thống quản trị hoạt động chung của các đơn vị ở các lĩnh vực kinh doanh, đảm bảo tính hiệu quả, an toàn, và tuân thủ các thông lệ tốt về môi trường xã hội (E&S).

- Khối Sản xuất: Các nhà máy sản xuất nhựa/nước sạch/gạch ngói tại các đơn vị thành viên.
- Khối Kinh doanh: Các đội kinh doanh được tổ chức theo mảng kinh doanh, nhóm ngành hàng, thị trường, kênh phân phối...cho các sản phẩm ống và vật tư ngành nước cho các công trình hạ tầng và dân dụng, vật tư thiết bị ngành nước, sản phẩm gia dụng, gạch ngói, bao bì cứng và mềm...
- Khối Phát triển: Gồm các nhóm nghiên cứu, thử nghiệm và phát triển lĩnh vực kinh doanh và giải pháp mới.

## Khối Holding

- Khối Ngân hàng đầu tư (IB): Nghiên cứu phát triển, đầu tư, quản lý các khoản đầu tư, cấu trúc vốn, huy động vốn tăng trưởng quy mô và đảm bảo tính pháp lý trong quá trình hoạt động và phát triển.
- Khối Nguồn vốn và Quản trị tài chính (TAF): Quản trị dòng tiền, đầu tư tập trung, quản trị kế toán, thuế và quản trị hiệu quả hoạt động, rủi ro tài chính.
- Khối Tiếp thị: Hoạch định và điều phối thực thi chiến lược phát triển thương hiệu, quảng bá sản phẩm, truyền thông, tăng giá trị thương hiệu, hình ảnh và hiệu quả kinh doanh của DNP.
- Khối Nhân sự - Phát triển tổ chức (HR-OD): Xây dựng đội ngũ tinh nhuệ, tổ chức tinh gọn chuyên nghiệp & linh hoạt.
- Khối Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số: Đưa công nghệ thông tin vào vận hành, kinh doanh và quản trị trên toàn hệ thống DNP, gia tăng năng suất lao động và sức cạnh tranh của DNP.
- Các khối nghiệp vụ hỗ trợ: Kế toán, Hành chính... hỗ trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh của DNP và các đơn vị thành viên.



# Công ty con và công ty liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn thực góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
<b>Công ty con</b>						
1	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Lô 06, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh ống nước	45.000.000.000	99,33%	99,33%
2	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	Số 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh nhựa công nghiệp	450.000.000.000	51,01%	51,01%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Thôn Càn, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang	Đầu tư vào các Công ty/ dự án nước sạch	2.542.356.260.000	51,15%	51,15%
4	Công ty Cổ phần CMC	Lô B10 - B11, KCN Thụy Vân, Xã Thụy Vân, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất, kinh doanh và phân phối gạch men	366.908.870.000	51,14%	51,14%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang	Thôn Càn, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	450.510.000.000	99,998%	51,15%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An	Ấp 7, Xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	322.000.000.000	87,98%	44,06%
7	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	Số 8C, Đường Đinh Công Tráng, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	79.199.990.000	86,36%	44,17%
8	Công ty Cổ phần Bình Hiệp	A6-A7 KDC Kênh Bà, Phường Xuân An, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	100.000.000.000	89,38%	41,65%
9	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	Số 137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	79.729.270.000	57,26%	29,29%
10	Công ty Cổ phần Nhà máy Nước Đồng Tâm	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	389.229.900.000	52,68%	26,94%
11	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	Số 489 Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	105.768.270.000	59,47%	28,68%
12	Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Châu Thành	Số 44/6D, Khu phố 3, Thị trấn Tầm Vu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, Dịch vụ công ích	6.885.000.000	96,06%	49,13%

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn thực góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Tiền Giang	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	475.000.000	99,97%	51,13%
14	Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An	M5, Tôn Đức Thắng, Phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	15.000.000.000	99,93%	39,15%
15	Công ty Cổ phần DNP Hawaco	Số 25, Phố Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh vật tư ngành nước	68.000.000.000	50,00%	49,67%
16	Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	Số 27 Lê Trung Nghĩa, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	9.300.000.000	80,00%	39,73%
17	Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện	Tầng 18, Ngọc Khánh Plaza, Số 1 Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	12.500.000.000	80,00%	39,73%
18	Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	Số 198 Đường 16/7, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	41.394.300.000	51,51%	26,34%
19	Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa	Số 243 Trần Quý Cáp, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật đồng hồ đo nước	500.000.000	100,00%	26,34%
20	Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa	Số 198 Đường 16/7, Tổ dân phố 18, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Thương mại dịch vụ và lắp ráp, sản xuất	500.000.000	100,00%	26,34%
21	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	Số 216 Nguyễn Văn Linh, Khu phố Tân Phú, Phường Tân Phú, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	132.038.580.000	84,19%	43,06%
22	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Quảng Bình	Số 81 Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Hải, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	60.000.000.000	89,90%	45,98%
23	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	Số 7, Hẻm 194/70/4 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực xử lý nước cấp và nước thải	10.000.000.000	70,00%	34,76%

# Công ty con và công ty liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn thực góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
24	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	Lô B10-B11, Khu Công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	Hoạt động dịch vụ tài chính	700.100.000.000	99,99%	51,13%
25	Công ty Cổ phần nước thô DNP - Sông Tiên	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	220.000.000.000	99,99%	51,14%
<b>Các công ty liên kết</b>						
1	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Số 250 Hùng Vương, Phường 04, TP. Tân An, Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	122.000.000.000	37,15%	19,00%
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau	Số 204 Quang Trung, Phường 5, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	155.349.000.000	24,27%	12,41%
3	Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	2.999.367.971	25,01%	7,32%
4	Công ty Cổ phần Nước và môi trường Đông Hải	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	10.000.000.000	25,00%	7,32%
5	Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Số 81 Đường Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Hải, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	172.302.040.000	25,00%	12,78%
6	Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Thủ Thừa	Ấp 3 Nhà Thương, Thị trấn Thủ Thừa, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, Dịch vụ công ích	9.062.164.261	48,25%	24,68%
7	Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	Số 70 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Lợi, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Dịch vụ công ích	46.000.000.000	20,33%	8,75%
8	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savannakhet, Lào.	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	6.200.072.890	43,42%	22,15%
9	Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Giang	Số 386 Đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	181.494.460.205	24,99%	12,78%



# Hội đồng Quản trị



## Ông Vũ Đình Độ

Chủ tịch HĐQT

- Ông Vũ Đình Độ là nhà đầu tư, người đồng sáng lập và đồng hành cùng sự phát triển của các công ty phát triển hạ tầng cấp nước, các công ty sản xuất vật tư hạ tầng ngành nước, vật liệu xây dựng,... trong hệ thống Công ty Cổ phần DNP Holding. Ông có kiến thức sâu rộng và gần 20 năm kinh nghiệm xây dựng chiến lược phát triển, kiến trúc tổ chức, hoạt động đầu tư và hoạt động quản trị vận hành doanh nghiệp tại các tổ chức lớn của Việt Nam.
- Ông gia nhập DNP từ năm 2012 với vai trò Giám đốc điều hành và trở thành Tổng Giám đốc và Chủ tịch HĐQT từ 2014.
- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ông Vũ Đình Độ tiếp tục được bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ mới (2022-2027)



## Ông Ngô Đức Vũ

Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

- Ông Ngô Đức Vũ có bằng Thạc sĩ Quản trị Tài chính Trường Quản lý Châu Âu ESCPEAP (Pháp) và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan. Trước đây, ông từng là Giám đốc đầu tư CTCP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, TGD CTCP Chứng khoán Sao Việt, Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Đồng Nai (tên cũ: CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung), TGD DNP Holding. Năm 2017, ông được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT DNP Holding.
- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ông Ngô Đức Vũ tiếp tục được bầu làm Phó Chủ tịch thường trực HĐQT nhiệm kỳ mới (2022-2027).



## Ông Nguyễn Văn Hiếu

Thành viên HĐQT

- Ông Nguyễn Văn Hiếu tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 2004, có 3 năm kinh nghiệm làm kiểm toán viên tại Công ty kiểm toán quốc tế và 5 năm làm Giám đốc tài chính Tập đoàn T&C Holding.
- Ông gia nhập DNP Holding từ năm 2012, đảm nhận các vị trí quan trọng trong quá trình tái cấu trúc của DNP Holding như Giám đốc kinh doanh (2013), Phó TGD điều hành (2015). Năm 2017, ông được bầu vào HĐQT DNP và giữ vai trò TGD DNP Holding.
- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ông Nguyễn Văn Hiếu tiếp tục được bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới (2022-2027).



## Ông Bùi Quang Bách

Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên HĐQT độc lập

- Ông Bùi Quang Bách xuất thân từ ngành Tài chính - Ngân hàng, từng học và có bằng Thạc sĩ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội. Trong 20 năm làm việc, ông Bách từng giữ chức vụ quan trọng tại các cơ quan thuộc lĩnh vực đầu tư như Ủy ban chứng khoán nhà nước, Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt, Công ty Cổ phần chứng khoán Đại Dương, Công ty Cổ phần chứng khoán Kim Long, Công ty Cổ phần Sam Holdings, Công ty TNHH Capella Group.
- Ông Bùi Quang Bách được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ mới (2022-2027) DNP Holding tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

# Hội đồng Quản trị



## Ông Hồ Anh Dũng

Thành viên HĐQT

- Ông Dũng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán với hơn 10 năm làm việc tại các đơn vị như CTCP Chứng khoán Sài Gòn, CTCP Tập đoàn FPT, CTCP Chứng khoán MBS. Về chuyên môn, ông tốt nghiệp cử nhân ngành Tài chính Doanh nghiệp tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và hoàn thành chương trình thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Hiện nay ngoài vị trí thành viên HĐQT DNP Holding (tham gia từ tháng 5.2019), ông còn là Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Quốc Gia.
- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ông Hồ Anh Dũng tiếp tục được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới (2022-2027).



## Bà Phan Thùy Giang

Thành viên HĐQT

- Bà Phan Thùy Giang là Thạc sỹ chuyên ngành tài chính với gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng. Gia nhập DNP Holding từ năm 2017, bà đã từng đảm nhiệm các vị trí trong Ban kiểm soát của các công ty trong hệ thống ngành nước của DNP Holding và gần đây nhất là Công ty Cổ phần CMC... Trước khi được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc, Bà Giang đảm nhiệm vai trò là Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư tại DNP Holding và đã có nhiều đóng góp quan trọng trong các dự án lớn trong lĩnh vực tài chính, đầu tư của công ty cho đến ngày hôm nay. Tháng 7/2021, bà được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị DNP Holding nhiệm kỳ mới (2022-2027).



## Ông Akhil Jain

Thành viên HĐQT độc lập

- Ông Akhil Jain có bằng thạc sỹ Quản trị Kinh doanh có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính và quản lý quỹ. Từ năm 2010 - 2015, ông lần lượt làm việc tại quỹ đầu tư tư nhân Argonaut và Quản lý mảng đầu tư của Navis Capital Partner. Hiện tại, ông Akhil Jain đang là Giám đốc tại Quỹ đầu tư Olympus Capital Asia. Tháng 7.2021, ông được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập DNP Holding.
- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ông Akhil Jain tiếp tục được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới (2022-2027).

# Ủy Ban Kiểm Toán



## Ông Bùi Quang Bách

Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán

- Ông Bách xuất thân từ ngành Tài chính - Ngân hàng, từng học và có bằng Thạc sỹ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội. Trong 20 năm làm việc, ông Bách từng giữ chức vụ quan trọng tại các cơ quan thuộc lĩnh vực đầu tư như Ủy ban chứng khoán nhà nước, Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt, Công ty Cổ phần chứng khoán Đại Dương, Công ty Cổ phần chứng khoán Kim Long, Công ty Cổ phần Sam Holdings, Công ty TNHH Capella Group.
- Ông Bùi Quang Bách được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ mới (2022-2027) DNP Holding tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; và được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.



## Ông Hồ Anh Dũng

Thành viên Ủy Ban Kiểm toán

- Ông Dũng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán với hơn 10 năm làm việc tại các đơn vị như CTCP Chứng khoán Sài Gòn, CTCP Tập đoàn FPT, CTCP Chứng khoán MBS. Về chuyên môn, ông tốt nghiệp cử nhân ngành Tài chính Doanh nghiệp tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và hoàn thành chương trình thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Hiện nay ngoài vị trí thành viên HĐQT DNP Holding (tham gia từ tháng 5.2019), ông còn là Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Quốc Gia.
- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ông Hồ Anh Dũng tiếp tục được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ (2022-2027); và được bổ nhiệm làm Thành viên Ủy ban Kiểm toán.

# Ban Tổng Giám đốc



## Ông Hoàng Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

- Ông Hoàng Anh Tuấn là Thạc sĩ Quản lý kinh tế với hơn 11 năm kinh nghiệm và đảm nhận nhiều vị trí cấp cao về quản trị, điều hành kinh doanh, tài chính - kế toán. Ông Tuấn gia nhập Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (nay là Công ty Cổ phần DNP Holding) từ năm 2012 và đảm nhận các vị trí Kế toán trưởng và Giám đốc vận hành. Ông Tuấn tiếp tục được bổ nhiệm nhiều vị trí chủ chốt như Phó Tổng Giám đốc (2018), Tổng Giám đốc (02/2019-04/2022) tại Công ty Cổ phần Tân phú Việt Nam – một đơn vị thành viên đang ngày càng lớn mạnh của DNP Holding. Ông Tuấn được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc DNP Holding từ ngày 06/02/2023 và kiêm nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân phú Việt Nam.



## Ông Lê Cát Hanh

Phó Tổng Giám đốc

- Ông Lê Cát Hanh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh nguyên vật liệu và giải pháp hạ tầng. Trước khi gia nhập DNP Holding, ông Hanh đã từng đảm nhiệm chức vụ quản lý tại BASF Vietnam, Akzonobel Decorative Paint Vietnam, Avery Denison RIS Vietnam, Saint-Gobain Vietnam.
- Tháng 11 năm 2022, Ông Hanh gia nhập DNP Holding với vai trò Phó Tổng Giám đốc.



## Ông Trần Hữu Chuyên

Phó Tổng Giám đốc

- Ông Trần Hữu Chuyên – thành viên đã gắn bó với Công ty trong hơn 30 năm hình thành và phát triển. Ông Chuyên từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của Công ty từ những năm 2003 đến nay.
- Tháng 4.2017, ông Chuyên được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc.



## Bà Phan Thùy Giang

Phó Tổng Giám đốc

- Bà Phan Thùy Giang là Thạc sĩ chuyên ngành tài chính với gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng. Gia nhập DNP Holding từ năm 2017, bà đã từng đảm nhiệm các vị trí trong Ban kiểm soát của các công ty trong hệ thống ngành nước của DNP Holding và gần đây nhất là Công ty Cổ phần CMC... Bà Giang đảm nhiệm vai trò là Giám đốc khối Ngân hàng đầu tư tại DNP Holding và đã có nhiều đóng góp quan trọng trong các dự án lớn cũng như những thành quả trong lĩnh vực tài chính, đầu tư của công ty. Bà Giang được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc DNP Holding từ tháng 8 năm 2021.



## Ông Trần Thái Sơn

Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng

- Ông Trần Thái Sơn tốt nghiệp đại học kinh tế quốc dân năm 2012, có 3 năm kinh nghiệm làm kiểm toán viên tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và 1 năm kinh nghiệm làm kiểm toán nội bộ tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
- Ông tham gia DNP từ năm 2016, đảm nhận các vị trí kiểm soát tài chính, phó phòng Tài chính kế toán, Kế toán trưởng trước khi được bổ nhiệm làm Giám đốc tài chính của Công ty.

# Định hướng phát triển

## Tầm nhìn 2022 - 2026

DNP trở thành Tập đoàn hơn 16.800 tỷ doanh thu vào năm 2026, dựa trên nền tảng các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi:



DNP trở thành công ty hơn

# 16.800

tỷ doanh thu

VÀO NĂM 2026

### Ngành nước sạch và môi trường

- Công suất nước sạch đạt 1,5 triệu m<sup>3</sup>/ngày đêm, vận hành 200.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm mảng xử lý nước thải, và đạt doanh thu khoảng 3.000 tỷ đồng năm 2026.

### Hệ sinh thái ngành nước

- Ống nhựa và Vật tư thiết bị Ngành nước: Top 3 Việt Nam về ống nhựa và phụ kiện; cung cấp vật tư thiết bị công nghệ, giải pháp xử lý nước.

### Gia dụng cao cấp

- Phát triển INOCHI thành thương hiệu gia dụng cao cấp, thương hiệu Quốc gia vươn tầm Quốc Tế, Top 1 thương hiệu gia dụng được yêu thích ở Việt Nam, với đa dạng các loại vật liệu như nhựa, gốm sứ, thủy tinh, khác. Hướng đến quy mô ~ 1.500 tỷ doanh số vào năm 2027, tốc độ tăng trưởng bình quân 25%/năm.

### Bao bì

- Duy trì mảng bao bì cứng và bao bì mềm phát triển bền vững, tăng trưởng 10%/năm

### Vật liệu xây dựng

- Top 3 Việt Nam về gạch ốp lát và ngói tráng men cao cấp, đạt doanh thu khoảng 5.000 tỷ đồng vào năm 2026.

# Chiến lược thực hiện



- Đầu tư cho con người và tập trung phát triển nguồn nhân lực tinh nhuệ.
- Xây dựng và tổ chức bộ máy quản trị và điều hành hiện đại, chuyên nghiệp theo mô hình tiên tiến, hiệu quả.
- Đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số trên toàn hệ thống, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, minh bạch, để cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, hướng tới phát triển bền vững.
- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, hợp tác với các đối tác chuyên ngành trong và ngoài nước để rút ngắn thời gian chuyển giao kinh nghiệm công nghệ và quản trị đã thành công.
- Xây dựng phát triển thị trường mới cho các chuỗi sản phẩm trọng tâm của DNP.
- Tạo lợi thế cộng hưởng vượt trội thông qua phát huy sức mạnh hợp lực của các đơn vị thành viên dưới mái nhà chung DNP.





## Chiến lược ngành nước và môi trường

### Triển vọng ngành nước và môi trường

Triển vọng ngành nước gắn liền với tăng trưởng kinh tế, quá trình đô thị hóa và sự phát triển của các ngành công nghiệp. Do đó, nhu cầu tăng trưởng công suất nước sạch vẫn rất cao. Theo thông tin từ Hội Cấp thoát nước Việt Nam (VWSA), năm 2022, nhu cầu sử dụng nước của các hộ gia đình đạt từ 8,2 triệu m<sup>3</sup>/ngày đêm đến 8,6 triệu m<sup>3</sup>/ngày đêm, tăng 6% so với cùng kỳ vào năm 2023. Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng nước công nghiệp tăng 5~8% so với cùng kỳ sau. Cụ thể, lượng nước tiêu thụ tại Bình Dương, Đồng Nai, Bắc Ninh, Bắc Giang (các cụm khu công nghiệp) tăng lần lượt 6%, 7%, 5% và 8% so với cùng kỳ trong năm 2022. Ở phía nguồn cung, theo Bộ Xây dựng, đến năm 2022, Việt Nam có 750 nhà máy nước sạch ở khu vực đô thị và nông thôn đi vào hoạt động, với tổng công suất 11,2 triệu m<sup>3</sup>/ngày.

### Định hướng chiến lược

Không nằm ngoài xu hướng phát triển của ngành, DNP Water có chiến lược trở thành công ty hàng đầu về đầu tư và giải pháp trong ngành nước Việt Nam. Cụ thể, chiến lược của Công ty với ngành nước trong những năm tới như sau:

- Tích cực tăng quy mô thông qua việc M&A và phát triển các dự án cấp nước mới với quy mô lớn tại những địa bàn có nhu cầu sử dụng nước cao phục vụ cho sinh hoạt, hoạt động công nghiệp, dịch vụ - du lịch, giải quyết các thách thức về nguồn nước, nâng công suất các nhà máy hiện hữu, tham gia đối tác chiến lược trong các công ty cấp nước có nhu cầu phát triển hệ thống cấp nước, và tham gia đầu tư, vận hành các dự án nước thải. Hướng tới mục tiêu tăng tỷ lệ người dân được tiếp cận với nước sạch đạt tiêu chuẩn đến mức 100% tại các khu vực DNP Water hoạt động.
- Tăng cường hiệu quả hoạt động tại các công ty cấp nước thành viên thông qua chương trình chuyển đổi số triệt để ở tất cả các khâu trong quá trình hoạt động, từ xây dựng hệ thống đến áp dụng các mô hình quản trị dựa vào quá trình số hóa nhằm tăng năng suất lao động, cải thiện hoạt động sản xuất, đảm bảo an toàn sản xuất và đảm bảo chất lượng nước cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; cải thiện công tác quản lý mạng lưới cấp nước, mở rộng địa bàn và phát triển tệp khách hàng cũng như gia tăng hiệu quả đầu
- nối; thực hiện các dự án nhằm giảm thất thoát nước, đảm bảo an ninh an toàn nguồn nước và chất lượng nước cấp tới người tiêu dùng.
- Tham gia đề xuất, đầu tư và quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tại các đô thị của Việt Nam thông qua việc tăng cường hợp tác quốc tế về vốn và công nghệ nhằm góp phần bảo vệ môi trường và hạn chế biến đổi khí hậu.
- Phát triển nguồn nhân lực nội tại thông qua việc tổ chức các chương trình đào tạo, phát triển kỹ năng và học tập để hỗ trợ người lao động phát triển sự nghiệp, xây dựng những chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động. Dưới sự lãnh đạo của đội ngũ quản lý có năng lực cao, có nhiều thành tựu trong các lĩnh vực cốt lõi; đội ngũ nhân viên lành nghề, giàu kiến thức và kinh nghiệm, kết hợp với thế mạnh về công nghệ, kỹ thuật, tài chính, quản trị ... của các đối tác chiến lược trong và ngoài nước, DNP Water phát huy các nguồn lực hướng tới mục tiêu trở thành nhà điều hành hàng đầu trong ngành nước tại Việt Nam.



## Chiến lược nhóm ngành hệ sinh thái ngành nước

### Triển vọng nhóm ngành hệ sinh thái ngành nước

- Màng kinh doanh ống nhựa hạ tầng và vật tư thiết bị, giải pháp cho ngành nước được dự báo tiếp tục tăng trưởng theo nhu cầu đầu tư phát triển hạ tầng cấp thoát nước tại các địa phương, khu công nghiệp... với xu hướng FDI tăng và dịch chuyển nhiều nhà máy sản xuất vào Việt Nam.
- Cùng với đó, giải ngân đầu tư công vào xây dựng hạ tầng và tốc độ đô thị hóa nhanh sẽ là động lực tăng trưởng cho ngành nước nói chung và vật tư thiết bị nói riêng. Theo Tổng cục thống kê, đầu tư công được dự báo tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2023 với kế hoạch giải ngân 700.000 tỷ đồng với mục tiêu trọng tâm là phát triển hạ tầng giao thông và đô thị quốc gia, thúc đẩy nền kinh tế phát triển và lan tỏa đến nhiều ngành nghề trọng điểm.

### Định hướng chiến lược

- Trở thành nhà cung cấp số 1 về giải pháp và vật tư thiết bị ngành nước. DNP có định hướng tập trung làm giàu hệ sinh thái các công ty cấp nước truyền thống, mở rộng ngành thoát nước, thủy lợi, mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước.
- Từng bước chuyển đổi DNP Hawaco thành 1 công ty giải pháp, công nghệ, tăng năng lực triển khai tích hợp giải pháp, công nghệ lõi của ngành nước, tiến đến chuyển đổi số.
- Về ống nhựa và phụ kiện, DNP tiếp tục củng cố vị thế số 1 màng ống nhựa hạ tầng dựa trên định hướng chiến lược như sau:
  - Phát huy thế mạnh trên cơ sở sở hữu tập khách hàng hạ tầng cấp thoát nước chất lượng cao, kết hợp tăng trưởng tự nhiên và mở rộng thị trường ra các tỉnh miền Bắc.
  - Phát triển phân khúc ống nhựa và phụ kiện cho toà nhà, khu dân cư gắn liền với xu hướng đô thị hoá; Nâng cao vị thế trên thị trường dự án với năng lực và uy tín đã được khẳng định thông qua triển khai hầu hết các dự án của các chủ đầu tư lớn, điển hình như Masterise, Son Kim Land, Nam Long, Kepel, Đất Xanh group, Novaland, Khang Điền... Nhựa Đồng Nai được công nhận là nhà cung cấp dẫn đầu các giải pháp ống và phụ kiện cho công trình cao tầng.
  - Phát triển mạnh mẽ hơn nữa các giải pháp phụ kiện thông minh và đa dạng nhằm giúp khách hàng có thể gia tăng hiệu quả thi công cũng như tối ưu hóa không gian cho kiến trúc công trình.
  - Phát triển thị trường kênh bán lẻ: tiếp nối sự hiện diện trên kênh bán lẻ trong 2 năm vừa qua, Nhựa Đồng Nai tiếp tục đẩy mạnh phương thức tiếp cận hiện đại kết hợp giữa bán hàng trực tiếp và gián tiếp online; Phát triển những đối tác nhà phân phối có năng lực tốt; Nắm bắt xu hướng tiếp thị số hiện đại để tiếp cận khách hàng mục tiêu một cách hiệu quả cao.





## Chiến lược sản phẩm gia dụng cao cấp

### Triển vọng ngành gia dụng cao cấp

Theo thống kê của Bộ Công Thương, sức chi cho hàng gia dụng tại thị trường Việt Nam chiếm khoảng 9% tổng gói tiêu dùng cá nhân. Trong 11 nhóm ngành hàng chính, nhóm hàng gia dụng đứng thứ tư về quy mô tiêu dùng, vào khoảng 13 tỷ USD. Số người tiêu dùng quan tâm đến hàng gia dụng trong nước cũng ngày càng tăng. Nếu trước đây thị trường chủ yếu là các tập đoàn nước ngoài lớn ở phân khúc cao cấp, các công ty Việt Nam ở phân khúc trung cấp và bình dân, thì hiện tại nhiều doanh nghiệp Việt đã đầu tư hơn về phát triển sản phẩm và năng lực sản xuất, cải thiện chất lượng, mẫu mã... để tham gia vào phân khúc cao hơn.



Trong đó, Tân Phú Việt Nam có thể nói là doanh nghiệp tiên phong với thương hiệu sản phẩm gia dụng cao cấp INOCHI phát triển nhanh và mạnh từ 2018, đến nay đã có dải sản phẩm trên 650 SKU gồm nhiều nhóm tiện ích gia dụng và đa dạng chất liệu (nhựa, gốm sứ, thủy tinh, silicon). Song song với việc phát triển sản phẩm, thị trường gia dụng đòi hỏi các doanh nghiệp tham gia sâu rộng vào các kênh phân phối để đưa sản phẩm đến người tiêu dùng.

### Định hướng chiến lược

Định hướng Chiến lược kinh doanh mảng sản phẩm gia dụng của công ty gồm:

- Trở thành Thương hiệu Quốc gia vươn tầm quốc tế, xác định địa thị trường xuất khẩu là thị trường tiềm năng để có thể phát triển gia tăng độ phủ của thương hiệu.
- Tăng cường quảng bá sản phẩm, phát triển kênh phân phối đa kênh và phủ rộng, thâm nhập sâu các kênh phân phối truyền thống và kênh hiện đại, tập trung phát triển kênh thương mại điện tử theo xu hướng của thời đại.
- Ưu tiên cho việc phát triển sản phẩm với các nguyên vật liệu chính: nhựa, thủy tinh, gốm sứ, giữ nhiệt và phát triển các giải pháp nhằm "Tối ưu hóa không gian sống" và cung cấp "Sản phẩm an toàn cho sức khỏe" cho người tiêu dùng.



## Chiến lược ngành bao bì

### Triển vọng ngành bao bì

Tăng trưởng bình quân của ngành bao bì được dự báo trên 13%/năm trong giai đoạn 2021-2027 (theo Vietnam Report), với các động lực: (1) Việc ký kết các hiệp định thương mại tự do; (2) Sự phát triển của thương mại điện tử. Tính bền vững và chuyên đổi số (đặc biệt là thương mại điện tử) là 2 xu hướng được kỳ vọng sẽ tạo ra cơ hội đáng kể bên cạnh những thách thức cho các doanh nghiệp trong ngành, từ đó định hình thị trường ngành bao bì trong thời gian tiếp theo.

### Định hướng chiến lược

#### BAO BÌ MỀM

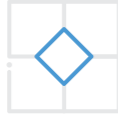
- Duy trì sản lượng cao màng bao bì mềm xuất khẩu truyền thống trên 1.500 tấn/tháng.
- Nâng cấp và chuyển đổi cơ cấu sản phẩm lên chuỗi giá trị gia tăng cao hơn thông qua đầu tư mở rộng nhà máy túi thực phẩm zipper, slider và màng bọc thực phẩm.
- Chiếm lĩnh số 1 thị trường bao bì mềm tại các kênh siêu thị.

#### BAO BÌ CỨNG

- Công ty định hướng khai thác tối ưu công suất sản xuất hiện hữu, tận dụng được tăng trưởng cơ học của ngành, chuyển dịch cơ cấu khách hàng và sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị, tập trung vào các tệp khách hàng lớn.
- Mặc dù kinh tế được dự báo có nhiều khó khăn, nhưng theo Euromonitor, giá trị thị trường ngành thực phẩm và đồ uống (F&B) Việt Nam trong năm 2023 dự kiến sẽ tăng 18% so với 2022, đạt mốc doanh thu khoảng 720.300 tỷ đồng. Với khách hàng chính màng bao bì cứng của công ty là đóng gói sản phẩm cho các doanh nghiệp thực phẩm, hàng tiêu dùng nhanh như "Vinamilk, Nestle, Masan, ECV, Marico, Wipro, Pinaco, GSV..." xu hướng tăng trưởng tiêu dùng tại thị trường Việt Nam tạo địa phát triển lớn cho doanh thu cho mảng kinh doanh này.







## Chiến lược ngành vật liệu xây dựng

### Triển vọng ngành Vật liệu xây dựng

DNP tập trung phát triển vật liệu xây dựng cho giai đoạn hoàn thiện. Đây là mảng kinh doanh có nhu cầu lớn vì tốc độ đô thị hoá và thị trường xây dựng Việt Nam được đánh giá có dự địa tăng trưởng cao, trên 10%/năm, trong 10 - 20 năm tới. Công ty thực hiện chiến lược tái cơ cấu nền tảng sản xuất kinh doanh và chuyển đổi mô hình sang giai đoạn tăng trưởng nhanh, đồng thời củng cố nền tảng phát triển dài hạn một cách bền vững.

### Định hướng chiến lược

#### GẠCH ỐP LÁT VÀ NGÓI TRÁNG MEN CAO CẤP

Năm 2023 được dự báo là năm thị trường khó khăn tuy nhiên với sự chuẩn bị trước các kịch bản thay đổi của thị trường, CMC nhận diện được các cơ hội để tối ưu về bộ máy, quy trình, nhận diện làm bàn đạp cho thời điểm vàng khi thị trường quay trở lại nhịp ổn định.

CMC tập trung chiến lược vào 4 mũi nhọn cụ thể như sau:



**Đổi mới/sáng tạo sản phẩm:** CMC đặt trọng tâm nâng cao chất lượng và đa dạng hoá mẫu mã sản phẩm, kết hợp với các chuyên gia nước ngoài cùng tham gia tư vấn về công nghệ, quy trình sản xuất để cải tiến sản phẩm một cách toàn diện. Năm 2023, CMC dự kiến ra mắt tối thiểu 500 mẫu sản phẩm mới cùng 9 bộ sưu tập ứng dụng 15 bề mặt sản phẩm mới với công nghệ cao tạo ra sự khác biệt đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng. Khai thác triệt để dư địa thị trường ngói với các hoạt động phát triển ra mắt dòng ngói phẳng cao cấp Artilo và cải tiến các sản phẩm ngói hiện tại. Tập trung các hoạt động đặc thù cho sản phẩm ngói tại các vùng dư địa tiềm năng.

**Đặt khách hàng ở trung tâm:** Hoạt động Marketing phủ rộng và triển khai liên tục với các chương trình may đo cụ thể dành riêng cho các tập khách hàng khác nhau. Triển khai mạnh mẽ hành trình cùng CMC Phủ xanh Việt Nam với hơn 1.000 quầy kệ, biển bảng, hệ thống nhận diện thương hiệu tại điểm bán. Chuỗi chương trình MIT tới 600 điểm bán với các hoạt động đào tạo, trưng bày sản phẩm, trang bị công cụ bán hàng cho từng Đại lý C2, tạo ra sợi dây gắn kết chặt chẽ giữa Nhà phân phối và Đại lý C2. Tiếp tục triển khai chương trình dài hạn CMC Pro dành riêng cho thầu thợ.

Trong năm 2023, CMC ra mắt mobile app CMC Pro để tăng thời gian kết nối nhanh, rộng rãi và chặt chẽ với đối tượng khách hàng chính của kênh. Tiếp tục triển khai ứng dụng phần mềm ERP vào quản lý kho bãi, cho phép khách hàng đặt hàng online. Đây là hoạt động chuyển đổi số tạo sự khác biệt và có lợi thế cạnh tranh cho CMC so với các đơn vị trong ngành.

**Vận hành sản xuất xuất sắc:** Kết hợp với các chuyên gia trong & ngoài nước, thực hiện các chương trình KAIZEN, quản trị sản xuất tinh gọn, hiện đại, đầu tư cho R&D, công nghệ mới nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất. Ngoài ra, năm 2023, CMC tiếp tục đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất, với mục tiêu đưa công suất đạt mức 31 triệu m<sup>2</sup>/năm, đáp ứng nhu cầu thị trường

**Xây dựng tổ chức tinh gọn -đội ngũ tinh nhuệ:** Xây dựng văn hóa thực thi hiệu quả, tốc độ, tinh gọn tổ chức. Đầu tư mạnh mẽ cho việc thu hút, đào tạo & phát triển tài năng nội bộ. Xây dựng môi trường làm việc an toàn - hiệu quả - hạnh phúc.

# Các yếu tố rủi ro



## Rủi ro về chính sách



Hoạt động của công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật đầu tư... và các Nghị định và các Thông tư hướng dẫn liên quan. Bên cạnh đó, công ty còn chịu sự kiểm soát chặt chẽ bởi các văn bản pháp luật liên quan đến ngành khai thác, xử lý và cung cấp nước, tiêu biểu như:

- Vấn đề khai thác nguồn nước, xả thải nước vào các nguồn nước đều được điều tiết chung bởi Luật Tài nguyên nước, Luật Thủy lợi, Luật Bảo vệ Môi trường...
- Công tác đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước, chất lượng nước được điều tiết bởi Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước...
- Công tác sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được điều tiết bởi Nghị định 124/2011/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP)

Hướng tới phát triển bền vững ngành Nước, thời gian tới, các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về cấp, thoát nước; ban hành cơ chế chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống cấp thoát nước, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các bộ ngành, cơ quan, hội nghề nghiệp liên quan nghiên cứu xây dựng Luật Cấp thoát nước, trình Quốc hội thông qua trước năm 2025.

Vì vậy, Công ty cần liên tục cập nhật những thông tin mới để tránh gây ra những tổn thất không đáng có cho doanh nghiệp, cũng như cải thiện môi trường pháp lý cho các hoạt động của doanh nghiệp.

## Rủi ro pháp lý



Với hoạt động ở nhiều mảng kinh doanh trong nhiều lĩnh vực, ngoài hệ thống Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định liên quan, hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật, quy định và chính sách về xây dựng, bất động sản, quản lý ngành nước sạch... Một số văn bản pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty có thể kể đến Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021 - 2025, Nghị định 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, Chỉ thị 34/CT-TTg ngày 28/08/2020 về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục...

Để quản lý rủi ro về mặt pháp lý, bộ phận Pháp chế và các đơn vị chuyên môn tham mưu, tư vấn cho HĐQT và Ban điều hành về những vấn đề liên quan đến luật pháp, thường xuyên theo dõi, cập nhật các thay đổi trong các văn bản pháp luật và các ảnh hưởng nếu có đến hoạt động kinh doanh của công ty, rà soát các văn bản liên quan đến chính sách, định hướng phát triển của công ty để đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ quy định pháp luật.



# Các yếu tố rủi ro

(tiếp theo)

## Rủi ro về môi trường



Cùng với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội thì tình trạng ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt tài nguyên môi trường cũng diễn ra phức tạp, có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bền vững của ngành nước. Hiện nay, nguồn nước sạch đã bị ô nhiễm, chủ yếu là ô nhiễm nước thải sinh hoạt.

Việc thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình còn hạn chế. Theo Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ xây dựng), năm 2022, cả nước mới có khoảng 71 nhà máy xử lý nước thải tập trung đi vào vận hành. Và hiện nay, tỷ lệ thu gom xử lý nước thải sinh hoạt đô thị vẫn còn ở mức thấp, mới chỉ đạt khoảng 15%, còn lại hầu hết nước thải từ các hộ dân đều xả trực tiếp vào hệ thống cống, rãnh, sông ngòi.

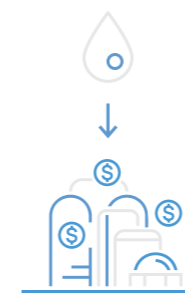
Tại các KCN, cụm KCN việc đầu tư và áp dụng công nghệ xử lý nước thải chưa đáp ứng yêu cầu. Nhiều KCN, cụm KCN không có hệ thống xử lý nước thải tập trung, hoặc một số cơ sở sản xuất có xử lý nước thải nhưng không đạt quy chuẩn cho phép. Ngoài ra, còn một lượng lớn nước thải công nghiệp từ các làng nghề tiểu thủ công nghiệp, từ các hộ sản xuất công nghiệp vừa và nhỏ gần như không được xử lý trước khi xả vào các nguồn nước tiếp nhận.

Để giải quyết tình trạng này cần có giải pháp tổng thể cấp bách và lâu dài. Trước tiên phải thực hiện giải pháp song song là cải thiện chất lượng các nguồn nước cấp qua việc đầu tư các công trình thu gom, xử lý nước thải, rác thải và cơ chế đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hiệu quả các công trình cấp nước tập trung.

Để bảo đảm cho người dân được sử dụng nước đạt quy chuẩn của Bộ Y tế thì việc bảo vệ các nguồn cấp nước, bao gồm cả nước mặt và nước dưới đất, cũng vô cùng cần thiết. Công ty và các đơn vị thành viên trong mạng cấp thoát nước thường xuyên phối hợp với các cơ quan ban ngành phụ trách kiểm tra nguồn nước đầu vào, báo cáo nếu có hiện tượng bất thường và đưa ra biện pháp giải quyết khẩn cấp, tránh để xảy ra các rủi ro, cũng như thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, tránh xả rác thải xuống nguồn nước cấp. Bên cạnh đó, công ty cũng kiểm tra chất lượng nước đầu vào thường xuyên để đánh giá chất lượng nguồn nước đầu vào một cách toàn diện và đưa ra giải pháp xử lý nước phù hợp. Tất cả những biện pháp trên nhằm đảm bảo an ninh, an toàn nguồn nước, và cung cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn đến người tiêu dùng cuối cùng.



## Rủi ro về giá nước



Hiện nay, giá nước sạch được điều tiết bởi Nhà nước. Cụ thể, Bộ Tài chính quy định khung giá, phương thức tính giá, lợi nhuận định mức trên cả nước, UBND cấp tỉnh quyết định phê duyệt giá nước sạch tại địa phương mình nhưng không vượt quá khung giá do Bộ Tài chính quy định, với sự tham mưu của các cơ quan ban ngành. Do đó, giá nước ở các địa phương là khác nhau.

Ngoài ra, theo Điều 4 của Thông tư 44/2021/TT-BTC quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt ("Thông tư 44") cũng quy định: "Hàng năm, đơn vị cấp nước chủ động rà soát việc thực hiện phương án giá nước sạch và giá nước sạch dự kiến cho năm tiếp theo. Trường hợp các yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh nước sạch biến động làm giá nước sạch năm tiếp theo tăng hoặc giảm, đơn vị cấp nước lập hồ sơ phương án giá nước sạch gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định điều chỉnh".

Trong những năm qua, sự biến động về giá cả thị trường đã làm nhiều yếu tố chi phí đầu vào cho quá trình sản xuất nước sạch của các doanh nghiệp nước sạch gia tăng như điện, mức lương tối thiểu, nguyên vật liệu, hóa chất... Mặt khác, nhu cầu người dân dùng nước tăng cao, trong khi công suất và năng lực phục vụ của một số hệ thống cấp nước lâu đời đang bị hạn chế. Nhu cầu vốn dùng cho việc sửa chữa và cải tạo nâng cấp, đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước là rất lớn.

Tuy nhiên, nhiều lúc đơn giá nước sạch chưa được điều chỉnh kịp thời, do đó, để vượt qua những khó khăn nhất định về mặt tài chính. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty luôn chủ động công tác dự báo để có chiến lược kinh doanh phù hợp, giảm thiểu chi phí, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.





CHƯƠNG

# 03

## Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

56	Tổng quan kinh tế vĩ mô 2022 và dự báo 2023
60	Kết quả hoạt động kinh doanh 2022
66	Tình hình tài chính
68	Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023
70	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

# Tổng quan kinh tế vĩ mô 2022 và dự báo 2023

## Thế giới

Tăng trưởng GDP 2023

**2,7%**

Năm 2022, nền kinh tế toàn cầu phải đối mặt với các thách thức đa chiều. Lạm phát lan mạnh toàn cầu cùng với sự xáo trộn chuỗi cung ứng đã gây bất cân xứng giữa cung và cầu. Tuy vậy, điểm sáng cũng hiện lên ở cuối năm 2022 và đầu năm 2023 khi Trung Quốc bắt đầu mở cửa trở lại giúp kích thích chi tiêu, du lịch và sản xuất trên toàn cầu.

Dự báo năm 2023, theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), kinh tế thế giới sẽ gặp nhiều khó khăn do các nền kinh tế lớn là Mỹ,

Châu Âu và Trung Quốc đều đang trong giai đoạn giảm tốc. Tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ chậm lại, giảm từ 6,0% năm 2021 xuống 3,2% năm 2022 và 2,7% năm 2023. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất kể từ năm 2001, ngoại trừ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và giai đoạn cấp tính của đại dịch COVID-19. Lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ tăng từ 4,7% năm 2021 lên 8,8% năm 2022 nhưng sẽ giảm xuống 6,5% vào năm 2023 và 4,1% vào năm 2024.

## Việt Nam

GDP Việt Nam vượt

**400** tỷ USD  
▲ 8,02%

Bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2022 có nhiều điểm sáng. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam lần đầu tiên vượt 400 tỷ USD, ghi nhận mức tăng cao nhất trong vòng 12 năm qua với mức tăng 8,02% so với năm 2021. Theo Tổng cục thống kê, GDP bình quân đầu người năm 2022 ước đạt 95,6 triệu đồng/người,

tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021. CPI bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra và thuộc nhóm các nước có mức lạm phát thấp.

CPI bình quân năm 2022 tăng

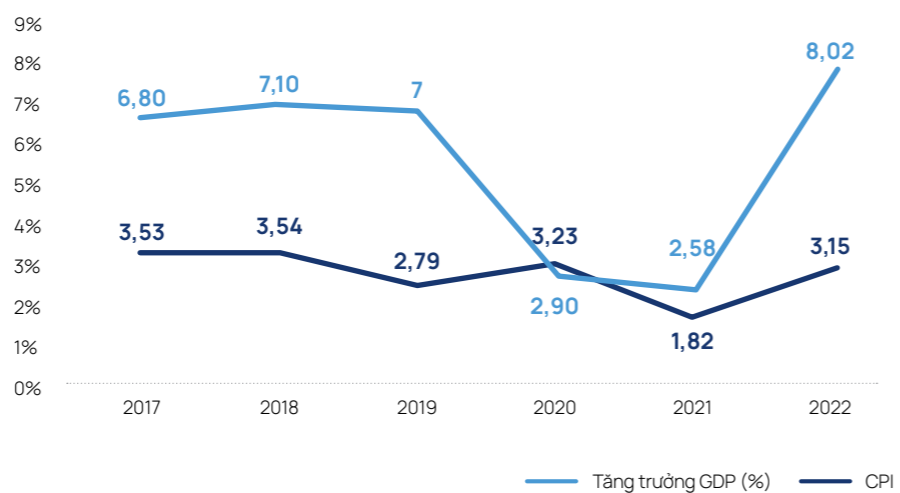
**3,15%**

GDP bình quân đầu người năm 2022 đạt

**4.110** USD

### GDP và CPI

Nguồn: GSO



Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt

**732,5** tỷ USD  
▲ 9,5%

FDI đã giải ngân

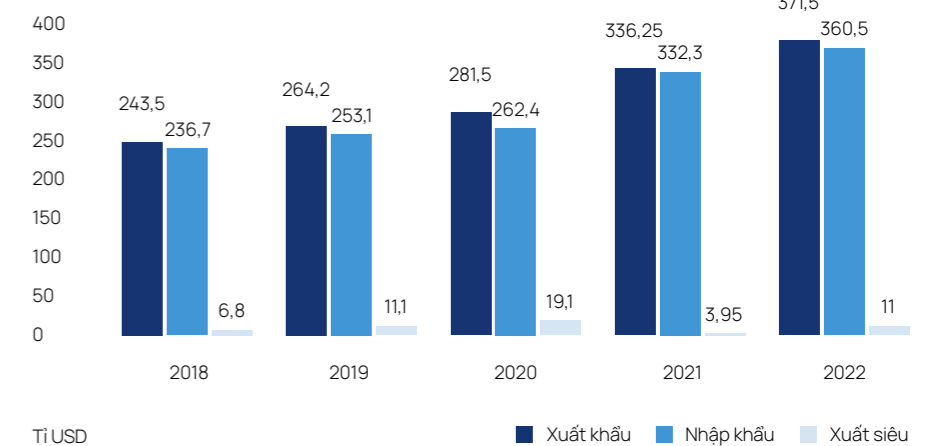
**22,4** tỷ USD  
▲ 13,5%

Xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng trưởng khá và có mức thặng dư tích cực. Tính chung năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 10,6%; nhập khẩu tăng 8,4%, xuất siêu 11,2 tỷ USD. Mặc dù tổng số vốn FDI đăng ký giảm so với cùng kỳ, FDI đã giải ngân được khoảng 22,4

tỷ USD, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2021. Năm 2022 cũng chứng kiến áp lực đến từ hai biến số lớn là tỷ giá và lãi suất. Trong bối cảnh các NHTW trên thế giới vẫn trong chu kỳ thắt chặt tiền tệ nhằm kiểm chế lạm phát, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) không ngoại lệ khi đã điều chỉnh tăng lãi suất trong 2022 để ổn định tỷ giá và hoạt động xuất nhập khẩu.

### Xuất nhập khẩu Việt Nam các năm

Nguồn: GSO



GDP của Việt Nam năm 2023 dự kiến

**6,5%**

Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân

**3,7% - 4%**

Năm 2023, áp lực tăng lãi suất vẫn hiện hữu nhưng đã được giảm dần, bằng chứng là Ngân hàng Nhà nước đã mua vào ngoại tệ và có động thái giảm lãi suất trong các tháng đầu năm 2023 nhằm duy trì mặt bằng lãi suất thấp hơn để hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, kế hoạch đầu tư công 2023 là 700.000 tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay cho thấy khối lượng công việc lớn cũng như quyết tâm của chính phủ trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng hiệu quả giúp thúc đẩy nền kinh tế. Động lực từ chính sách tài khóa mở rộng sẽ là yếu tố quan trọng hỗ trợ đà tăng trưởng của nền kinh tế và thu hút lượng lớn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Theo dự báo của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), tốc độ tăng GDP của Việt Nam năm 2023 dự kiến khoảng 6,5%; tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 3,7% - 4%. Tuy nhiên, rủi ro suy thoái kinh tế, xung đột Nga và Ukraine và sự đứt gãy chuỗi cung ứng nhiều hàng hóa cơ bản, xu hướng liên minh đối đầu giữa các cường quốc sẽ là những nhân tố tiếp tục ảnh hưởng tới nền kinh tế năm 2023. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cần duy trì sự thận trọng trước các yếu tố khó lường của kinh tế vĩ mô.

# Tổng quan kinh tế vĩ mô 2022 và dự báo 2023

## Thị trường nước tại Việt Nam

Doanh thu ngành nước dự kiến tăng

# 8%

NĂM 2023

Tỷ lệ thất thoát nước trung bình dự kiến sẽ giảm xuống

# 16,5%

NĂM 2023

Nhu cầu tiêu thụ nước của hộ gia đình và nhu cầu sử dụng nước trong công nghiệp tăng lần lượt 5% và 5-8%

Năm 2022, nhu cầu tiêu thụ nước của hộ gia đình và nhu cầu sử dụng nước trong công nghiệp tăng lần lượt 5% và 5-8% so cùng kỳ trong khi đó giá nước trung bình (ASP) tăng 3% so với cùng kỳ. Nhu cầu nước sạch tăng trưởng ổn định, đặc biệt ở khu vực công nghiệp khi Việt Nam vẫn đang trong thời kỳ phát triển mạnh mẽ và thu hút nguồn vốn đầu tư lớn từ nước ngoài. Trong dài hạn, tỉ lệ đô thị hóa vẫn ở mức thấp so với khu vực là động lực tăng trưởng cho ngành. Bên cạnh đó tỉ lệ thất thoát nước toàn ngành được cải thiện, từ 18,7% giảm xuống 17,5% cũng giúp cải thiện biên lợi nhuận ngành

(Nguồn: Báo cáo SSI).

Triển vọng ngành nước sạch năm 2023 vẫn duy trì tích cực nhờ nhu cầu và giá bán dự kiến tăng. Theo hiện hội cấp thoát nước Việt Nam, doanh thu ngành nước dự kiến tăng 8% năm 2023. Hiệu quả hoạt động của các công ty phân phối nước tiếp tục được cải thiện. Tỷ lệ thất thoát nước trung bình dự kiến sẽ giảm xuống còn 16,5% vào năm 2023, khi các công ty cấp nước áp dụng hệ thống phát hiện rò rỉ nước cải tiến, bên cạnh

việc cải thiện mạng lưới đường ống dẫn nước cho người tiêu dùng cuối.

Hoạt động M&A các công ty trong ngành nước có dấu hiệu chậm lại. Ngày 29/11/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1479/QĐ-TTg, theo đó, nhà nước vẫn giữ nguyên tỷ lệ vốn nắm giữ tại các công ty trong ngành khai thác, xử lý và phân phối nước trên các địa bàn tỉnh, thành phố tới năm 2025.



## Thị trường vật liệu xây dựng



Ngành vật liệu xây dựng hoàn thiện phụ thuộc nhiều vào nhu cầu và tình hình thị trường bất động sản. Trong ngắn hạn, nhu cầu cho các sản phẩm vật liệu hoàn thiện có khả năng duy trì đà tăng trưởng thấp hoặc đi ngang khi ngành bất động sản vẫn có dấu hiệu trầm lắng. Triển vọng có thể được cải thiện khi các nhân tố chính ảnh hưởng đến lãi suất là lạm phát và tỉ giá dần ổn định từ đó tạo điều kiện cho NHNN hạ lãi suất.

Năm 2023, thị trường được kỳ vọng sẽ ghi nhận sự phục hồi vào nửa cuối năm khi các nghị định tháo gỡ khó khăn pháp lí được hoàn thành giúp đẩy mạnh giao dịch bất động sản và gia tăng nhu cầu vật liệu xây dựng hoàn thiện. Bên cạnh đó, đây cũng là thời điểm các doanh nghiệp tái định hình lại danh mục sản phẩm, tập trung phát triển, cải thiện chất lượng những sản phẩm phục vụ nhu cầu thực và có khả năng tăng trưởng cao, đặc biệt khi Việt Nam đang ở giai đoạn phát triển mạnh mẽ về hạ tầng và công nghiệp. Theo đó, ngành vật liệu xây dựng sẽ được hưởng lợi trực tiếp.



## Thị trường đồ gia dụng



Quy mô ngành nhựa gia dụng Việt Nam ước tính khoảng 7,1 tỷ USD. Trong những năm gần đây, các sản phẩm nhựa gia dụng Việt Nam chiếm tới 90% thị phần nội địa và tập trung ở phân khúc bình dân. Trong khi đó, phân khúc cao cấp đang bị chiếm lĩnh bởi doanh nghiệp nước ngoài do chưa có nhiều doanh nghiệp trong nước chú trọng phân khúc này.

Nhu cầu đồ gia dụng đặc biệt ở phân khúc trung và cao cấp sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ nhờ hai động lực: dân số đang ở thời điểm vàng và xu hướng sẵn sàng chi trả nhiều hơn cho các sản phẩm chất lượng để đảm bảo sức khỏe. Năm 2023 là một năm khó khăn với nền kinh tế nói chung, tuy vậy, các sản phẩm thiết yếu phục vụ đúng nhu cầu và chất lượng cuộc sống ngày một tăng cao ở Việt Nam sẽ tiếp tục làm bệ đỡ thúc đẩy doanh số trên thị trường đồ gia dụng.



# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2022

Năm 2022, mặc dù nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được sự phục hồi mạnh mẽ, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm, tuy nhiên phần lớn các ngành kinh doanh tại Việt Nam vẫn bị tác động bởi những yếu tố bất định của kinh tế toàn cầu.



Doanh thu hợp nhất đạt  
**7.693** tỷ đồng  
▲ 23,3% SO VỚI NĂM 2021

Trong bối cảnh thách thức, tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên DNP Holding và các đơn vị trong hệ thống đã nỗ lực không ngừng, linh hoạt thích ứng với bối cảnh biến động bằng việc đẩy mạnh quá trình tinh gọn, tối ưu các nguồn lực hiện hữu trong hệ thống, tạo đà vững chắc để DNP tiếp tục phát triển về quy mô và cải thiện chất lượng hoạt động, cụ thể:



**Các công ty thành viên trong hệ sinh thái ngành nước** của DNP đã đẩy mạnh việc chuyển đổi số và bước đầu ghi nhận một số thành công trong các hoạt động như: áp dụng phần mềm ghi thu, thanh toán không dùng tiền mặt giúp giảm thiểu tối đa hoạt động thủ công ngoài hiện trường, phần mềm quản lý khách hàng CRM, hỗ trợ khách hàng nhanh chóng, kịp thời thông qua tổng đài Call Center, phần mềm quản lý tài sản, mạng lưới GIS, quản lý công việc Mobile Workforce... Ngoài ra, chương trình nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty thành viên cũng liên tục được thực hiện thông qua các dự án cải tạo, nâng công suất, tự động hóa các khâu vận hành, giám sát bằng việc áp dụng hệ thống SCADA, giảm thất thoát thông qua việc phân vùng, tách mạng DMA, DMZ và công tác rò rỉ hệ thống đường ống. Các dự án mới cũng đạt được nhiều thành tựu trong đó điểm nhấn là 2 dự án: (i) Dự án NMN sạch tại Quảng Châu (Quảng Bình) đã hoàn thành vào tháng 06/2022 và đang

vận hành phát nước giai đoạn 1, đang tiếp tục công việc đấu nối và phát triển các tuyến mới; (ii) Dự án Nhà máy nước sạch BOO Sa Pa đã chính thức khánh thành và đi vào hoạt động từ tháng 11/2022, đảm bảo cho người dân và du khách đến Sapa được sử dụng nguồn nước sạch, an toàn và liên tục. Dự án Sapa được đánh giá là phức tạp và khó thi công bậc nhất từ trước đến nay tại Việt Nam do nền địa chất phức tạp, địa hình đồi núi hiểm trở, độ dốc cao đòi hỏi phải bố trí 4 trạm tăng áp với tổng chiều cao bơm hơn 500m, các hạng mục công trình nằm rải rác tại các khu vực cách xa nhau. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực triển khai các công tác chuẩn bị cho dự án cấp nước thô nước Vùng 1 (các tỉnh Tiền Giang – Long An – Bến Tre) và dự án nhà máy nước sạch Sơn Thành (phục vụ cấp nước cho khu vực Tp. Nha Trang, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa) để phục vụ công tác phê duyệt chủ trương đầu tư và khởi công trong năm 2023.



**Nhựa Đồng Nai** tiếp tục khẳng định vị thế nhà cung cấp dẫn đầu các giải pháp tuyến ống cấp thoát nước tại các công trình hạ tầng cấp thoát nước trọng điểm quốc gia và hệ thống cơ điện MEP toà nhà cao tầng. Năm 2022, Nhựa Đồng Nai được lựa chọn là nhà cung cấp giải pháp ống và phụ kiện cho các dự án của các chủ đầu tư lớn, điển hình như Masterise, Sơn Kim

Land, Nam Long, Kepel, Đất Xanh group, Novaland, Khang Điền... Bên cạnh đó, Nhựa Đồng Nai cũng định vị là nhà cung cấp giải pháp, vật tư số 1 cho ngành cấp thoát nước với đầy sản phẩm hoàn thiện gồm ống, vật tư, thiết bị bơm, van và cả giải pháp phần mềm chất lượng cao, góp phần giải quyết các thách thức ngày càng gia tăng về nguồn nước.



**Tân Phú Việt Nam** tăng hiệu quả hoạt động màng bao bì cứng cho khách hàng công nghiệp và phát triển kinh doanh mạnh mẽ với thương hiệu gia dụng cao cấp INOCHI, thâm nhập sâu vào các kênh phân phối với đầy sản phẩm đa dạng, hiện đã có mặt tại các hệ thống siêu thị, được người tiêu dùng yêu thích vì thiết kế và

chất lượng. Đối với màng bao bì mềm đã thực hiện tái cấu trúc để đưa về Tân Phú Việt Nam trong năm 2022 nhằm gia tăng quy mô nhóm bao bì cứng và bao bì mềm, gia tăng hiệu quả quản lý chuỗi cung ứng, gia tăng khả năng đàm phán với đối tác.



**CMC** đã hoàn thiện tái cấu trúc bộ máy với mục tiêu tinh gọn, hiệu quả và hướng tới khách hàng và nâng cao năng suất. Đồng thời CMC cũng thực hiện thành công việc tái cơ cấu danh mục sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường kết hợp với các chương trình thúc đẩy bán hàng liên quan đến pull marketing (36 chương trình) và các hoạt

động phát triển kênh phân phối như xây dựng 02 showroom lớn (Flagship), các hệ thống trên 300 showroom mini và mở rộng hệ thống nhà phân phối trên toàn quốc, tạo tiền đề tăng trưởng đột phá cho CMC trong giai đoạn tới.

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2022 (tiếp theo)



Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2022 của DNP Holding tiếp tục tăng trưởng so với năm 2021. Doanh thu hợp nhất đạt 7.693 tỷ đồng, tăng 23,3% so với năm 2021 và vượt 2,3% kế hoạch năm 2022. Kết quả này đạt được nhờ sự tăng trưởng ấn tượng của nhóm ngành vật liệu xây dựng và ngành nước trong cấu trúc hợp nhất và sự đóng góp cao hơn của các mảng kinh doanh phát triển tốt như vật tư thiết bị ngành nước, sản phẩm gia dụng...

## Kết quả hoạt động kinh doanh 2022

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	% hoàn thành kế hoạch năm	Thực hiện năm 2021	% thực hiện 2022 so với 2021
1	Doanh thu hợp nhất	7.693	7.524	102,3%	6.237	23,3%
2	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	171	100	170,7%	43	297,7%

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt

**171** tỷ đồng

▲ 297,7% SO VỚI NĂM 2021

Về chỉ tiêu lợi nhuận: Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 171 tỷ đồng, tăng 297,7% so với năm 2021 và cao hơn so với mức kế hoạch đặt ra cho năm 2022 là 70,7%. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế ở mức 95 tỷ đồng, tăng trưởng 313,0% so với năm 2021.

## Kết quả hoạt động kinh doanh theo từng mảng



### Nước sạch và môi trường

Doanh thu nước sạch của công ty năm 2022

**1.068** tỷ đồng

▲ 5,5% SO VỚI NĂM 2021

Doanh thu nước sạch của công ty năm 2022 là 1.068 tỷ đồng, đạt 103,7% kế hoạch năm, tăng trưởng 5,5% so với năm 2021. Công ty tiếp tục tăng quy mô thông qua việc đầu tư vào các công ty nước mới, sắp xếp lại các khoản đầu tư tại các công ty con hiện hữu/liên kết và phát triển dự án tại các khu vực tiềm năng trong đó tập trung các dự án liên vùng góp phần giải quyết vấn đề khan hiếm nước sạch, ô nhiễm, biến đổi khí hậu và hậu quả khai thác nước ngầm quá mức.



### Hệ sinh thái ngành nước

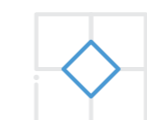
Doanh thu hệ sinh thái ngành nước

**2.589** tỷ đồng

▲ 5,2% SO VỚI NĂM 2021

**Màng ống, phụ kiện và nguyên vật liệu:** Doanh thu năm 2022 đạt 1.925 tỷ đồng, tăng 28,2% so với năm 2021, tiếp tục khẳng định thị phần số 1 về ống nhựa hạ tầng và gia tăng nhanh chóng thị phần trong mảng toà nhà, xây dựng dân dụng.

**Màng vật tư thiết bị ngành nước:** Doanh thu năm 2022 đạt 664 tỷ đồng, tăng 41,2% so với năm 2021. Kết quả này đặt nền tảng vững chắc cho kinh doanh vật tư thiết bị ngành nước trong việc mở rộng địa bàn toàn quốc, bổ sung chuỗi sản phẩm, mở rộng ngành thoát nước, thủy lợi.



### Vật liệu xây dựng

Doanh thu ngành vật liệu xây dựng

**2.022** tỷ đồng

▲ 71,3% SO VỚI NĂM 2021 (\*)

(\*) CMC trở thành công ty con của DNP Holding từ tháng 3/2021, bắt đầu ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ Quý II/2021. Do vậy doanh thu ngành vật liệu xây dựng năm 2022 tăng trưởng mạnh so với 2021.

**Màng vật liệu xây dựng gạch ốp lát và ngói tráng men:** Doanh thu mảng gạch ốp lát và ngói tráng men đạt 2.022 tỷ đồng, tăng 71,3% so với năm 2021, và đóng góp doanh thu ấn tượng trong năm 2022. Bên cạnh duy trì phát triển các sản phẩm gạch, năm 2021 chứng kiến lượng tăng đột biến tại nhóm ngói, do mở rộng thị trường thêm nhiều đại lý, chất lượng ngói ổn định cũng như phát triển phụ kiện ngói đồng bộ.



# Kết quả hoạt động kinh doanh theo từng mảng



## Sản phẩm gia dụng cao cấp

Doanh thu mảng sản phẩm gia dụng năm 2022

**474** tỷ đồng

▲ 44,2% SO VỚI NĂM 2021

Doanh thu mảng sản phẩm gia dụng năm 2022 phát triển nhanh, đạt 474 tỷ đồng, tăng 44,2% so với 2021. Tỷ trọng doanh thu INOCHI trên tổng doanh thu TPP đạt 22,5%.

Doanh thu đạt được tăng trưởng vượt bậc nhờ đẩy sản phẩm đạt độ lớn và sự đa dạng sau bốn năm tập trung đầu tư phát triển và việc thâm nhập sâu rộng vào hệ thống phân phối đa kênh gồm các siêu thị hiện đại, nhà phân phối truyền thống, các kênh phân phối mới như siêu thị mẹ và bé, thương mại điện tử, shop thương hiệu INOCHI, kênh doanh nghiệp với nhóm sản phẩm quà tặng.

Đến cuối năm 2022, với tốc độ phát triển sản phẩm ấn tượng với hơn 150 sản phẩm mới/năm, thương hiệu gia dụng INOCHI đã có trên 600 SKU với đủ các nhóm sản phẩm gia dụng gồm các bộ thau rửa, hộp thực phẩm, sản phẩm mẹ và bé, đồ dùng vệ sinh, các sản phẩm gốm sứ, thủy tinh..., có mặt tại tất cả hệ thống siêu thị lớn và các tỉnh thành trên cả nước. Năm 2022, thương hiệu Inochi đã từng bước xuất hiện ở các thị trường xuất khẩu ở thị trường như Châu Âu, Malaysia, Hongkong, Campuchia, Macao, Israel,...tự tin tiến đến thương hiệu gia dụng Việt Nam vươn tầm quốc tế.



## Bao bì

Ngành bao bì đạt doanh số

**1.540** tỷ đồng

▲ 22,7% SO VỚI NĂM 2021

Bao bì mềm

**834** tỷ đồng

▲ 28,4% SO VỚI NĂM 2021

**Bao bì mềm:** Năm 2022, doanh thu đạt 834 tỷ đồng, tăng 28,4% so với 2021. Năm 2022 đã thực hiện tái cơ cấu và chuyển giao về cho TPP quản lý, góp phần gia tăng năng lực quản trị sản xuất của ngành bao bì mềm. Với tổng công suất 1.500 tấn/tháng, nhiều sản phẩm bao bì cao cấp mới ra mắt, đạt tiêu chuẩn Châu Âu, Công ty đã xuất khẩu đến các thị trường: Châu Âu (Đức, Anh, Pháp, Hà Lan, Bỉ...), Úc, Mỹ đã góp phần đưa doanh thu tăng trưởng vượt bậc.

**Bao bì cứng:** Đạt doanh thu 706 tỷ đồng năm 2022, tăng 16,6% so với năm 2021. Năm 2022, nền kinh tế được phục hồi sau năm dịch, doanh thu mảng Bao bì cứng đã tăng trưởng theo đà phục hồi của thị trường.

Bao bì cứng

**706** tỷ đồng

▲ 16,6% SO VỚI NĂM 2021



# Tổng quan tình hình tài chính công ty

## Tình hình tài chính năm 2022 so với cùng kỳ năm trước

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi
		31/12/2022	31/12/2021	
1	Tổng tài sản	16.529	14.040	17,7%
2	Vốn chủ sở hữu	4.561	3.916	16,5%
3	Doanh thu thuần	7.693	6.237	23,3%
4	Lợi nhuận trước thuế	171	43	297,7%
5	EBITDA	1.458	1.187	22,8%
6	LNTT (loại trừ các bút toán hợp nhất loại phân loại LTTM, giá trị tài sản tăng thêm)	356	228	56,6%

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng tài sản của Công ty đạt 16.529 tỷ tăng 17,7% so với cùng kỳ, vốn chủ sở hữu đạt 4.561 tỷ tăng 16,5% so với cùng kỳ. Doanh thu thuần đạt 7.693 tỷ, tăng 23,3% so với năm 2021. Nếu tính lợi nhuận sau khi loại trừ ảnh hưởng bút toán hợp nhất phân bổ lợi thế thương mại và giá trị tài sản tăng lên sau M&A thì Công ty đạt lợi nhuận trước thuế là 356 tỷ đồng.

## Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi
		31/12/2022	31/12/2021	
<b>1</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>11.968</b>	<b>10.124</b>	<b>18,2%</b>
<b>2</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>6.178</b>	<b>3.662</b>	<b>68,7%</b>
3	Phải trả người bán ngắn hạn	1.303	715	82,2%
4	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	68	49	38,8%
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	96	48	100,0%
6	Phải trả người lao động	97	90	7,8%
7	Chi phí phải trả ngắn hạn	180	152	18,4%
8	Phải trả ngắn hạn khác	438	229	91,3%
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.983	2.359	68,8%
<b>10</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>5.790</b>	<b>6.462</b>	<b>-10,4%</b>
<b>11</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>4.561</b>	<b>3.916</b>	<b>16,5%</b>
12	Lợi ích của cổ đông thiểu số	3.034	2.381	27,4%
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>16.529</b>	<b>14.040</b>	<b>17,7%</b>

## Cơ cấu tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi
		31/12/2022	31/12/2021	
	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>7.604</b>	<b>4.760</b>	<b>59,7%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	921	451	104,2%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	880	282	212,1%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	4.157	2.675	55,4%
4	Hàng tồn kho	1.488	1.252	18,8%
5	Tài sản ngắn hạn khác	158	100	58,0%
	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>8.925</b>	<b>9.280</b>	<b>-3,8%</b>
6	Các khoản phải thu dài hạn	343	377	-9,0%
7	Tài sản cố định	6.974	7.436	-6,2%
8	Bất động sản đầu tư	31	-	100,0%
9	Tài sản dở dang dài hạn	758	428	77,1%
10	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	410	609	-32,7%
11	Lợi thế thương mại	263	330	-20,3%
12	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5	-	100,0%
12	Chi phí trả trước dài hạn	141	100	41,0%
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>16.529</b>	<b>14.040</b>	<b>17,7%</b>

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		
		31/12/2022	31/12/2021	31/12/2020
	<b>CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN</b>			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,23	1,30	1,22
2	Hệ số thanh toán nhanh	0,29	0,20	0,56
	<b>CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN</b>			
3	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,72	0,72	0,72
4	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,62	2,59	2,53
	<b>CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG</b>			
5	Vòng quay hàng tồn kho	4,68	5,69	4,85
6	Vòng quay các khoản phải thu	2,25	3,39	3,63
7	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,47	0,44	0,34
	<b>CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI</b>			
8	Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Doanh thu thuần	1,2%	0,4%	1,0%
9	Hệ số lợi nhuận cổ đông công ty mẹ/ Vốn chủ sở hữu	0,1%	0,2%	0,0%
10	Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Tổng tài sản	0,6%	0,2%	0,3%
11	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	2,0%	0,0%	1,0%
12	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	37	73	132

Kết thúc năm 2022, tổng nguồn vốn của DNP Holding tăng 17,7% so với 2021. Cơ cấu nguồn vốn vẫn ở mức an toàn khi hệ số nợ/tổng tài sản duy trì ở mức 0,72 ngang bằng so với các năm trước. Khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ vẫn ở mức tốt khi hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh vẫn giữ mức an toàn và có xu hướng cải thiện, lần lượt đạt 1,23 và 0,29. Năng lực hoạt động của Tập đoàn cũng tiếp tục được cải thiện với điểm sáng là doanh thu thuần hợp nhất toàn Tập đoàn vẫn tăng mạnh khiến vòng quay tổng tài sản được cải thiện rõ rệt. Bên cạnh đó, khả năng sinh lời cũng dần được cải thiện so với năm 2021.

# Kế hoạch kinh doanh 2023

Trên cơ sở phân tích các yếu tố thách thức và thuận lợi của thị trường cũng như năng lực cạnh tranh của Tập đoàn, DNP đặt mục tiêu kinh doanh theo hướng thận trọng, cụ thể như sau:

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	% so với thực hiện 2022
<b>1</b>	<b>Doanh thu hợp nhất</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>8.432</b>	<b>7.693</b>	<b>109,6%</b>
i	Nước sạch và môi trường	Tỷ đồng	1.011	1.068	94,7%
ii	Hệ sinh thái ngành nước	Tỷ đồng	2.301	2.589	88,9%
iii	Vật liệu xây dựng	Tỷ đồng	2.456	2.022	121,5%
iv	Gia dụng	Tỷ đồng	650	474	137,1%
v	Bao bì	Tỷ đồng	2.014	1.540	130,8%
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>124</b>	<b>171</b>	<b>72,5%</b>
	Lợi nhuận trước thuế (trước ảnh hưởng các bút toán phân bổ LTTM và khấu hao sau M&A)	Tỷ đồng	299	356	84,0%

Tổng doanh thu nước sạch năm 2023

**1.011** tỷ đồng

**Nước sạch và môi trường:** Năm 2023, DNP đặt mục tiêu đạt 1.011 tỷ đồng doanh thu nước sạch, giảm nhẹ 5,3% so với năm 2022 do chủ trương thoái 1 số cụm nhà máy nước nhằm tối ưu nguồn lực. Mặc dù việc hợp nhất/thoái vốn có thể gây ảnh hưởng đến doanh thu và các chỉ tiêu khác trong ngắn hạn nhưng triển vọng tăng trưởng sẽ đến từ các yếu tố (i) tăng trưởng tự nhiên của thị trường hiện hữu, (ii) bắt đầu ghi nhận doanh thu từ các dự án mở rộng vùng cấp nước, tăng sản lượng, tăng công suất và hiệu quả hoạt động đã thực hiện, (iii) phát huy hiệu quả từ việc đẩy mạnh chuyển đổi số toàn hệ thống.

Năm 2023, Tập đoàn sẽ tiếp tục đẩy mạnh và hoàn thiện công tác chuyển đổi số cho các đơn vị ngành nước: (i) Đẩy mạnh triển khai W-CRM cho đơn vị thành viên, nâng cấp về hiệu năng và trải nghiệm người dùng thông qua hoàn thành triển khai MWF và Call Center, Mobile Workforce; (ii) Xây dựng và triển khai Hệ thống quản lý thông tin tài sản Nhà máy nước và Mạng lưới cấp nước; (iii) Xây dựng và triển khai hệ thống quản vận hành, tích hợp lấy số liệu từ SCADA; (iv) Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý mạng lưới cấp nước, tích hợp DataLogger & Đồng hồ đo áp.

**Hệ sinh thái ngành nước:** Tổng doanh thu đạt 2.301 tỷ đồng, giảm 11% so với năm 2022. Trong đó, 1.288 tỷ đến từ màng ống và phụ kiện, 413 tỷ đến từ màng vật tư thiết bị ngành nước và 600 tỷ đến từ màng nguyên vật liệu. Ống nhựa, phụ kiện và vật tư thiết bị ngành nước vẫn duy trì tăng trưởng nhờ tối ưu hóa tập khách hàng và các công trình hiện hữu và tìm kiếm các dự án, đơn hàng mới cùng với triển vọng hồi phục và tăng trưởng của đầu tư công trong năm.

Tổng doanh thu hệ sinh thái ngành nước năm 2023

**2.301** tỷ đồng



Tổng doanh thu Vật liệu xây dựng năm 2023

**2.456** tỷ đồng

**Vật liệu xây dựng:** Tổng doanh thu đạt 2.456 tỷ đồng, tăng 21,5% so với năm 2022.

**Sản phẩm gia dụng:** Trên cơ sở dãy sản phẩm đa dạng, thương hiệu và hệ thống phân phối đa kênh bước đầu được hoàn thiện, mục tiêu của INOCHI là tiếp tục tăng trưởng bền vững năm 2023, đặt mục tiêu 650 tỷ doanh thu, tăng hơn gấp đôi so với năm trước. Đây là mục tiêu khả thi đối với thương hiệu mới sau giai đoạn thâm nhập thành công vào thị trường và đang được đánh giá và đón nhận tốt ở phân khúc mục tiêu nhờ kết hợp hợp lý các tiêu chí thiết kế, chất lượng và giá cả phù hợp với người tiêu dùng Việt Nam.

Tổng doanh thu đồ gia dụng năm 2023

**650** tỷ đồng

**Bao bì:** Năm 2022, bao bì mềem tiếp tục tăng trưởng ổn định và khai thác các khách hàng, sản phẩm mới giá trị cao hơn với mục tiêu doanh thu 835 tỷ tương đương năm 2022. Bao bì cứng duy trì hoạt động kinh doanh ổn định nhờ tình hình kinh tế và tiêu dùng trở lại bình thường. Chỉ tiêu doanh thu 2023 là 1.179 tỷ.

Tổng doanh thu bao bì năm 2023

**2.014** tỷ đồng

**Lợi nhuận toàn Tập đoàn:** Với việc tiếp tục tăng quy mô và phát triển kinh doanh các mảng và phát triển mạnh kinh doanh vật liệu xây dựng khâu hoàn thiện các công trình hạ tầng và dân dụng, doanh thu hợp nhất năm 2023 của DNP dự kiến sẽ tăng 9,6% so với 2022. Lợi nhuận trước thuế, nếu không bị ảnh hưởng bởi các bút toán phân bổ lợi thế thương mại và khấu hao sau M&A được đặt mục tiêu là 299 tỷ đồng.

# Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án lớn

Các dự án đầu tư nâng công suất và hiệu quả hoạt động ngành nước



## Kết quả thực hiện

**TỶ LỆ THẤT THOÁT NƯỚC TRUNG BÌNH NĂM 2022 GIẢM XUỐNG CÒN 9,2%**

Tỷ lệ thất thoát nước trung bình của các đơn vị ngành nước của DNP liên tục giảm từ 11,4% (năm 2020) xuống 11,2% (năm 2021) và năm 2022 là 9,2%, con số này thấp hơn nhiều so với tỷ lệ thất thoát trung bình của ngành nước tại Việt Nam năm 2022, theo thông tin của Cục Hạ tầng kỹ thuật, Bộ xây dựng, là 16,5%.

Các Công ty có tỷ lệ giảm thất thoát rất tốt như Nước sạch 3 Hà Nội giảm từ 14,1% xuống 11,7%; Cấp thoát nước Bình Thuận giảm từ 16,1% xuống 12,7%; Cấp thoát nước Bình Phước từ 16,9% xuống 14,98%...

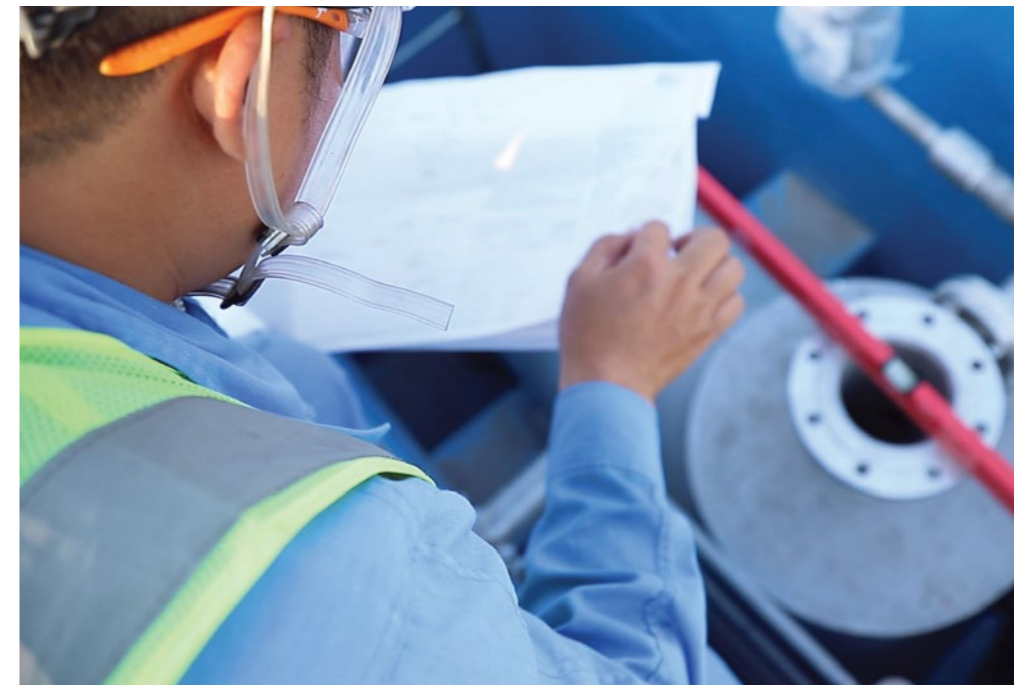
## Lý do thực hiện

Thực hiện chiến lược 5 năm của DNP về nâng công suất và tăng hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên ngành nước, DNP đã tích cực triển khai các dự án xây dựng nhà máy mới, cải tạo nâng công suất nhà máy hiện tại, tự động hóa và giảm thất thoát tại các đơn vị thành viên theo định hướng tối ưu hóa chi phí và thời gian thực hiện, đáp ứng nhu cầu sử dụng của địa bàn cấp nước và tình hình của từng đơn vị.

Năm 2022 và các năm gần đây, DNP Water đã triển khai một số dự án: Xây dựng nhà máy nước sạch tại Quảng Châu tại huyện Quảng Trạch, Quảng Bình; nhà máy nước sạch BOO Sapa tại thị xã Sapa, Lào Cai; nâng công suất nhà máy nước Nhị Thành tại huyện Nhị Thành, Long An; áp dụng chương trình chuyển đổi số

toàn diện trong hệ thống thông qua việc các đơn vị triển khai các phần mềm như GIS, CRM, Mobile Workforce, giám sát và phân tích thường xuyên số liệu vận hành của các công ty thành viên thông qua trang web quản lý vận hành và hệ thống Scada; hoàn thành phân vùng tách mạng và theo dõi chỉ số thất thoát của các đơn vị theo kế hoạch được duyệt; và áp dụng các giải pháp nhằm tiết kiệm chi phí vận hành, sản xuất.

Bên cạnh đó, DNP Water cũng tích cực thực hiện các dự án mở rộng vùng cấp nước đến các khu vực có nhu cầu, vừa tăng sản lượng nước cấp của các đơn vị, vừa đáp ứng nhu cầu nước sạch của người dân và doanh nghiệp.



## TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU KHẢ THI CÁC DỰ ÁN MỚI

Bên cạnh các dự án nâng công suất, tự động hóa, giảm thất thoát tại các công ty nước hiện hữu, DNP Water cũng tích cực nghiên cứu khả thi các dự án mới, ứng dụng công nghệ hiện đại và giải pháp thực tế để cấp nước sạch bền vững cho các địa phương có nhu cầu sử dụng nước cao, có tiềm năng phát triển lớn về dân cư, du lịch như các tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long, Quảng Bình, Sapa...

# Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án lớn (tiếp theo)

Tổng số vốn đầu tư ban đầu hơn

**193** tỷ đồng

Công suất thiết kế

**15.000** m<sup>3</sup>/ngày đêm

Công suất mở rộng

**30.000** m<sup>3</sup>/ngày đêm

## VẬN HÀNH CÁC DỰ ÁN MỚI

### Dự án nhà máy nước Quảng Châu

- Tổng mức đầu tư ban đầu khoảng 193 tỷ đồng
- Thời điểm chính thức được đưa vào vận hành: từ ngày 24/6/2022
- Công suất: Nhà máy có công suất thiết kế 15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; công suất mở rộng lên tới 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, mang đến nguồn nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia, bảo đảm cung cấp và an toàn cho hơn 90 nghìn người dân tại huyện Quảng Trạch và Thị xã Ba Đồn.

Dự án khai thác nguồn nước mặt từ hồ Vực Tròn, với dung tích hữu ích 52,8 triệu m<sup>3</sup> nước thô. Đây là nguồn nước được đánh giá có chất lượng ổn định, trữ lượng dồi dào nhất hiện tại của địa phương, đủ khả năng cung cấp nước lâu dài cho khu vực.

Nhà máy nước sạch Quảng Châu sử dụng công nghệ lắng Lamella, lọc trọng lực với công suất lớn, phương pháp xử lý nước hiện đại, đang được ứng dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới, bảo đảm nước sạch đầu ra đạt tiêu chuẩn cao nhất của Bộ Y tế về tiêu chuẩn nước ăn uống, sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT.



Tổng số vốn đầu tư hơn

**253** tỷ đồng

Công suất thiết kế

**15.000** m<sup>3</sup>/ngày đêm

Công suất mở rộng

**20.000** m<sup>3</sup>/ngày đêm

### Dự án nhà máy nước Sapa

- Tổng số vốn đầu tư hơn 253 tỷ đồng
- Nhà máy có công suất thiết kế 15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, công suất mở rộng lên tới 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Nhà máy nước sạch BOO Sa Pa là một trong những công trình trọng điểm được đầu tư, xây dựng theo hình thức đối tác công tư, do Công ty cổ phần BOO Nước sạch Sa Pa làm chủ đầu tư, Công ty cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP Water là đối tác phát triển.

Dự án được đánh giá là phức tạp và khó thi công bậc nhất từ trước đến nay tại Việt Nam do địa hình đồi núi hiểm trở, nền địa chất phức tạp. Dự án đầu tư xây mới khoảng 4.205,6m ống cấp nước thô bằng ống HDPE và ống thép với đường kính từ D400mm đến D560mm, chạy dọc các tuyến đường giao thông bám theo địa hình, kết hợp các trạm tăng áp để vận chuyển nước thô từ công trình thu ở độ cao 1.178m về tới hồ chứa nước thô ở cao độ 1.670m tại nhà máy với độ cao chênh lệch lên tới hơn 500m.

Nhà máy nước sạch BOO Sapa sử dụng công nghệ lắng Lamella, lọc trọng lực với công suất lớn, phương pháp xử lý nước hiện đại, đang được ứng dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới, bảo đảm nước sạch đầu ra đạt tiêu chuẩn cao nhất của Bộ Y tế về tiêu chuẩn nước ăn uống, sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT.

# Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án lớn (tiếp theo)

## Dự án đầu tư xây dựng Dây chuyền Số 5 sản xuất Gạch Granite - Ngói tráng men Nhà máy CMC số 2 công suất 5 triệu m<sup>2</sup>/năm

### Lý do thực hiện

- Thực hiện chủ trương đầu tư để CMC trở thành Top 3 nhà sản xuất gạch ngói của Việt Nam, với danh mục sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của thị trường, cần đầu tư cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có, cũng như các dây chuyền/nhà máy sản xuất mới.
- Năm 2022 CMC tiếp tục triển khai Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền Số 5 của nhà máy gạch số 2, nâng công suất của nhà máy số 2 lên 21 triệu m<sup>2</sup>/năm.

### Kết quả thực hiện

- Dự án đã hoàn thiện và đi vào sản xuất ổn định từ tháng 10 năm 2022, có thể linh hoạt chuyển đổi trong sản xuất gạch Granite và ngói tráng men
- Nâng tổng công suất của mảng gạch ốp lát và ngói tráng men lên 26 triệu m<sup>2</sup>/năm.

Tổng công suất của mảng gạch ốp lát và ngói tráng men

**26** triệu m<sup>2</sup>/năm

**TOP 3**

NHÀ SẢN XUẤT GẠCH NGÓI CỦA VIỆT NAM



## Đầu tư phát triển thương hiệu gia dụng INOCHI

Inochi đã có hơn

**656** mã hàng

Tốc độ phát triển sản phẩm

**150** sản phẩm mới/năm

### Lý do thực hiện

Từ năm 2018, DNP đã nghiên cứu và xác định đầu tư phát triển các sản phẩm gia dụng chất lượng cao và xây dựng thương hiệu gia dụng Việt Nam cao cấp vì các lý do (i) nhu cầu thị trường nội địa đối với phân khúc này cao, chưa được đáp ứng đủ và có xu hướng tăng trưởng dài hạn, (ii) Tân Phú Việt Nam có khả năng nâng cao năng lực sản xuất với sự hỗ trợ, tư vấn của các chuyên gia, đối tác Nhật Bản, và (iii) sản phẩm chất lượng cao cùng thương hiệu sẽ tạo nên chiến lược kinh doanh khác biệt và giá trị gia tăng lâu dài, vượt trội cho Tân Phú Việt Nam so với gia công bao bì cứng.

Các hạng mục đầu tư cho INOCHI năm 2022 tiếp tục thực hiện theo định hướng trên, đặc biệt chú trọng về việc phát triển sản phẩm mới, tiến hành OEM một số nhóm sản phẩm theo tiêu chuẩn đặc thù để gia tăng nhanh chóng dải sản phẩm về số lượng và chất lượng, khẳng định vị thế INOCHI là thương hiệu gia dụng cao cấp phong cách và tiêu chuẩn Nhật, đáp ứng mọi yêu cầu sử dụng của các gia đình và vươn tầm quốc tế.

### Kết quả thực hiện

Từ hơn 50 mã hàng (SKU) cuối 2018 chủ yếu là mắc áo, kệ, thùng rác... đến cuối 2022, INOCHI đã có tới 656 SKU với đủ các nhóm sản phẩm gia dụng gồm các bộ thau rửa, hộp thực phẩm, sản phẩm mẹ và bé, đồ dùng vệ sinh, các sản phẩm gốm sứ, thủy tinh... Trong đó, các nhóm sản phẩm đều có đủ kích thước, kiểu dáng để đáp ứng nhu cầu sử dụng và thị hiếu đa dạng. Ngoài tốc độ phát triển sản phẩm ấn tượng, INOCHI còn ngày càng được yêu thích bởi phong cách thiết kế trang nhã, tiện dụng đậm phong cách Nhật Bản, phù hợp với xu hướng và không gian sống hiện đại. Với chất liệu nhựa nguyên sinh an toàn với sức khỏe, quy cách đóng gói tối ưu và các sản phẩm thân thiện với môi trường như thùng rác 3 ngăn phân loại rác, hộp thủy tinh, hộp thực phẩm thay thế cho các sản phẩm dùng một lần. Bên cạnh đó, Inochi cũng đã nghiên cứu và sản xuất và phát triển thành công chất liệu nhựa cao cấp tritan với nhiều khuôn mẫu sản phẩm an toàn và thân thiện với người tiêu dùng (bình nước, hộp thực phẩm, thau rửa...).

INOCHI sẽ tiếp tục phát triển thành thương hiệu gia dụng cao cấp đồng hành với các xu hướng tiêu dùng bền vững tại Việt Nam.



# Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án lớn (tiếp theo)

## Đầu tư nhà máy bao bì 5 (bao bì mềm)

Nâng công suất thiết kế lên

**170** tấn/tháng

VỚI NHÓM MÀNG BỌC

### Lý do thực hiện

Với định hướng tạo sự đột phá về giá trị gia tăng trong sản phẩm và cải thiện môi trường sản xuất, Nhà máy bao bì 5 đã được ra đời vào năm 2020 để hướng tới chiến lược sản phẩm cao cấp hơn, đó là dòng sản phẩm cho túi đựng thực phẩm zipper và slider. Dòng sản phẩm chất lượng cao này không những giúp cho Công ty tiếp cận phân khúc sản phẩm có giá trị gia tăng cao mà còn thay đổi môi trường sản xuất sạch sẽ, mát mẻ và an toàn cho công nhân. Bên cạnh đó dòng sản phẩm zipper slider này cũng làm gia tăng được danh mục sản phẩm tiêu dùng 1 lần của Inochi, và được khách hàng nội địa rất ưu chuộng. Trong năm 2022, TPP đã đầu tư thêm hệ thống máy sản xuất nhóm hàng màng bọc thực phẩm, đa dạng hóa dòng sản phẩm liên quan đến thực phẩm.

### Kết quả thực hiện

Sau khi hoàn thành việc đầu tư vào sản xuất nhóm sản phẩm zipper và slider, tháng 6 năm 2022 TPP tiến hành thực hiện đầu tư sản xuất nhóm sản phẩm màng bọc thực phẩm tại xưởng 5 với công suất 40 tấn/tháng, và tiếp tục có được những đơn hàng sản xuất nhóm này đạt đến 95% công suất.

## Đầu tư nâng công suất - tự động hóa sản xuất bao bì cứng

Giá trị thực hiện đầu tư

**23,7** tỷ đồng

### Lý do thực hiện

Nhằm tối ưu hóa lợi nhuận trên các khoản đầu tư khuôn mẫu, máy móc ban đầu bằng cách đầu tư tự động hóa các khâu có thể, tăng năng suất và chất lượng giảm thiểu lỗi sản phẩm và hàng trả lại. Song song với đó, Tân Phú cũng đầu tư thêm một số khuôn mẫu để đáp ứng nhu cầu đặt sản xuất của khách hàng với phương châm đầu tư chọn lọc, ưu tiên các dự án có nhu cầu lớn và khả năng khai thác lâu dài với chi phí và thời gian tối ưu.

### Kết quả thực hiện

Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác một số khuôn mẫu mới, tự động hóa tăng năng suất dây chuyền sản xuất bao bì cứng, tăng chất lượng ở các nhà máy Bắc Ninh, Long An và TP.Hồ Chí Minh. Giá trị thực hiện đầu tư 23,7 tỷ/24,1 tỷ đồng kế hoạch, chiếm 98,3% so với kế hoạch đề ra.



## Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tân Phú Việt Nam

Tăng vốn thành công lên

**450** tỷ đồng

### Lý do thực hiện

Với nhu cầu phát triển kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2022, đồng thời sáp nhập màng bao bì mềm cho TPP quản lý sản xuất kinh doanh, việc tăng vốn để xây dựng cấu trúc vốn bền vững là một nhu cầu cấp thiết để giúp hoàn thành mục tiêu kinh doanh.

### Kết quả thực hiện

TPP đã phát hành cổ phiếu tăng vốn thành công thêm 150 tỷ, vốn điều lệ tăng từ 300 tỷ lên 450 tỷ, nhằm đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty đồng thời cũng giúp cho Công ty có cơ cấu tài chính lành mạnh và bền vững.



CHƯƠNG

# 04

## Quản trị doanh nghiệp

80	Tổng quan về quản trị tại DNP
82	Báo cáo của HĐQT năm 2022
88	Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán
90	Thông tin cổ phiếu và Cơ cấu cổ đông



# Tổng quan mô hình quản trị DNP

Với định hướng quản trị tinh gọn, DNP đã xây dựng mô hình quản trị nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong việc ra quyết định để phù hợp với tốc độ phát triển của doanh nghiệp với cơ cấu như sau:



Với định hướng hoạt động hiệu quả trong dài hạn, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo DNP luôn tập trung nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ quốc tế.

DNP cam kết thực hành quản trị Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. Công ty đang tham chiếu, hoàn thiện, áp dụng theo các thông lệ quản trị tốt như Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho Công ty đại chúng Việt Nam, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC nhằm xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnh để kiểm soát, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp trên nguyên tắc trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả, giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.

# Báo cáo của Hội đồng Quản trị

## Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm	Số lượng chức danh thành viên HĐQT đồng thời nắm giữ tại các Công ty khác
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	26/4/2022	03
Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị	26/4/2022	04
Ông Bùi Quang Bách	Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập	26/4/2022	05
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên HĐQT	26/4/2022	01
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên HĐQT	26/4/2022	01
Ông Akhil Jain	Thành viên HĐQT độc lập	26/4/2022	0
Ông Hồ Anh Dũng	Thành viên HĐQT	26/4/2022	02

Sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị	Số lượng cổ phần nắm giữ	% sở hữu	Chức vụ
Ông Vũ Đình Độ	12.780.770	10,75%	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Đức Vũ	36	0%	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hiếu	485.376	0,41%	Thành viên HĐQT

Năm 2022, Hội đồng quản trị (HĐQT) có 07 thành viên, bao gồm, 01 Chủ tịch, 02 Phó chủ tịch, 02 thành viên HĐQT độc lập và 01 thành viên HĐQT không điều hành. Hoạt động của HĐQT được duy trì theo Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, được phân công cụ thể cho các thành viên để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

## Về hoạch định chiến lược, đầu tư

Trong năm 2022, HĐQT đã cùng với Ban Tổng Giám đốc thảo luận, phân tích đánh giá và đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến chiến lược phát triển của DNP. Trong bối cảnh kinh tế xã hội đổi mới với các thách thức từ lạm phát, lãi suất, sụt giảm nhu cầu tiêu dùng,... HĐQT đã định hướng và đề ra những kế hoạch thích ứng với thị trường như thay đổi cơ cấu sản phẩm, kênh bán hàng để tiếp cận với khách hàng, tinh gọn bộ máy vận hành để tối ưu chi phí... Định kỳ hàng tháng, các thành viên thường trực HĐQT cùng làm việc để đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch, đồng thời đưa ra các định hướng, giải pháp để tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo tiến độ dự án và nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư.

## Về công tác quản trị

HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty. Năm 2022, HĐQT đã thực hiện 10 cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, theo đó ban hành 10 Nghị quyết. Chi tiết xem tại website DNP mục Công bố thông tin Báo cáo quản trị.

HĐQT thực hiện tốt vai trò, theo đó vai trò của thành viên không điều hành được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông thiểu số. HĐQT giám sát việc thực hiện của Ban Tổng Giám đốc đối với các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

## Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022



# Báo cáo của Hội đồng Quản trị

(tiếp theo)

## Về công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua một số công việc cụ thể như sau:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.
- Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, phân tích những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, đưa ra các biện pháp khắc phục và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2023.
- Giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả hoạt động và đạt mục tiêu kế hoạch kinh doanh dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên 2023.
- Kiểm tra, giám sát việc duy trì áp dụng Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ trong Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty và các quy định của Pháp luật.

## Kết quả giám sát

Qua quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc, Ban điều hành đã có sự nỗ lực lớn và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao năm 2022. Cụ thể:

- Chủ động và tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin bán hàng, hỗ trợ giải phóng hàng tồn; đẩy mạnh hoạt động marketing, bán hàng và dịch vụ;
- Tập trung quản trị nguồn vốn, tiết kiệm chi phí, tăng khả năng xoay vòng vốn để chủ động giảm thiểu áp lực thanh toán;
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy, mô hình tổ chức, đào tạo và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, đội ngũ kế thừa; tiến hành các hoạt động truyền thông, văn hóa nội bộ tạo gắn kết.



Doanh thu hợp nhất năm 2022 của Công ty đạt

# 102,2%

KẾ HOẠCH ĐỀ RA

Doanh thu mảng gia dụng tăng trưởng tích cực

# 44,3%

SO VỚI 2021

Trong năm 2022, HĐQT và Ban lãnh đạo cũng đã tham gia sâu sát vào quá trình tái cấu trúc các đơn vị thành viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đào tạo đội ngũ nhân sự nhằm tăng năng suất lao động, tổ chức lại mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, chuyên nghiệp theo định hướng chuyển đổi số, phát triển kinh doanh. Kết quả là các đơn vị thành viên tăng trưởng tích cực so với năm trước trên nhiều khía cạnh, đóng góp vào sự tăng trưởng chung của toàn Công ty.

Doanh thu hợp nhất năm 2022 của Công ty đạt 102,2% kế hoạch đề ra. Trong đó, các mảng nước, vật liệu xây dựng và bao bì đều vượt kế hoạch lần lượt 3,6%, 0,9% và 3,8%. Kết quả này đạt được nhờ sự hồi phục của thị trường cũng như những nỗ lực cải thiện hiệu quả của các đơn vị thành viên. Doanh thu mảng gia dụng tăng trưởng tích cực 44,3% so với 2021, tuy nhiên kết quả này chưa đạt mức kế hoạch đề ra do ảnh hưởng của những diễn biến bất lợi từ kinh tế toàn cầu trong 2022 khiến cho nhu cầu sản phẩm tiêu dùng sụt giảm.

# Báo cáo của Hội đồng Quản trị

(tiếp theo)

## Thành viên và cơ cấu của HĐQT



Năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ mới (2022-2027) có 07 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập là ông Bùi Quang Bách, ông Akhil Jain và 01 thành viên không điều hành là ông Hồ Anh Dũng. Cơ cấu HĐQT hiện tại được đánh giá là cân đối và phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm, có kiến thức và hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như chức trách, nhiệm vụ của các thành viên đó (thành viên điều hành, thành viên không điều hành và thành viên độc lập), đáp ứng quy định có ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên HĐQT độc lập và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh
- Xem xét, đánh giá độc lập báo cáo của Tổng giám đốc và các bộ phận khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro, đầu tư chiến lược mới của Công ty.

Các thành viên đều tích cực tham gia các cuộc họp của HĐQT, đóng góp những phân biện tốt cho các đề xuất định hướng chiến lược, cũng như các giải pháp hiệu quả, kịp thời giúp Ban TGD vượt qua thách thức trong quá trình vận hành, đảm bảo kế hoạch kinh doanh của Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát để đảm bảo tiêu chí tuân thủ pháp luật và tuân thủ Điều lệ công ty.



## Đào tạo về quản trị công ty

Trong năm 2022, các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý đã tham dự các buổi hội thảo và đào tạo về quản trị công ty do Công ty tự tổ chức để cập nhật các thay đổi của pháp luật hiện hành, các văn bản pháp luật hướng dẫn và các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước có ảnh hưởng đến hoạt động quản trị của doanh nghiệp.

## Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2023

Dự báo năm 2023, kinh tế thế giới sẽ gặp nhiều khó khăn do các nền kinh tế lớn là Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc đều đang trong giai đoạn giảm tốc. Tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ chậm lại, kèm theo đó là rủi ro suy thoái kinh tế, xung đột địa chính trị, đứt gãy chuỗi cung ứng nhiều hàng hóa cơ bản, sự giảm sút sức mua và chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất tăng cao là những nhân tố tiếp tục ảnh hưởng tới nền kinh tế và nhiều ngành kinh doanh trong năm 2023.



Đối với các lĩnh vực kinh doanh của DNP, các động lực tăng trưởng cho 2023 vẫn được duy trì như các dự án đầu tư công, tỷ lệ đô thị hóa đang được cải thiện, lợi thế dân số trẻ, xu hướng tiêu dùng sản phẩm an toàn cho sức khỏe.

Trên cơ sở phân tích những mặt thách thức và thuận lợi của thị trường cũng như năng lực cạnh tranh của Công ty, HĐQT đề ra kế hoạch hoạt động cho năm 2023. Theo đó, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục phát huy vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh với trọng tâm là đẩy mạnh tinh gọn tổ chức; thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ nhằm số hóa dữ liệu, quản lý tập trung, nâng cao hiệu suất làm việc; tận dụng cơ hội thị trường để gia tăng hiệu quả; tập trung khai thác tối đa và tạo sự cộng hưởng trong hệ sinh thái, chuyển đổi số; tập trung khai thác tối ưu các tài sản/dự án đã đầu tư; tiếp tục cải thiện hiệu quả hoạt động tại tất cả các đơn vị thành viên; tích cực và sát sao cùng Ban Điều hành thực hiện các mục tiêu.

# Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán

## Thành viên Ủy ban Kiểm toán



STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Bùi Quang Bách	Chủ tịch	26/04/2022	Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng
2	Ông Hồ Anh Dũng	Thành viên	05/05/2019	Thạc sỹ Tài chính - Doanh nghiệp



## Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán



Trong năm 2022, Ủy ban Kiểm toán đã tổ chức 02 cuộc họp để thảo luận, thống nhất việc thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán. Theo đó, các nhiệm vụ chính trong năm 2022 của Ủy ban Kiểm toán bao gồm:

- Giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, các dịch vụ phi kiểm toán khác;
- Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.



## Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc 2022



Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, các thành viên HĐQT điều hành và thành viên HĐQT kiêm nhiệm không nhận thù lao. Đối với các thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách và thành viên Ban Tổng Giám đốc, DNP Holding đã thực hiện chi trả thu nhập và thù lao trong năm 2022 với tổng số tiền là 3.541.200.000 đồng. Thông tin chi tiết về thu nhập và thù lao của từng thành viên được trình bày tại thuyết minh số 33 Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần DNP Holding.

# Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông

## Thông tin cổ phiếu

Tên giao dịch  
**Công ty Cổ phần DNP Holding**

Mã giao dịch chứng khoán  
**DNP**

Mệnh giá  
**10.000 đồng/cổ phiếu**

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại 31.12.2022  
**118.909.913**

### Trong đó

STT	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần lưu hành
1	Cổ phần chuyển nhượng tự do	118.909.913
2	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0

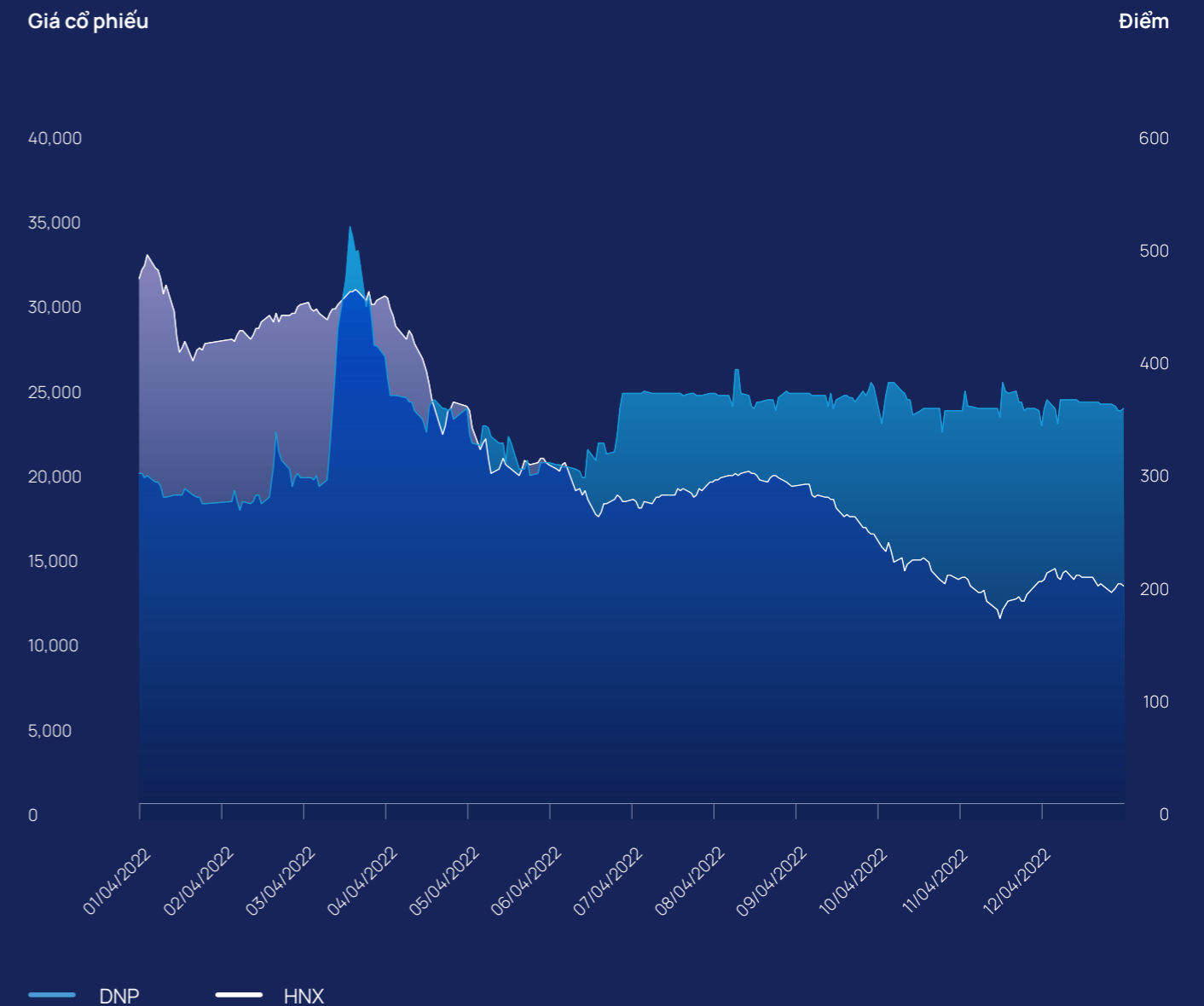
### Phân tích diễn biến giá cổ phiếu

Mức giá cổ phiếu giao dịch	Ngày	Giá (đồng/cổ phiếu)
Đóng cửa	30/12/2022	24.000
Cao	23/03/2022	38.000
Thấp	28/01/2022	17.000

Khối lượng cổ phiếu giao dịch	Ngày	Khối lượng (cổ phiếu)
Đóng cửa	30/12/2022	800
Cao	27/12/2022	7.271.800
Thấp	29/12/2022	0

## Diễn biến giá cổ phiếu DNP và HNX Index 2022



# Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông (tiếp theo)

## Cơ cấu cổ đông

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Nội dung	31/12/2022	31/12/2021
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	118.901.103	118.901.103
Tổng số cổ phiếu quỹ	8.810	8.810
Tổng số lượng cổ phiếu	118.909.913	118.909.913

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1.	Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT	12.780.770	10,75%	
2.	Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	36	0	
3.	Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên HĐQT	485.376	0,41%	
4.	Trần Thị Thiện		8.922	0,01%	Vợ của Ông Nguyễn Văn Hiếu thành viên HĐQT
5.	Trần Hữu Chuyển	Phó Tổng Giám đốc	4	0%	
6.	Trịnh Kiên	Phó Tổng Giám đốc	7.000	0,0058%	Miễn nhiệm ngày 7/10/2022
7.	Trần Thái Sơn	Kế toán trưởng	24.918	0.02%	

## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Ngô Đức Vũ	Người nội bộ	121.036	0,11%	36	0,00	Bán
2.	Trần Hữu Chuyển	Người nội bộ	682.004	0,62%	4	0,00	Bán
3.	Phan Thùy Giang	Người nội bộ	80.797	0,07%	0	0%	Bán
4.	Trịnh Kiên	Người nội bộ	93.404	0,86%	7.000	0,0058%	Bán



## Hoạt động Quan hệ cổ đông



Năm 2022 đã chứng kiến sự đổi mới của Công ty trong hoạt động quan hệ cổ đông. Công ty đã xây dựng lại website mục Quan hệ cổ đông nhằm tạo trải nghiệm thuận tiện cho cổ đông và các bên liên quan trong việc tra cứu và tiếp cận thông tin.

Phòng quan hệ Cổ đông (IR) đã triển khai nhiều hoạt động gặp gỡ nhà đầu tư, công ty chứng khoán, đối tác trong và ngoài nước thông qua hình thức online và trực tiếp để chia sẻ thông tin và giải đáp câu hỏi về hoạt động kinh doanh và chiến lược phát triển của DNP và đơn vị thành viên.

Năm 2023, bên cạnh các hoạt động thường niên, DNP dự kiến đầu tư nâng cao chất lượng báo cáo thường niên để tăng cường tính minh bạch và toàn diện đối với thông tin cung cấp đến cổ đông,

tổ chức các hoạt động truyền thông định kỳ thông qua IR News, earning calls, đăng tải Tài liệu thuyết trình nhà đầu tư trên website mục Quan hệ cổ đông nhằm tạo kênh thông tin kịp thời, cập nhật với cộng đồng cổ đông và nhà đầu tư quan tâm.

Phòng Quan hệ Cổ đông và Nhà Đầu tư của DNP Holding sẽ tiếp tục phát huy các hoạt động của mình trong tương lai, tích cực phản hồi những yêu cầu, câu hỏi của nhà đầu tư và các chuyên gia phân tích một cách nhanh chóng nhất. Quý vị vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: [ir@dnpcorp.vn](mailto:ir@dnpcorp.vn).



CHƯƠNG

# 05

## Phát triển bền vững

- 96 Tổng quan Chiến lược phát triển bền vững
- 98 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
- 106 Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

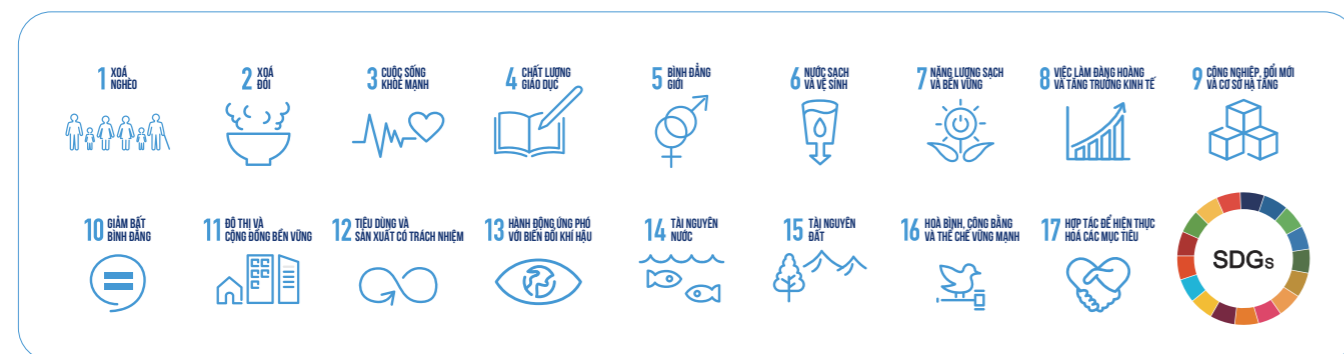


# Tổng quan Chiến lược phát triển bền vững

Nhận diện các cơ hội và sự ảnh hưởng từ xu hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn, DNP đã định hướng và tập trung triển khai hoạt động kinh doanh theo hướng Phát triển bền vững, phù hợp với Mục tiêu quốc gia của Việt Nam và Chương trình nghị sự vì sự phát triển bền vững (PTBV) toàn cầu của Liên Hợp Quốc.

Chương trình Nghị sự 2030, được tất cả các quốc gia thành viên Liên hợp quốc thông qua, kêu gọi sự chung tay hành động xóa đói giảm nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo đến năm 2030 tất cả cư dân toàn cầu đều được hưởng hòa bình và thịnh vượng. Chương trình đưa ra 17 mục tiêu PTBV, 169 mục tiêu cụ thể, định hướng phương thức thực hiện, các quan hệ đối tác toàn cầu và các hành động triển khai.

## 17 Mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp quốc đến năm 2030



Tại Hội nghị Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26) vào năm 2021, Chính phủ Việt Nam đã có những cam kết mạnh mẽ cùng gần 150 quốc gia cam kết đưa mức phát thải ròng về "0" vào năm 2050. Theo đó, Chính phủ đã đề ra chương trình hành động quốc gia kêu gọi các doanh nghiệp chung tay thực hiện.

Với đặc thù là Tập đoàn có hoạt động kinh doanh cốt lõi phục vụ nhiều nhu cầu thiết yếu của xã hội như nước sạch & môi trường, vật liệu xây dựng cho giai đoạn hoàn thiện công trình, đồ gia dụng cao cấp và bao bì, DNP xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với tầm nhìn của

doanh nghiệp và gắn kết với theo mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc và Mục tiêu trong chương trình hành động quốc gia của Việt Nam.

Bên cạnh mục tiêu kinh tế, DNP luôn chú trọng thực hiện các mục tiêu ESG về Bảo vệ môi trường (E), Trách nhiệm xã hội (S) và Quản trị doanh nghiệp (G) tinh gọn, hiệu quả - các yếu tố đóng góp quan trọng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn của DNP. Định hướng chiến lược này được cụ thể hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu OKRs, được truyền thông đến các cấp Lãnh đạo thông qua các cuộc họp chiến lược, và phổ biến tới

toàn thể cán bộ nhân viên thông qua các chương trình Leader's Talk, các khóa đào tạo, chương trình truyền thông nội bộ. Các mục tiêu chính được cụ thể hóa tại bảng dưới đây.

Mục tiêu của Liên Hợp Quốc  
Mục tiêu Quốc gia

Mục tiêu của DNP

**Tầm nhìn:** DNP sẽ phát triển thành công ty hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực nước sạch và môi trường, sản phẩm gia dụng cao cấp, vật liệu xây dựng cho hoàn thiện công trình. DNP luôn khát vọng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp chất lượng cao và nâng tầm vị thế của thương hiệu Việt.

### MỤC TIÊU

- 3 | Cuộc sống khỏe mạnh
- 6 | Nước sạch và vệ sinh
- 15 | Tài nguyên và môi trường trên đất liền

- Đảm bảo 100% các chỉ tiêu nước sạch cấp ra mạng đều đạt quy chuẩn của QCVN 01- 1:2018/BYT Bộ Y tế;
- Giải quyết các bài toán khó của ngành nước như:
  - » Giải quyết vấn đề hạn mặn cho vùng ĐBSCL bằng dự án cấp nước thô, nước sạch;
  - » Giải quyết bài toán thiếu nước sinh hoạt cho vùng núi và hải đảo;
  - » Giải quyết vấn đề ô nhiễm nước sông ở hạ nguồn phục vụ phát triển kinh tế thông qua việc sử dụng nguồn nước tốt từ thượng nguồn cung cấp cho các hộ tiêu thụ.
- An toàn, sức khỏe, tính mạng người lao động là trên hết;
- Cuộc sống tốt hơn cho người lao động.

### MỤC TIÊU

- 1 | Xóa nghèo
- 2 | Xóa đói
- 11 | Đô thị và cộng đồng bền vững
- 17 | Hợp tác để hiện thực hóa các mục tiêu

Phát triển mạnh mẽ tại các nơi có sự hiện diện của DNP thông qua:

- Tạo việc làm, thu nhập để đảm bảo đời sống cho người dân;
- Phát triển kinh tế, hạ tầng mạnh mẽ;
- Thường xuyên đóng góp và ủng hộ Quỹ vì Người nghèo cũng như trực tiếp đến các hộ gia đình và cộng đồng;
- Tạo sự công bằng, văn minh thông qua các dự án, chương trình xã hội như Trụ uống nước sạch tại với...

### MỤC TIÊU

- 5 | Bình đẳng giới
- 10 | Giảm bất bình đẳng
- 12 | Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm
- 13 | Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu

- Luôn tuân thủ các quy định về môi trường, trách nhiệm với con người, phát triển cộng đồng, xã hội thông qua tuân thủ đầy đủ các quy định trong nước và quốc tế như Tiêu chuẩn Thực hiện về Môi trường, Sức Khỏe và An toàn của IFC (IFC Performance Standards); các Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe & An toàn của Ngân hàng Thế giới (WB EHS Guidelines); Chính sách An toàn của Ngân hàng Phát triển Á Châu (ADB Safeguard Policy Statement);
- Nâng cao hiệu suất đồng thời giảm tối đa lượng nguyên, nhiên liệu đầu vào cho mỗi đơn vị sản phẩm thông qua các chương trình như Kaizen, 6S, cải tiến không ngừng, áp dụng công nghệ tiên tiến, tối đa hóa sử dụng năng lượng sạch như năng lượng mặt trời...;
- Giảm thiểu tối đa các sản phẩm phải thải bỏ và áp dụng triệt để nguyên tắc của Kinh tế tuần hoàn (Circular Economy) để biến chất thải đầu ra của ngành này thành nguồn tài nguyên đầu vào của ngành khác hoặc cho chính nội tại doanh nghiệp thông qua các hoạt động tái chế và tái sử dụng...

# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



Báo cáo tác động môi trường được DNP giám sát và đánh giá thông qua: Quản lý nguồn nguyên vật liệu; Tiêu thụ năng lượng (trực tiếp và gián tiếp) và các sáng kiến tiết kiệm năng lượng; Tiêu thụ nước

và các sáng kiến tiết kiệm nước; Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Báo cáo tác động xã hội được đánh giá thông qua thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng bền vững.

Các hoạt động sản xuất của DNP năm 2022 trong 3 lĩnh vực chính gồm **Nhựa**, **Nước sạch** và **Gạch ngói** có mức tiêu thụ nguyên, nhiên liệu như sau:

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nội dung	Sản lượng	Tổng điện tiêu thụ (kWh)	Tổng nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Điện tiêu thụ cho 1 đơn vị sản phẩm (kWh)	Nước tiêu thụ cho 1 đơn vị sản phẩm (m <sup>3</sup> )
<b>2022</b>					
Nhựa (tấn)	30.000	33.800.000	65.000	1.127	2,17
Nước sạch (m <sup>3</sup> )	112.540.000	34.000.000		0,30	
Gạch ngói (m <sup>2</sup> )	21.900.000	71.000.000	251.000	3,24	0,01
<b>2021</b>					
Nhựa (tấn)	47.000	53.000.000	143.000	1.130	3,04
Nước sạch (m <sup>3</sup> )	104.000.000	32.000.000		0,31	
Gạch ngói (m <sup>2</sup> )	16.000.000	52.000.000	193.000	3,25	0,01
<b>2020</b>					
Nhựa (tấn)	28.000	55.000.000	88.000	2.000	
Nước sạch (m <sup>3</sup> )	98.000.000	34.000.000		0,35	
Gạch ngói (m <sup>2</sup> )	13.000.000	49.000.000	217.000	3,77	0.02



## Lĩnh vực sản xuất các sản phẩm nhựa

Trong năm 2022, ngành nhựa sản xuất được

**30** nghìn tấn

NHỰA PHỤC VỤ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ XUẤT KHẨU

Hai đơn vị sản xuất nhựa thuộc DNP là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai và Tân Phú Việt Nam là các đơn vị hàng đầu trong sản xuất ống nhựa hạ tầng và gia dụng tại Việt Nam với các sản phẩm đa dạng như ống nhựa phục vụ cho các ngành cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; sản xuất và xuất khẩu sang Châu Âu các sản phẩm bao bì mềm, bao bì công nghiệp... Trong năm 2022, ngành nhựa sản xuất được 30 nghìn tấn sản phẩm nhựa phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, tạo việc làm và thu nhập cho hàng nghìn người lao động.

Trong quá trình sản xuất, tỷ lệ sản phẩm lỗi của toàn ngành chiếm khoảng 7%, tương đương với khoảng 2,1 nghìn tấn/năm. Các sản phẩm này được tái chế 100% để đảm bảo tiết kiệm chi phí cho đơn vị và góp phần vào bảo vệ môi trường.

## Lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch

Cung cấp khoảng

**113** triệu m<sup>3</sup>

NƯỚC SẠCH

Việc cung cấp nước sạch đến người dân là một sứ mệnh của DNP để đảm bảo cung cấp 100% nước sạch cho người tiêu dùng. Trong năm 2022, DNP Water (một công ty thành viên của DNP) đã cung cấp khoảng 113 triệu m<sup>3</sup> nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn đến các hộ tiêu thụ.

## Lĩnh vực sản xuất gạch ngói

Đưa ra thị trường khoảng

**26** triệu m<sup>2</sup>

GẠCH NGÓI

Trong năm 2022, CMC (một công ty thành viên của DNP) đã đưa ra thị trường khoảng 26 triệu m<sup>2</sup> gạch ngói giúp góp phần vào việc cung ứng nguyên vật liệu xây dựng cho thị trường.

# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

(tiếp theo)

## Tiêu thụ năng lượng

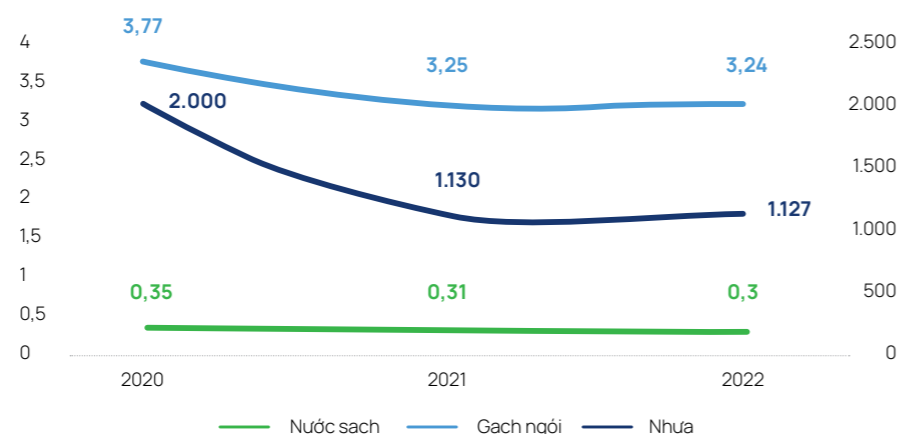
### Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Nguồn năng lượng chủ yếu sử dụng trong các đơn vị sản xuất là năng lượng điện, phục vụ cho các hoạt động của các thiết bị máy móc sản xuất và cho các hoạt động sinh hoạt khác. Trong

đó, lượng điện tiêu thụ trong năm 2022 cho ngành nhựa, nước và gạch ngói lần lượt là 34,6 triệu kWh, 34 triệu kWh và 71 triệu kWh.

### Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Tiêu thụ điện năng trên 1 đơn vị sản phẩm qua các năm (kwh)



Thực hiện tốt các mục tiêu phát triển của quốc gia cũng như của Liên Hợp Quốc để ra cũng đồng nghĩa giúp doanh nghiệp giảm thiểu tiêu thụ các nguồn tài nguyên, giảm thiểu chi phí sản xuất... Trong đó, theo bảng thống kê tiêu thụ điện, nước nêu trên có thể thấy, so với năm 2021 các ngành vẫn duy trì được

mức giảm tiêu thụ nguyên vật liệu nhưng con số giảm không đáng kể do đã và đang áp dụng triệt để các giải pháp tối ưu sử dụng năng lượng điện, tiết kiệm nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất. Theo sản lượng sản xuất năm 2022, so với năm 2021, các ngành của DNP nhựa tiết kiệm được:

Ngành	Giảm tiêu thụ điện so với 2021 (kWh)
Nhựa	100.000
Nước sạch	887.400
Gạch ngói	175.000



## Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng



Để đạt được kết quả trên là tất cả nỗ lực không ngừng nghỉ của người lao động trong các đơn vị để triển khai mạnh mẽ chương trình Kaizen đến từng cá nhân, phân xưởng, nhằm tìm tòi, nghiên cứu, cải tiến không ngừng cũng như duy trì các hoạt động tốt đang thực hiện để:

- Giảm thiểu các nguyên vật liệu đầu vào bao gồm cả tiêu thụ năng lượng trong các khâu, công đoạn, thiết bị sản xuất;
- Giảm thiểu các sản phẩm lỗi, các phế phẩm;
- Tăng năng suất và tăng hiệu quả công việc,

Các hoạt động Kaizen đã giúp DNP tiết kiệm khoảng gần 10 tỷ đồng trong năm 2022 với hàng chục các cải tiến lớn nhỏ, đóng góp đáng kể nhất trong các hoạt động này là:

- » Cải tiến quy trình vận hành bơm công suất lớn trong các nhà máy nước, tăng số lượng bơm chạy với tần số thấp thay vì chạy ít bơm với tần số cao, vượt tải vừa gây tổn thất do sinh nhiệt cao vừa giảm tuổi thọ của bơm;
- » Lắp các biến tần cho các mô tơ công suất lớn như hệ thống bơm trong nhà máy nước, các mô tơ động cơ nghiền... giúp điều chỉnh liên tục việc vận hành phù hợp với sản xuất, giảm điện năng tiêu thụ;
- » Cải tiến các thiết bị máy móc nhà xưởng để tăng công suất, đặc biệt đối với các hệ thống máy dùn của nhà máy nhựa (một trong những thiết bị tiêu tốn điện năng nhiều nhất trong nhà máy nhựa) giúp tăng năng suất, đồng nghĩa với việc giảm điện năng tiêu thụ so với trước kia;

Ngoài ra, thông qua hệ thống điều khiển, giám sát tự động như SCADA tại các nhà máy đã giúp can thiệp, tối ưu công tác vận hành, giảm thiểu tối đa tiêu thụ nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất,

DNP cũng đẩy mạnh việc sử dụng năng lượng sạch mà cụ thể là năng lượng mặt trời trong quá trình sản xuất của mình với việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại một số nhà máy và định hướng tiếp tục nhân rộng ra các nhà máy còn lại. Năm 2022, các nhà máy đã tiêu thụ khoảng 2,65 GWh điện mặt trời, tương ứng với việc giảm thiểu được khoảng 2.250 tấn CO2 quy đổi (theo hệ số phát thải quốc gia năm 2019)

# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

(tiếp theo)

## Tiêu thụ nước

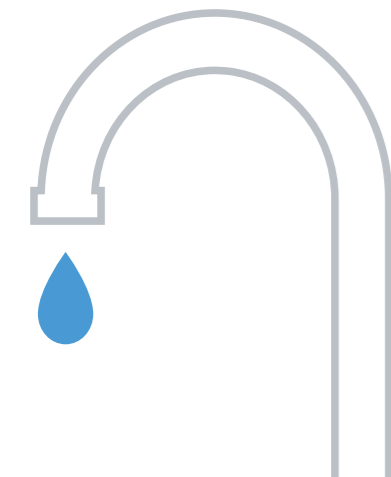
### Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Ngoài các nhà máy nước sử dụng nguồn nước từ sông, suối, hồ làm nguồn nguyên liệu sản xuất đầu vào thì đối với các ngành nhựa và gạch ngói sử dụng 100% nước máy. Trong năm 2022, lượng nước sử dụng trong ngành nhựa và gạch ngói tương ứng là 65 nghìn và 251 nghìn m<sup>3</sup>. Riêng ngành nước sản xuất được 112.540.000 m<sup>3</sup> nước thương phẩm.

### Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Tiết kiệm nguyên vật liệu đầu vào trong đó có nước là một trong các ưu tiên hàng đầu của DNP trong quá trình sản xuất giúp giảm chi phí sản xuất, tiêu thụ nguyên vật liệu đầu vào và sản xuất có trách nhiệm với tài nguyên, môi trường. Nước từ quá trình sản xuất không bị thải bỏ ra ngoài môi trường mà được tái sử dụng, trong đó:

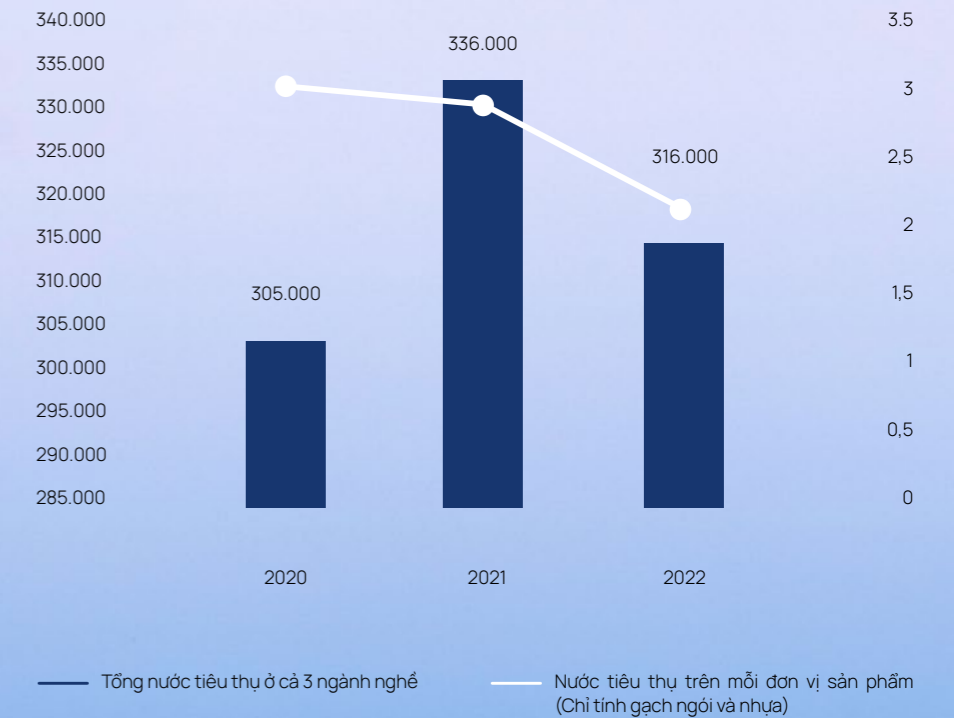
- Lượng nước dùng để làm mát các thiết bị sản xuất, ngoài lượng bốc hơi tự nhiên thì phần còn lại cũng được quay vòng và tái sử dụng 100% cho các mục đích khác nhau của nhà máy;
- Với nước có lẫn các thành phần tạp chất sẽ được lắng lọc trước khi được tái sử dụng trong các hoạt động sản xuất;
- Nước rửa lọc chiếm khoảng 1 - 4% lượng nước sản xuất, trong các nhà máy nước thông thường nước này sẽ được thải bỏ ra ngoài môi trường. Tuy nhiên, tại các nhà máy của DNP lượng nước này được đưa quay trở lại quá trình xử lý để tái xử lý thành nước sạch. Do vậy, nếu tính theo sản lượng năm 2022 lượng nước tiết kiệm được của DNP khoảng 1 - 4 triệu m<sup>3</sup>;



Ngoài ra, qua bảng tổng hợp trên, thông qua công tác Kaizen cũng giúp việc giảm tiêu thụ nước của ngành gạch ngói trong năm 2022 so với năm 2021 khoảng 58 nghìn m<sup>3</sup>. Lượng nước tiêu thụ trên mỗi đơn vị sản phẩm cũng có xu hướng được tiết giảm qua các năm.

Giảm tiêu thụ nước của ngành gạch ngói trong năm 2022 so với năm 2021

**58** nghìn m<sup>3</sup>



# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

(tiếp theo)

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



Để đảm bảo cho việc quản lý hiệu quả và thực hiện tốt các quy định về Môi trường - Sức khỏe - An toàn (EHS) cho toàn hệ thống, DNP đã phối hợp với IFC, AEP xây dựng và ban hành cho toàn bộ các đơn vị trực thuộc tài liệu Hệ thống Quản lý Môi trường & Xã hội (ESMS). Hệ thống Quản lý Vận hành (OMS cho ngành nước, nhựa) đáp ứng các quy định của Việt Nam và Quốc tế để làm cơ sở cho quá trình hoạt động của mình; tuyển dụng 01 chuyên gia chuyên trách thực hiện các công tác EHS từ năm 2018; bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách EHS tại mỗi đơn vị thành viên. Do vậy, công tác EHS tại DNP luôn được đảm bảo và tuân thủ đúng các quy định, được các cơ quan quản lý trong nước và các tổ chức quốc tế liên quan công nhận.

**Tại DNP, chúng tôi góp phần bảo vệ môi trường bằng việc hướng tới sản xuất các sản phẩm “xanh”, an toàn và thân thiện với môi trường. Nhựa Đồng Nai là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam nhận được chứng nhận “Nhãn xanh” - Green Building Product từ Hội đồng Công trình Singapore (SGBC) cho nhóm sản phẩm ống nhựa và phụ kiện PP-R.**

Các đơn vị thành viên tại DNP đều có các Đánh giá tác động môi trường được cơ quan chức năng địa phương phê duyệt trước khi xây dựng nhà máy hoặc mở rộng, nâng công suất. Các đơn vị đều tuân thủ nghiêm túc công tác giám sát chất lượng môi trường tự nhiên, môi trường lao động với tần suất giám sát 02 - 04 lần/năm và báo cáo cho cơ quan chức năng địa phương;

Các đơn vị thành viên thực hiện tốt công tác thu gom và xử lý các chất thải rắn; Bố trí đầy đủ các kho chứa chất thải thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định; Ký hợp đồng thu gom, xử lý rác với các đơn vị chức năng;

Phế liệu/phế phẩm từ quá trình sản xuất được tái chế, tái sử dụng (ngành nhựa);

Không thải nước sản xuất ra môi trường - quay vòng 100% nước làm mát (ngành nhựa) và tái xử lý 100% nước thải sản xuất thành nước cấp (ngành nước);

Các đơn vị sản xuất đều đã được trang bị đầy đủ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi thải vào hệ thống thoát nước của khu vực hoặc môi trường.

Tăng cường sử dụng nguồn năng lượng xanh bằng việc sử dụng tối đa nguồn điện từ năng lượng mặt trời tại nhà máy nước Bình Hiệp, Bình Thuận và nhà máy nhựa Tân Phú - Long An, định hướng mở rộng ra các đơn vị khác của DNP.

100%



Nhờ các nỗ lực và chính sách nhất quán về công tác Bảo vệ môi trường trong toàn hệ thống của DNP, đến nay, chưa có đơn vị nào của DNP bị xử phạt vì vi phạm hành chính trong lĩnh vực này cũng như có các phản đối, đơn thư, khiếu nại từ các cộng đồng dân cư địa phương.

Trong năm 2022, Inochi - thương hiệu gia dụng cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam thực hiện chương trình “Thu cũ đổi mới” tại một số shop Inochi trên cả nước nhằm thu gom rác thải nhựa để đổi lấy các sản phẩm Inochi. Chương trình đã góp phần vào nâng cao ý thức cộng đồng trong việc thu gom và tái chế rác thải nhựa cũng như phân loại rác tại nguồn.

Tổng kết Chương trình thu cũ đổi mới năm 2022, kết quả đạt được như sau:

Tổng số lượng nhựa thu gom	Tổng số lượng quà tặng
<b>5.710</b> kg	<b>895</b> phần quà

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp dựa trên nền tảng của một cộng đồng đồng bền vững, ổn định và thịnh vượng. Do đó, tại DNP, bên cạnh những định hướng phát triển hoạt động kinh doanh, chúng tôi luôn xác định trách nhiệm của mình với cộng đồng, nỗ lực đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội. Theo đúng tinh thần “See Ahead - Nhìn xa Nghĩ lớn”.

Tại DNP, chúng tôi quan niệm rằng mỗi cá nhân tốt hơn, mỗi đội nhóm tốt hơn, mỗi doanh nghiệp tốt hơn thì đất nước cũng sẽ tốt hơn. Với tinh thần đó, vượt lên trên những khó khăn bởi khủng hoảng kinh tế thời kỳ hậu Covid, năm 2022 tiếp tục ghi nhận những dấu ấn của người DNP với các dự án cộng đồng ý nghĩa.

### NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT

**2,3** tỷ đồng

Tổng ngân sách dành cho cộng đồng năm 2022

**34** trụ nước sạch miễn phí

Được lắp đặt tại 10 tỉnh thành trên cả nước

**100** Phần quà

Hỗ trợ hoàn cảnh khó khăn trên cả nước (Người nghèo xã Lạng Giang, hội Chất độc màu da cam Lạng Giang, tại Xã Bình Đức - Đồng Tâm...)

**116** suất quà tặng

Học bổng cho học sinh, sinh viên

Trong đó:

**18** suất tại Chương trình Chấp cánh ước mơ 2022

**10** suất học bổng khuyến học cho ĐH Xây dựng

**88** suất quà cho các em học sinh Hoàng Chu Phìn - Hà Giang

# Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Với định hướng luôn đặt Con người là nền tảng then chốt cho thành công và sự phát triển bền vững, năm 2022 DNP đầu tư mạnh mẽ cho việc phát triển con người, tìm kiếm những cá nhân ưu tú; dành nhiều tâm huyết xây dựng môi trường làm việc hiện đại với đội ngũ nhân sự linh hoạt, tốc độ và quyết liệt.

## Phát triển nguồn nhân lực tinh nhuệ - chế độ đãi ngộ cạnh tranh

DNP đã xây dựng hệ thống quản trị mục tiêu OKRs toàn tập đoàn; hoàn thành cấu trúc tổ chức, cơ chế phối hợp giữa Công ty mẹ với các Công ty con theo mô hình quản trị tinh gọn. Tổ chức triển khai dự án trọng tâm "Tinh gọn & hiệu quả" trên toàn tập đoàn.

Hoàn thiện & hiệu chỉnh chính sách nhân sự chế độ đãi ngộ cạnh tranh. Xây dựng hệ thống đánh giá giá trị công việc, cấp bậc và tiêu chí đánh giá năng lực theo tiêu chuẩn quốc tế phù hợp với môi trường Việt Nam.

Các chính sách dành cho người lao động được đẩy mạnh và tổ chức thường xuyên: hoạt động chăm sóc sức khỏe CBNV, chăm sóc/chia sẻ những hoàn cảnh khó khăn trong hệ thống; hoạt động tập thể nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn và khuyến khích, động viên tinh thần người lao động như: Tết thiếu nhi, tết trung thu, kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; thưởng cho con em CBCNV đạt thành tích cao trong học tập.



## Ưu tiên nguồn lực cho đào tạo cho nhân lực là đầu tư cho tương lai



Bên cạnh việc áp dụng chế độ lương, thưởng, đãi ngộ tương đương với các Tập đoàn hàng đầu trên thị trường nhằm thu hút nhân tài, một Chiến lược Đào tạo nhân sự bài bản cũng đã và đang được Ban lãnh đạo định hướng triển khai mạnh mẽ bắt đầu từ việc thành lập Phòng Đào tạo Tập đoàn. Các khóa đào tạo luôn được ưu tiên nguồn lực, được giảng dạy bởi những chuyên gia hàng đầu trong và ngoài nước; tạo cơ hội tham gia các buổi hội thảo tại những đất nước có hệ thống vận hành tốt để giao lưu, học hỏi kinh nghiệm.

Phòng Đào tạo Tập đoàn được thành lập vào tháng 01/2022, được xem là dấu ấn đặc biệt sau giai đoạn kinh tế khó khăn, là sự khẳng định về tiềm lực của DNP và quyết tâm của Ban lãnh đạo khi tập trung vào con người cho sự phát triển bền vững và một tầm nhìn xa.



## Hoạt động Đào tạo trong năm 2022

Trong năm 2022, Phòng Đào tạo DNP đã thực hiện chủ trương đào tạo cho đội ngũ lãnh đạo và tạo dựng nền tảng cho đào tạo bằng việc tạo dựng một Văn hóa học tập trên đa dạng nền tảng online và offline. Các chương trình đào tạo đã triển khai trong 2022:

- 08 khóa đào tạo dành cho Lãnh đạo và Quản lý tại Hà Nội và HCM (Đánh giá mức độ hài lòng đạt: 9,5/10; số học viên tham gia 71 người).
- 26 khóa Kỹ năng mềm bằng hình thức E-learning đã được triển khai cho CBNV với 1.813 lượt đăng ký tham gia.

	Trực tiếp	E-learning
Số lượng các khóa đã triển khai	09 khóa	26 khóa
Tổng lượt học viên tham gia	77 lượt	1.813 lượt
Tổng thời gian đào tạo	175 giờ	52 giờ

# Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực (tiếp theo)

## Một số hoạt động đào tạo nổi bật đã triển khai trong năm 2022

STT	Chương trình đào tạo	Đơn vị/địa điểm tổ chức	Thành phần tham dự	Thời gian	Thời lượng
1	Đào tạo Chống thất thoát nước	DNP Water/Ninh Hòa - Khánh Hòa	DNPW và các công ty thành viên	Tháng 05/2022	3 ngày
2	Nâng cao năng lực cho lãnh đạo các doanh nghiệp ngành nước Việt Nam	Diễn đàn nước Phần Lan (Finnish Water Forum) / Hà Lan	BLD DNPW	Tháng 06/2022	15 ngày
3	Hội thảo "Thực trạng và chia sẻ kinh nghiệm để phát triển hệ thống xử lý nước thải tại các đô thị Việt Nam"	DNPW + Samsung Engineering/HCM	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bộ Xây dựng</li> <li>Hội cấp thoát nước VN - Công ty TNHH MTV thoát nước Hà Nội</li> <li>Công ty TNHH MTV thoát nước đô thị T.p Hồ Chí Minh BIWASE - LD và chuyên gia của SE</li> <li>DNPW và các công ty thành viên</li> </ul>	Tháng 08/2022	02 ngày
4	Tuần lễ Nước Việt Nam - Vietnam Water Week 2022 với chủ đề: "Chính sách ngành Nước - Phát triển bền vững"	Hội Cấp thoát nước Việt Nam/Hà Nội	DNPW	Tháng 11/2022	02 ngày
5	Hội thảo Korea International Water Week 2022 <b>Chủ đề</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sustainable Water Management for Humans and Nature</li> <li>Fostering Water Environment Resilient to Climate Crisis</li> </ul>	Korea Water Forum (KWF) Ministry of Environment, Daegu Metropolitan City, K-water, Korea Environment Corporation/ Daegu City	DNP HWC	Tháng 11/2022	04 ngày

Bên cạnh các Chương trình đào tạo chung với Phòng Đào tạo Tập đoàn, các đơn vị đã chủ động triển khai các lớp đào tạo tại cơ sở với nhiều nội dung khác nhau, phù hợp với đặc thù công việc tại Văn phòng và Nhà máy. Các chương trình đào tạo marketing, kênh phân phối cũng được triển khai sôi động tại các đơn vị CMC, Tân Phú Việt Nam. Trong đó, chương trình đào tạo dành cho khối cửa hàng như Inochi cũng đã có những sự thay đổi lớn khi bộ

tài liệu đào tạo gồm 08 nội dung đã được chuẩn hóa lại hoàn toàn về nội dung và hình thức. Bước đầu đào tạo cho 100% các cửa hàng trưởng để tiến hành đào tạo nội bộ tại từng cửa hàng.

Về dài hạn, Phòng Đào tạo tập trung vào các đào tạo nội bộ, xây dựng nên thư viện tài liệu Tập đoàn và đội ngũ Giảng viên nội bộ đủ năng lực và uy tín trong từng lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn, tiến tới tự chủ về năng lực đào tạo.





CHƯƠNG

# 06

## Báo cáo tài chính

112	Thông tin chung
114	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
115	Báo cáo kiểm toán độc lập
116	Bảng cân đối kế toán hợp nhất
120	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
121	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
123	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



# Thông tin chung

## Công ty

Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp  
("GCNĐKDN") số

# 3600662561

do **Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai**  
cấp vào ngày 2 tháng 1 năm 2004

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với  
mã chứng khoán ("SGDCKHN")

# DNP

Công ty Cổ phần DNP Holding ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 2 tháng 1 năm 2004 và giấy GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 ngày 7 tháng 2 năm 2023.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty vào ngày 26 tháng 4 năm 2022, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được đổi tên thành Công ty Cổ phần DNP Holding. Việc thay đổi này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai chấp thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 23 vào ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã chứng khoán là DNP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE; khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét, hoạt động tư vấn quản lý và hoạt động tư vấn đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

## Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch	
Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	
Ông Bùi Quang Bách	Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	
Ông Hồ Anh Dũng	Thành viên	
Ông Akhil Jain	Thành viên độc lập	
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên	
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022

## Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Bách	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Hồ Anh Dũng	Thành viên	
Bà Nguyễn Hồng Oanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2022

## Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2023
Ông Trần Hữu Chuyển	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Thùy Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Cát Hanh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2022
Ông Trịnh Kiên	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 7 tháng 10 năm 2022
Ông Nguyễn Hồng Chương	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 9 tháng 2 năm 2022

## Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Anh Tuấn	từ ngày 6 tháng 2 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Hiếu	đến ngày 6 tháng 2 năm 2023

## Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần DNP Holding (“Công ty”) trình bày báo cáo này liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Hoàng Anh Tuấn  
Tổng Giám Đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

# Báo cáo kiểm toán độc lập

Số tham chiếu:  
61357203/66713028-HN

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần DNP Holding

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần DNP Holding (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 57, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1



Nguyễn Phan Anh Quốc  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2759-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Mẫu B01-DN/HN

Mẫu B01-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>7.603.842.882.014</b>	<b>4.760.222.547.773</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>921.222.811.837</b>	<b>450.998.668.270</b>
111	1. Tiền		262.284.548.691	321.511.970.430
112	2. Các khoản tương đương tiền		658.938.263.146	129.486.697.840
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>879.691.929.474</b>	<b>282.186.955.139</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	541.911.500.000	37.591.090.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	337.780.429.474	244.595.865.139
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.157.053.577.579</b>	<b>2.675.134.308.174</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	1.348.987.494.779	1.135.008.017.821
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	824.424.635.870	187.197.445.095
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	188.555.231.000	20.670.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	1.900.656.583.676	1.420.843.326.708
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8, 9, 10	(105.570.367.746)	(88.584.481.450)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>1.487.603.780.913</b>	<b>1.251.787.320.381</b>
141	1. Hàng tồn kho	11	1.500.651.183.991	1.269.101.519.087
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11	(13.047.403.078)	(17.314.198.706)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>158.270.782.211</b>	<b>100.115.295.809</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	16.897.224.367	17.397.487.865
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		126.579.245.212	80.806.637.425
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	14.794.312.632	1.911.170.519

Đơn vị: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.925.010.253.788</b>	<b>9.279.785.255.739</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>342.049.741.177</b>	<b>377.030.014.224</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	342.049.741.177	377.030.014.224
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>6.974.456.588.695</b>	<b>7.435.634.423.283</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	5.129.407.241.168	5.360.395.964.236
222	• Nguyên giá		9.080.918.705.650	9.106.024.763.892
223	• Giá trị khấu hao lũy kế		(3.951.511.464.482)	(3.745.628.799.656)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	190.513.358.251	244.442.236.218
225	• Nguyên giá		242.687.057.901	339.389.026.561
226	• Giá trị khấu hao lũy kế		(52.173.699.650)	(94.946.790.343)
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	1.654.535.989.276	1.830.796.222.829
228	• Nguyên giá		1.761.266.902.050	1.889.164.047.494
229	• Giá trị hao mòn lũy kế		(106.730.912.774)	(58.367.824.665)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>31.240.500.000</b>	<b>-</b>
231	1. Nguyên giá		31.770.000.000	-
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(529.500.000)	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>757.797.505.713</b>	<b>427.990.700.595</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	757.797.505.713	427.990.700.595
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>410.312.533.946</b>	<b>608.856.378.194</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17.1	356.459.469.066	574.969.557.934
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23.822.664.880	3.856.420.260
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.2	30.030.400.000	30.030.400.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>409.153.384.257</b>	<b>430.273.739.443</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	141.266.739.624	100.359.762.906
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	5.288.911.278	-
269	3. Lợi thế thương mại	18	262.597.733.355	329.913.976.537
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>16.528.853.135.802</b>	<b>14.040.007.803.512</b>

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu B01-DN/HN

Mẫu B01-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>11.967.966.735.954</b>	<b>10.123.836.091.077</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.177.796.816.195</b>	<b>3.661.747.861.544</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	1.302.711.720.775	715.346.028.016
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	68.254.463.810	49.211.108.254
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	95.866.601.819	47.620.569.131
314	4. Phải trả người lao động		97.377.780.416	89.886.377.279
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	179.813.578.524	152.001.649.421
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	23	438.287.809.529	228.694.919.438
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	3.982.590.534.962	2.359.143.790.385
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		6.618.785.443	8.021.701.542
322	9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		6.275.540.917	11.821.718.078
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>5.790.169.919.759</b>	<b>6.462.088.229.533</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán	19	36.211.893.420	61.103.815.235
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	20	47.800.121.020	22.917.666.487
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		586.726.137	-
336	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		373.780.362	407.674.193
337	5. Phải trả dài hạn khác	23	1.526.263.845.128	976.889.040.962
338	6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	3.769.647.764.949	4.917.490.686.955
341	7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	409.285.788.743	483.279.345.701

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.560.886.399.848</b>	<b>3.916.171.712.435</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>25.1</b>	<b>4.560.886.399.848</b>	<b>3.916.171.712.435</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.189.099.130.000	1.189.099.130.000
411a	• Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.189.099.130.000	1.189.099.130.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		270.847.905.480	270.786.128.816
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		45.780.003.942	45.780.003.942
415	4. Cổ phiếu quỹ		(28.342.000)	(28.342.000)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		20.084.402.078	25.546.900.231
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.545.485.916	3.595.714.832
421a	• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		(42.215.487.429)	3.252.657.454
421b	• Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		43.760.973.345	343.057.378
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3.033.557.814.432	2.381.392.176.614
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>16.528.853.135.802</b>	<b>14.040.007.803.512</b>

Đơn vị: VND



Phạm Thị Kim Thanh  
Người lập

Ngày 31 tháng 3 năm 2023



Trần Thái Sơn  
Kế toán trưởng



Hoàng Anh Tuấn  
Tổng Giám Đốc

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Mẫu B02-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	7.752.284.820.719	6.315.325.559.458
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(59.435.327.216)	(77.905.568.771)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	7.692.849.493.503	6.237.419.990.687
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(6.407.795.505.075)	(5.249.928.107.677)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.285.053.988.428	987.491.883.010
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	511.313.705.975	274.991.181.493
22	7. Chi phí tài chính	28	(772.380.048.089)	(547.246.261.865)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(619.346.322.003)</i>	<i>(522.479.865.588)</i>
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	17.1	12.109.347.585	11.595.637.695
25	9. Chi phí bán hàng	29	(444.843.263.796)	(336.077.185.387)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(434.151.250.448)	(390.963.935.281)
30	11. Lợi nhuận thuần (lỗ thuần) từ hoạt động kinh doanh		157.102.479.655	(208.680.335)
31	12. Thu nhập khác	30	21.869.022.999	54.712.848.572
32	13. Chi phí khác	30	(7.786.329.858)	(11.029.042.919)
40	14. Lợi nhuận khác	30	14.082.693.141	43.683.805.653
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		171.185.172.796	43.475.125.318
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(101.605.304.846)	(40.802.723.528)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.1	25.272.280.544	20.073.795.105
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		94.852.148.494	22.746.196.895
61	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		4.386.788.030	8.343.057.378
62	20. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		90.465.360.464	14.403.139.517
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.4	37	73
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25.4	37	73

**Phạm Thị Kim Thanh**  
Người lập

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

**Trần Thái Sơn**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Anh Tuấn**  
Tổng Giám Đốc

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Mẫu B03-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		<b>171.185.172.796</b>	<b>43.475.125.318</b>
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại	31	654.287.334.718	608.649.524.468
03	Các khoản dự phòng		12.668.698.235	32.095.630.793
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.463.410.375	(76.270.425)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(433.575.816.928)	(278.338.466.514)
06	Chi phí lãi vay	28	619.346.322.003	522.479.865.588
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.027.375.121.199</b>	<b>928.285.409.228</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(945.975.228.372)	(305.772.149.653)
10	Tăng hàng tồn kho		(241.785.750.066)	(223.460.965.625)
11	Tăng các khoản phải trả		1.024.606.568.399	227.354.062.030
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(40.406.713.220)	15.365.726.173
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(504.320.410.000)	10.666.670.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(582.105.780.539)	(457.706.858.755)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21	(50.396.607.469)	(34.523.606.622)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.250.000.000	10.465.059.200
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.769.198.570)	(12.408.493.028)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(313.527.998.638)</b>	<b>158.264.852.948</b>

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(tiếp theo)

Mẫu B03-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ		(1.098.582.855.399)	(684.813.899.184)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		102.369.468.743	7.528.593.050
23	Tiền chi thuận cho vay và bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		(403.803.572.793)	(955.736.922.293)
25	Tiền chi thuận về đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(351.622.955.698)	(567.641.186.460)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.316.171.131.691	608.103.150.358
27	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức, lợi nhuận được chia		128.570.601.557	138.979.430.694
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(306.898.181.899)</b>	<b>(1.453.580.833.835)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu/vốn góp của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp của cổ đông không kiểm soát)	251	90.744.760.000	263.140.153.160
33	Tiền thu từ đi vay		6.397.432.106.226	6.075.184.848.544
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.269.702.106.958)	(4.695.264.523.957)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(104.177.936.553)	(72.477.339.549)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(22.059.256.358)	(19.505.989.512)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.092.237.566.357</b>	<b>1.551.077.148.686</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>471.811.385.820</b>	<b>255.761.167.799</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>450.998.668.270</b>	<b>195.259.657.019</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.587.242.253)	(22.156.548)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>5</b>	<b>921.222.811.837</b>	<b>450.998.668.270</b>

Phạm Thị Kim Thanh  
Người lập

Trần Thái Sơn  
Kế toán trưởng



Hoàng Anh Tuấn  
Tổng Giám Đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. Thông tin công ty

Công ty Cổ phần DNP Holding ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 2 tháng 1 năm 2004 và giấy GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 ngày 7 tháng 2 năm 2023.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty vào ngày 26 tháng 4 năm 2022, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được đổi tên thành Công ty Cổ phần DNP Holding. Việc thay đổi này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai chấp thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 23 vào ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã chứng khoán là DNP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE và các sản phẩm bao bì HDPE; khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét, hoạt động tư vấn quản lý và hoạt động tư vấn đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 4.356 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4.219 người).

### Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4) như sau:

Số thứ tự	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Công ty con trực tiếp</b>						
1.	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh ống nước	99,33	99,33	99,33	99,33
2.	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh nhựa công nghiệp	51,01	51,01	51,01	51,01
3.	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (Thuyết minh số 4.5)	Đầu tư vào các Công ty/dự án nước sạch	51,15	68,24	51,15	68,24
4.	Công ty Cổ phần CMC	Sản xuất, kinh doanh và phân phối gạch men	51,14	51,14	51,14	51,14

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

(tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

Mẫu B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 21 công ty con gián tiếp (31 tháng 12 năm 2021: 21) như sau:

Số thứ tự	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Công ty con gián tiếp</b>						
1.	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Bắc Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	51,15	68,24	99,997	99,997
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	44,06	58,68	87,82	87,82
3.	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	44,17	58,94	86,36	86,36
4.	Công ty Cổ phần Bình Hiệp	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	41,65	55,57	89,38	89,38
5.	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	29,29	39,07	57,26	57,26
6.	Công ty Cổ phần Nhà máy Nước Đồng Tâm	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	26,94	35,95	52,68	52,68
7.	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	28,68	38,26	59,47	59,47
8.	Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Châu Thành	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, dịch vụ công ích	49,13	65,56	96,06	96,06
9.	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	51,13	68,22	99,97	99,97
10.	Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	39,15	52,23	99,93	99,93
11.	Công ty Cổ phần DNP Hawaco	Kinh doanh vật tư ngành nước	49,67	49,67	50,00	50,00
12.	Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	39,73	39,73	80,00	80,00
13.	Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	39,73	39,73	80,00	80,00
14.	Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, dịch vụ công ích	26,34	35,15	51,51	51,51

Số thứ tự	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
15.	Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật đồng hồ đo nước	26,34	35,15	100,00	100,00
16.	Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa	Thương mại dịch vụ và lắp ráp, sản xuất	26,34	35,15	100,00	100,00
17.	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	43,06	57,45	84,19	84,19
18.	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP Quảng Bình	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	45,98	57,43	89,90	84,15
19.	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực xử lý nước cấp và nước thải	34,76	34,76	70,00	70,00
20.	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	Hoạt động dịch vụ tài chính	51,13	51,13	99,99	99,99
21.	Công ty Cổ phần Nước thô DNP – Sông Tiền	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	51,14	-	99,99	-
22.	Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 (đã thoái vốn, Thuyết minh số 4.1)	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	-	48,86	-	48,86

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có (0) công ty liên kết trực tiếp (31 tháng 12 năm 2021: 1) như sau:

Số thứ tự	Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Công ty liên kết trực tiếp</b>						
1.	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thành (đã thoái vốn, Thuyết minh số 4.2)	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	-	45,00	-	45,00

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có chín (9) công ty liên kết gián tiếp (31 tháng 12 năm 2021: 9) như sau:

Số thứ tự	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	19,00	25,35	37,15	37,15
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	12,41	16,56	24,27	24,27
3.	Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	7,32	9,77	25,01	25,01
4.	Công ty Cổ phần Nước và môi trường Đông Hải	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	7,32	9,77	25,00	25,00
5.	Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	12,78	17,06	25,00	25,00
6.	Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Thủ Thừa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, Dịch vụ công ích	24,68	32,93	48,25	48,25
7.	Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	Dịch vụ công ích	8,75	11,68	20,33	20,33
8.	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	22,15	22,15	43,42	43,42
9.	Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (Thuyết minh số 4.4)	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	12,78	-	24,99	-
10.	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ (đã thoái vốn, Thuyết minh số 4.3)	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	-	32,49	-	47,61

## 2. Cơ sở trình bày

### 2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## 3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	Chi phí mua, giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.5 Tài sản cố định thuê tài chính

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất quy định trên hợp đồng trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm: quyền sử dụng đất; phần mềm và các tài sản cố định vô hình khác.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 20 năm
Phương tiện vận tải	3 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời gian thuê
Chương trình phần mềm	3 - 8 năm

Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính được tính theo thời hạn cho thuê tài sản được nêu trên hợp đồng như sau:

Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm

### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ 1 đến 5 năm hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí công cụ, dụng cụ;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- Đồng hồ nước;
- Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định; và
- Các chi phí khác liên quan đến nhiều kỳ sản xuất hoạt động kinh doanh.

### 3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ Tập đoàn phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

### 3.11 Các khoản đầu tư

#### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

#### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

#### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.13 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận các khoản dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

### 3.18 Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 3.19 Thông tin bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh được chia thành ngành vật liệu xây dựng (ngành nhựa, vật tư và gạch ốp lát) và ngành nước sạch và môi trường trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn. Báo cáo bộ phận chủ yếu của Tập đoàn theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh.

### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

## 4. Các sự kiện trọng yếu phát sinh trong năm

### 4.1 Chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2

Vào ngày 8 tháng 4 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 5.752.584 cổ phần trong Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 cho nhà đầu tư khác theo Hợp đồng Chuyển nhượng cổ phần cùng ngày với tổng giá trị là 149.509.658.160 VND. Kết quả từ giao dịch chuyển nhượng này đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Theo đó, Tập đoàn không còn nắm quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 4.2 Chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh

Vào ngày 24 tháng 6 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 967.500 cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh cho nhà đầu tư khác theo Hợp đồng Chuyển nhượng cổ phần cùng ngày với tổng giá trị là 40.275.000.000 VND. Kết quả từ giao dịch chuyển nhượng này đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Theo đó, Tập đoàn không còn nắm quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 4.3 Chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

Vào ngày 7 tháng 4 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 13.329.900 cổ phần trong Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ cho nhà đầu tư khác theo Hợp đồng Chuyển nhượng cổ phần cùng ngày với tổng giá trị là 339.912.450.000 VND. Kết quả từ giao dịch chuyển nhượng này đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Theo đó, Tập đoàn không còn nắm quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 4.4 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Vào ngày 14 tháng 3 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất mua 4.535.500 cổ phần trong Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang với tổng giá trị là 91.233.970.078 VND. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang là 24,99% dẫn đến Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang trở thành công ty liên kết của Tập đoàn từ ngày 14 tháng 3 năm 2022.

### 4.5 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con hiện hữu Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (“DNP Water”)

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2022, International Finance Corporation đã hoàn tất chuyển đổi khoản vay thành cổ phần với giá trị là 562.161.900.000 VND tương đương 56.216.190 cổ phần của DNP Water. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong DNP Water giảm từ 68,24% xuống 53,15%.

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn đã chuyển nhượng 5.100.000 cổ phần tương đương 2% sở hữu trong DNP Water cho nhà đầu tư khác với giá trị là 102.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong DNP Water giảm từ 53,15% xuống 51,15%.

Chênh lệch giữa giá bán, giá chuyển đổi và phần giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong DNP Water được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.761.681.518	3.610.528.500
Tiền gửi ngân hàng	257.522.867.173	317.901.441.930
Tương đương tiền (*)	658.938.263.146	129.486.697.840
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>921.222.811.837</b>	<b>450.998.668.270</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi và đầu tư có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất áp dụng tối đa 11%/năm.

Một phần khoản tương đương tiền đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 24).

## 6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

### 6.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Cổ phiếu</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>26.250.000.000</b>	<b>37.591.090.000</b>	<b>49.620.238.800</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế ("HWS") (UpCom)	25.000.000.000	26.250.000.000	37.591.090.000	49.620.238.800
<b>Mã trái phiếu (i)</b>	<b>516.911.500.000</b>	<b>(*)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
TNGCB2124001	151.669.500.000	(*)	-	-
SBPCB2228003	211.846.000.000	(*)	-	-
CIVCB2124001	153.396.000.000	(*)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>541.911.500.000</b>	<b>26.250.000.000</b>	<b>37.591.090.000</b>	<b>49.620.238.800</b>

(i) Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn đã ký kết Thỏa thuận cam kết với tổ chức bảo lãnh phát hành và đại diện người sở hữu trái phiếu về việc họ sẽ thực hiện mua lại một phần hoặc toàn bộ trái phiếu trên khi Tập đoàn có yêu cầu bán theo mức giá thỏa thuận tại thời điểm thực hiện giao dịch.

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, công ty chưa thu thập đủ các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư này nhưng dựa trên việc thẩm định ngay trước thời điểm mua (ngày 30 tháng 12 năm 2022) và một số giao dịch mua bán sau đó, Ban Tổng giám đốc Tập đoàn tin rằng giá trị hợp lý của các trái phiếu lớn hơn giá trị còn lại của chúng.

## 6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	320.750.932.551	320.750.932.551	162.055.609.836	162.055.609.836
Các khoản đầu tư khác (**)	17.029.496.923	17.029.496.923	82.540.255.303	82.540.255.303
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>337.780.429.474</b>	<b>337.780.429.474</b>	<b>244.595.865.139</b>	<b>244.595.865.139</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng từ 3,5%/năm đến 10,7%/năm. Một phần khoản tiền gửi có kỳ hạn giá trị khoảng 308 tỷ VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 24).

(\*\*) Đây là các khoản đầu tư theo hợp đồng với các đối tác là tổ chức, cá nhân có thời hạn thu hồi dưới 12 tháng với mục đích là đầu tư vào các công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch, các dự án xây dựng nhà máy nước.

## 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	1.337.514.029.725	1.124.995.978.579
<i>Phải thu khách hàng kinh doanh ống và phụ kiện</i>	<i>721.762.842.059</i>	<i>692.248.432.669</i>
<i>Phải thu khách hàng kinh doanh nhựa công nghiệp và gia dụng</i>	<i>355.941.921.125</i>	<i>282.438.348.271</i>
<i>Phải thu khách hàng kinh doanh vật tư và thiết bị ngành nước</i>	<i>85.535.485.589</i>	<i>43.506.646.577</i>
<i>Phải thu khách hàng kinh doanh gạch ốp lát</i>	<i>80.067.385.128</i>	<i>9.313.995.628</i>
<i>Phải thu khách hàng kinh doanh nước sạch</i>	<i>38.900.176.226</i>	<i>40.226.285.677</i>
<i>Phải thu khách hàng kinh doanh bao bì</i>	<i>29.273.550.776</i>	<i>37.630.203.509</i>
<i>Khách hàng khác</i>	<i>26.032.668.822</i>	<i>19.632.066.248</i>
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 33)	11.473.465.054	10.012.039.242
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.348.987.494.779</b>	<b>1.135.008.017.821</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(97.537.168.011)	(80.414.099.339)
<b>GIÁ TRỊ THUẢN (*)</b>	<b>1.251.450.326.768</b>	<b>1.054.593.918.482</b>

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản phải thu giá trị khoảng 620 tỷ VND đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng (Thuyết minh số 24).

## 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp khác	823.565.889.235	186.338.698.460
<i>Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh gạch ốp lát</i>	<i>289.481.680.295</i>	<i>27.422.890.084</i>
<i>Trả trước cho người bán hoạt động kinh doanh ngành nhựa</i>	<i>263.313.692.190</i>	<i>46.342.839.388</i>
<i>Trả trước cho người bán hoạt động mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước</i>	<i>252.601.742.061</i>	<i>49.894.268.739</i>
<i>Trả trước cho người bán hoạt động mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa</i>	<i>11.648.603.058</i>	<i>16.269.232.199</i>
<i>Trả trước cho người bán hoạt động mua sắm đầu tư TSCĐ ngành gạch ốp lát</i>	<i>2.413.800.000</i>	<i>41.007.526.685</i>
<i>Trả trước cho người bán hoạt động kinh doanh ngành nước</i>	<i>1.594.709.478</i>	<i>1.318.269.134</i>
Các khoản khác	2.511.662.153	4.083.672.231
Trả trước cho bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 33</i> )	858.746.635	858.746.635
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>824.424.635.870</b>	<b>187.197.445.095</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.264.737.024)	(4.401.919.399)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>820.159.898.846</b>	<b>182.795.525.696</b>

## 9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bên khác (*)	187.945.231.000	20.060.000.000
Cho vay bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 33</i> )	610.000.000	610.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>188.555.231.000</b>	<b>20.670.000.000</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(810.000.000)	(810.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>187.745.231.000</b>	<b>19.860.000.000</b>

(\*) Các khoản cho các tổ chức và cá nhân vay tín chấp thời hạn sáu (6) tháng và hưởng lãi suất áp dụng thỏa thuận từ 7% - 12%/năm.

## 10. Phải thu khác

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.900.656.583.676</b>	<b>1.420.843.326.708</b>
Các bên khác	1.896.884.097.169	1.417.404.861.353
<i>Phải thu các khoản hợp tác đầu tư (*)</i>	<i>1.531.650.807.995</i>	<i>1.322.114.161.370</i>
<i>Đặt cọc mua cổ phần (**)</i>	<i>145.844.511.400</i>	-
<i>Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, cho vay</i>	<i>112.890.511.918</i>	<i>30.505.825.049</i>
<i>Các khoản tạm ứng</i>	<i>59.116.387.990</i>	<i>18.400.588.916</i>
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	<i>24.041.483.564</i>	<i>15.780.804.297</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>23.340.394.302</i>	<i>30.603.481.721</i>
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 33</i> )	3.772.486.507	3.438.465.355
<b>Dài hạn</b>	<b>342.049.741.177</b>	<b>377.030.014.224</b>
<i>Phải thu các khoản hợp tác đầu tư (*)</i>	<i>297.648.567.814</i>	<i>341.890.410.959</i>
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	<i>21.954.150.130</i>	<i>13.806.982.142</i>
<i>Thuế GTGT của tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>8.164.315.738</i>	<i>10.649.231.823</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>14.282.707.495</i>	<i>10.683.389.300</i>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.242.706.324.853</b>	<b>1.797.873.340.932</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.958.462.712)	(2.958.462.712)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>2.239.747.862.141</b>	<b>1.794.914.878.220</b>

(\*) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác doanh nghiệp, lợi nhuận được chia cho các bên theo tỷ lệ thỏa thuận tại thời điểm thanh lý hợp đồng. Các khoản này được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty.

(\*\*) Bao gồm các khoản đặt cọc cho đối tác theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần công ty ngành nước. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang thực hiện các thủ tục cho việc chuyển nhượng các cổ phần này.

## 11. Hàng tồn kho

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	577.276.076.507	(6.942.294.192)	452.078.728.136	(13.099.185.376)
Nguyên liệu, vật liệu	552.193.673.700	(5.885.441.599)	519.310.108.642	(4.098.874.379)
Hàng hóa	203.238.018.886	(215.661.756)	139.017.454.933	(116.138.951)
Công cụ dụng cụ	88.169.963.351	(4.005.531)	81.594.999.024	-
Hàng mua đang đi đường	28.094.440.275	-	28.408.217.231	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.039.248.477	-	29.278.554.193	-
Hàng gửi đi bán	33.639.762.795	-	19.413.456.928	-
<b>TỔNG CỘNG (*)</b>	<b>1.500.651.183.991</b>	<b>(13.047.403.078)</b>	<b>1.269.101.519.087</b>	<b>(17.314.198.706)</b>

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, hàng tồn kho giá trị khoảng 498,66 tỷ VND đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng. (Thuyết minh số 24).

## Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(17.314.198.706)	(4.875.128.624)
Tăng do hợp nhất	-	(3.557.541.850)
Hoàn nhập (trích) dự phòng trong năm	4.266.795.628	(8.881.528.232)
Số cuối năm	(13.047.403.078)	(17.314.198.706)

## 12. Chi phí trả trước

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>16.897.224.367</b>	<b>17.397.487.865</b>
Công cụ, dụng cụ	4.717.107.373	6.165.798.024
Chi phí sửa chữa tài sản	481.808.703	417.442.951
Chi phí khác	11.698.308.291	10.814.246.890
<b>Dài hạn</b>	<b>141.266.739.624</b>	<b>100.359.762.906</b>
Công cụ, dụng cụ	49.918.215.369	37.197.038.830
Chi phí sửa chữa tài sản và thay thế đồng hồ nước định kỳ	47.092.035.432	35.354.670.233
Chi phí thuê biển quảng cáo	23.581.057.977	-
Chi phí khác	20.675.430.846	27.808.053.843
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>158.163.963.991</b>	<b>117.757.250.771</b>

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Số đầu năm	2.203.536.089.947	2.788.827.444.559	4.078.208.604.940	35.452.624.446	9.106.024.763.892
Mua mới trong năm	8.709.145.702	17.878.554.438	14.186.648.396	2.042.930.070	42.817.278.606
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	36.169.289.443	413.370.425.960	114.285.234.730	6.378.763.675	570.203.713.808
Mua lại tài sản thuế tài chính	-	187.630.185.128	2.587.503.636	-	190.217.688.764
Thanh lý, nhượng bán	(23.493.123.048)	(132.252.784.079)	(7186.057.705)	(745.505.023)	(163.677.469.855)
Giảm do thoái vốn công ty con	(242.127.808.696)	(148.426.508.353)	(257.201.853.272)	(16.911.099.244)	(664.667.269.565)
Số cuối năm	1.982.793.593.348	3.127.027.317.653	3.944.880.080.725	26.217.713.924	9.080.918.705.650
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	261.548.528.767	826.277.094.090	359.437.822.235	8.117.613.627	1.455.381.058.719

**Giá trị khấu hao lũy kế**

Số đầu năm	(896.752.727.594)	(1.597.031.048.173)	(1.229.263.373.362)	(22.581.650.527)	(3.745.628.799.656)
Khấu hao trong năm	(108.564.713.214)	(231.438.929.816)	(179.315.463.902)	(3.313.647.758)	(522.632.754.690)
Mua lại tài sản thuế tài chính	-	(66.666.043.653)	(1.791.388.649)	-	(68.457.432.302)
Thanh lý, nhượng bán	13.645.405.651	26.196.828.470	5.628.952.064	343.662.000	45.814.848.185
Giảm do thoái vốn công ty con	120.681.397.276	102.491.028.842	105.152.030.737	11.068.217.126	339.392.673.981
Số cuối năm	(870.990.637.881)	(1.766.448.164.330)	(1.299.589.243.112)	(14.483.419.159)	(3.951.511.464.482)

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	1.306.783.362.353	1.191.796.396.386	2.848.945.231.578	12.870.973.919	5.360.395.964.236
Số cuối năm	1.111.802.955.467	1.360.579.153.323	2.645.290.837.613	11.734.294.765	5.129.407.241.168

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định giá trị 3.055.279.774.147 VND đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng. (Thuyết minh số 24)

## 14. Tài sản cố định thuế tài chính

Nguyên giá	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Số đầu năm	322.818.753.086	16.570.273.475	339.389.026.561
Thuế mới trong năm	92.972.120.104	543.600.000	93.515.720.104
Mua lại tài sản thuế tài chính	(187.630.185.128)	(2.587.503.636)	(190.217.688.764)
Số cuối năm	228.160.688.062	14.526.369.839	242.687.057.901
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	823.409.091	-	823.409.091

**Giá trị khấu hao lũy kế**

Số đầu năm	(89.513.740.937)	(5.433.049.406)	(94.946.790.343)
Khấu hao trong năm	(23.967.394.945)	(1.716.946.664)	(25.684.341.609)
Mua lại tài sản thuế tài chính	66.666.043.653	1.791.388.649	68.457.432.302
Số cuối năm	(46.815.092.229)	(5.358.607.421)	(52.173.699.650)

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	233.305.012.149	11.137.224.069	244.442.236.218
Số cuối năm	181.345.595.833	9.167.762.418	190.513.358.251



Nguyên giá	Quyển sử dụng đất	Phần mềm	Khác	Tổng cộng
Số đầu năm	1.829.740.790.467	13.293.475.517	46.129.781.510	1.889.164.047.494
Mua mới trong năm	-	321.860.000	75.000.000	396.860.000
Giảm do thoái vốn ở công ty con	(104.784.307.350)	(640.127.273)	(22.869.570.821)	(128.294.005.444)
Phân loại lại	-	5.145.213.000	(5.145.213.000)	-
Số cuối năm	1.724.956.483.117	18.120.421.244	18.189.997.689	1.761.266.902.050
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	2.757.934.644	4.479.482.990	7.237.417.634
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>				
Số đầu năm	(43.072.551.961)	(6.362.706.066)	(8.932.566.638)	(58.367.824.665)
Khấu hao trong năm	(48.183.117.363)	(2.789.199.567)	(2.042.617.453)	(53.014.934.383)
Giảm do thoái vốn ở công ty con	-	520.637.884	4.131.208.390	4.651.846.274
Số cuối năm	(91.255.669.324)	(8.631.267.749)	(6.843.975.701)	(106.730.912.774)
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	1.786.668.238.506	6.930.769.451	37.197.214.872	1.830.796.222.829
Số cuối năm	1.633.700.813.793	9.489.153.495	11.346.021.988	1.654.535.989.276

## 16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	427.990.700.595	172.932.930.937
Mua trong năm	992.269.714.615	636.500.923.538
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	117.032.091.181
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(570.203.713.808)	(485.370.840.026)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(31.770.000.000)	-
Bán cho công ty cho thuê tài chính	(25.786.775.690)	-
Giảm do thoái vốn công ty con	(17.888.012.971)	-
Chuyển sang chi phí trả trước	(4.910.346.448)	(3.540.349.414)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(6.592.372.315)
Giảm khác	(11.904.060.580)	(2.971.683.306)
Số cuối năm	757.797.505.713	427.990.700.595
Trong đó:		
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>56.818.207.437</b>	<b>34.483.919.374</b>
Máy móc thiết bị	56.818.207.437	34.483.919.374
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>700.979.298.276</b>	<b>393.506.781.221</b>
Nhà máy nước tại Quảng Bình	202.028.570.596	92.738.993.909
Nhà máy nước tại Bắc Giang	184.673.917.171	168.652.947.578
Nhà máy nước tại Long An	172.450.476.180	9.920.451.953
Đường ống nước tại Bình Thuận	47.664.814.819	1.295.660.625
Nhà máy sản xuất gạch	43.344.881.786	62.017.272.727
Các công trình khác	50.816.637.724	58.881.454.429
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>757.797.505.713</b>	<b>427.990.700.595</b>

## 17. Đầu tư tài chính dài hạn

### 17.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị: VND

Giá gốc đầu tư:	Giá trị
Số đầu năm	528.206.880.739
Tăng trong năm	91.233.970.078
Giảm trong năm	(284.588.465.822)
Số cuối năm	334.852.384.995
<b>Phần lãi lũy kế sau khi mua công ty liên kết:</b>	
Số đầu năm	46.762.677.195
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	12.109.347.585
Giảm trong năm	(37.264.940.709)
Số cuối năm	21.607.084.071
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	574.969.557.934
Số cuối năm	356.459.469.066

### 17.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (*)	28.100.000.000	28.100.000.000	28.100.000.000	28.100.000.000
Các khoản đầu tư khác	1.930.400.000	1.930.400.000	1.930.400.000	1.930.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.030.400.000</b>	<b>30.030.400.000</b>	<b>30.030.400.000</b>	<b>30.030.400.000</b>

(\*) Các khoản trái phiếu có kỳ hạn trên một (1) năm với lãi suất từ 5,9% đến 8,1% hoặc lãi suất tham chiếu cộng (+) 0,8% hoặc 0,9% đều đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng. (Thuyết minh số 24)

## 18. Lợi thế thương mại

Đơn vị: VND

Nguyên giá	Giá trị
Số đầu năm	537.903.645.986
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(18.049.017.149)
Số cuối năm	519.854.628.837
<b>Giá trị phân bổ lũy kế</b>	
Số đầu năm	(207.989.669.449)
Phân bổ trong năm	(52.425.804.033)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	3.158.578.000
Số cuối năm	(257.256.895.482)
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	329.913.976.537
Số cuối năm	262.597.733.355

## 19. Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.302.711.720.775</b>	<b>715.346.028.016</b>
Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh	1.205.478.349.446	642.034.238.803
<i>Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh ngành nhựa</i>	<i>666.422.502.797</i>	<i>405.325.327.757</i>
<i>Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh gạch ốp lát</i>	<i>443.116.807.491</i>	<i>172.914.753.920</i>
<i>Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nước</i>	<i>48.131.504.274</i>	<i>31.051.369.647</i>
<i>Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh vật tư và thiết bị ngành nước</i>	<i>47.807.534.884</i>	<i>32.742.787.479</i>
Phải trả cho người bán phục vụ mua sắm tài sản cố định	75.036.738.474	56.724.956.261
<i>Phải trả cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước</i>	<i>74.629.499.188</i>	<i>54.712.050.470</i>
<i>Phải trả cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa</i>	<i>407.239.286</i>	<i>2.012.905.791</i>
Phải trả cho người bán khác	22.196.632.855	16.586.832.952
<b>Dài hạn</b>	<b>36.211.893.420</b>	<b>61.103.815.235</b>
Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh	36.211.893.420	61.103.815.235
<i>Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh và mua sắm TSCĐ ngành nước</i>	<i>17.715.240.220</i>	<i>61.103.815.235</i>
<i>Phải trả cho người mua sắm TSCĐ ngành nhựa</i>	<i>10.299.572.000</i>	-
<i>Phải trả cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nhựa</i>	<i>8.197.081.200</i>	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.338.923.614.195</b>	<b>776.449.843.251</b>

## 20. Người mua trả tiền trước

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>68.254.463.810</b>	<b>49.211.108.254</b>
Ứng trước tiền mua gạch ốp lát	29.183.310.940	4.409.368.997
Ứng trước tiền mua ống nhựa và phụ kiện ngành nước	23.548.740.756	24.932.093.809
Ứng trước tiền cung cấp nước sạch	7.797.179.321	10.709.480.853
Ứng trước tiền mua nhựa công nghiệp và gia dụng	2.325.652.947	3.100.565.246
Ứng trước tiền khác	5.399.579.846	6.059.599.349
<b>Dài hạn</b>	<b>47.800.121.020</b>	<b>22.917.666.487</b>
Ứng trước tiền cung cấp nước sạch	33.869.636.818	22.917.666.487
Ứng trước tiền bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 33</i> )	13.930.484.202	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>116.054.584.830</b>	<b>72.128.774.741</b>

## 21. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu nhà nước

Đơn vị: VND

Mẫu B09-DN/HN

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Thoái vốn công ty con	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>					
Thuế xuất, nhập khẩu	137.327.490	11.728.339.344	(262.729.904)	-	11.602.936.930
Thuế thu nhập cá nhân	328.341.130	1.954.684.801	(75.038.324)	-	2.207.987.607
Thuế giá trị gia tăng	119.848.145	21.604.819.021	(211.148.058.347)	-	576.608.819
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.247.255.042	242.227.575	(819.768.793)	(427.486.249)	242.227.575
Các loại thuế khác	78.398.712	86.152.989	-	-	164.551.701
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.911.170.519</b>	<b>35.616.223.730</b>	<b>(22.305.595.368)</b>	<b>(427.486.249)</b>	<b>14.794.312.632</b>
<b>Phải nộp</b>					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.086.760.824	100.785.536.053	(50.154.379.894)	-	78.717.916.983
Thuế giá trị gia tăng	7.486.438.804	226.982.824.730	(229.536.663.730)	-	4.932.599.804
Thuế thu nhập cá nhân	2.768.991.160	15.379.275.389	(17.065.385.836)	-	1.082.870.713
Thuế tài nguyên	786.028.480	4.936.613.316	(5.351.884.226)	-	370.757.570
Các loại thuế khác	8.492.359.863	56.008.826.111	(53.738.729.225)	-	10.762.456.749
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.620.569.131</b>	<b>404.093.075.599</b>	<b>(355.847.042.911)</b>	<b>-</b>	<b>95.866.601.819</b>

## 22. Chi phí phải trả ngắn hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	105.574.280.542	94.482.011.049
Chi phí lãi hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	31.500.000.000	-
Trích trước lương tháng 13	10.596.069.535	19.314.499.539
Chi phí hoa hồng môi giới	10.472.623.583	6.017.709.302
Cước vận chuyển	1.504.823.294	8.560.506.668
Các khoản phải trả khác	20.165.781.570	23.626.922.863
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>179.813.578.524</b>	<b>152.001.649.421</b>

(\*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Tập đoàn thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận hoặc chi phí cơ hội sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể hoặc khi các bên quyết toán các khoản đầu tư.

## 23. Phải trả khác

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>438.287.809.529</b>	<b>228.694.919.438</b>
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	75.161.900.000	-
Lãi vay phải trả	166.542.575.933	133.133.720.358
Phải trả từ nhận đặt cọc mua bán cổ phần (**)	100.000.000.000	-
Phải trả đại lý tiền chiết khấu đặt cọc	26.591.881.829	21.600.796.736
Chi phí phát hành trái phiếu	18.000.000.000	10.500.000.000
Kinh phí công đoàn	3.658.189.970	2.842.490.541
Phải trả cổ tức	2.292.792.921	14.296.251.014
Các khoản bảo hiểm bắt buộc	180.476.291	1.553.002.266
Phải trả khác	45.859.992.585	44.768.658.523
<b>Dài hạn</b>	<b>1.526.263.845.128</b>	<b>976.889.040.962</b>
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	1.129.679.000.000	628.492.439.790
Phải trả từ nhận đặt cọc mua trái phiếu chuyển đổi (***)	100.000.000.000	-
Lãi vay phải trả	172.765.012.119	183.011.595.719
Nhận kí quỹ, kí cược	5.246.748.359	47.957.539.532
Phải trả khác	118.573.084.650	117.427.465.921
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.964.551.654.657</b>	<b>1.205.583.960.400</b>

(\*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Tập đoàn thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể khi 2 bên quyết toán các khoản đầu tư.

(\*\*) Bao gồm khoản nhận đặt cọc từ đối tác theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần công ty ngành nước. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang thực hiện các thủ tục cho việc chuyển nhượng các cổ phần này.

(\*\*\*) Đây là số tiền nhận đặt cọc từ một công ty cổ phần để nhận chuyển nhượng trái phiếu. Tập đoàn đang thực hiện các thủ tục cho nghiệp vụ chuyển nhượng trái phiếu này.

## 24. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>3.982.590.534.962</b>	<b>2.359.143.790.385</b>
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 24.1)	2.449.150.599.702	1.857.167.149.476
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.2)	303.984.776.787	206.203.811.080
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.3)	48.106.312.519	55.722.829.829
Nợ trái phiếu ngắn hạn	-	97.250.000.000
Nợ trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.4)	1.181.348.845.954	142.800.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>3.769.647.764.949</b>	<b>4.917.490.686.955</b>
Vay dài hạn (Thuyết minh số 24.2)	2.100.405.403.987	2.573.556.537.254
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 24.3)	65.594.941.764	70.662.782.809
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 24.4)	1.603.647.419.198	2.273.271.366.892
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.752.238.299.911</b>	<b>7.276.634.477.340</b>

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.276.634.477.340	5.497.246.222.123
Vay trong năm	5.910.136.876.866	5.685.757.187.119
Phát hành trái phiếu dài hạn (Bao gồm: Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu)	550.889.443.715	1.214.058.105.338
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	(23.815.909.091)	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	408.078.841.848
Giảm do thoái vốn công ty con	(47.823.000.248)	-
Trả nợ gốc vay	(5.351.380.043.511)	(5.527.883.988.044)
Giảm do chuyển đổi vay thành vốn cổ phần ở DNP Water (Thuyết minh số 25.1)	(562.161.900.000)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại gốc vay	(241.645.160)	(621.891.044)
Số cuối năm	7.752.238.299.911	7.276.634.477.340

Các khoản vay và trái phiếu này chịu lãi suất theo thông báo của bên cho vay từng thời điểm.

### 24.1 Vay ngắn hạn

(\*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Tập đoàn thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận hoặc chi phí cơ hội sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể hoặc khi các bên quyết toán các khoản đầu tư.

Mẫu B09-DN/HN

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Thời hạn thanh toán	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.020.893.315.604	Theo từng Giấy nhận nợ nhưng không quá 12 tháng	Hợp đồng tiền gửi, cổ phiếu, khoản phải thu, trái phiếu, hàng tồn kho, tài sản cố định
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	501.898.520.754	Theo từng Giấy nhận nợ nhưng không quá 12 tháng	Hợp đồng tiền gửi, cổ phiếu, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	387.666.493.727	Theo từng kế ước nhận nợ	Hợp đồng tiền gửi, cổ phiếu, tài sản cố định, tài sản hình thành trong tương lai
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	102.489.823.497	Theo từng kế ước nhận nợ	Hợp đồng tiền gửi, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	97.249.812.181	Theo từng kế ước nhận nợ	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Quân đội	92.311.980.153	Theo từng Giấy nhận nợ nhưng không quá 12 tháng	Hàng tồn kho, tài sản cố định, hợp đồng tiền gửi, tài sản hình thành trong tương lai
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	60.203.938.826	Theo từng kế ước nhận nợ	Tín chấp
Ngân hàng SinoPac	57.241.600.474	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	49.702.062.734	6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Các khoản phải thu
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	33.016.439.621	Theo từng kế ước nhận nợ	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương	10.639.753.527	Theo từng kế ước nhận nợ	Tín chấp
Khoản vay cá nhân và tổ chức khác	35.836.858.604	Theo từng kế ước nhận nợ	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.449.150.599.702</b>		

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Thời hạn thanh toán	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.642.675.134.263	24 tháng đến 162 tháng	Đầu tư xây dựng cơ bản và tài sản cố định	Nhà xưởng, máy móc, thiết bị, cổ phiếu, tài sản hình thành trong tương lai, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	297.619.337.701	Từ 20 năm đến 25 năm	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tài sản hình thành sau đầu tư và giá trị quyền sử dụng đất
Bộ Tài chính	222.821.840.795	25 năm	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân sách tỉnh Bình Thuận	47.179.752.862	15 năm	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tin chấp
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	27.691.411.996	60 tháng	Đầu tư tài sản cố định	Máy móc và thiết bị được hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Quân đội	24.107.321.760	Từ 48 tháng đến 84 tháng	Đầu tư xây dựng cơ bản	Hợp đồng tiền gửi
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	16.503.940.972	Từ 60 tháng đến 120 tháng	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tài sản cố định, tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai, hàng hóa luân chuyển
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.118.600.046	36 tháng	Đầu tư tài sản cố định	Phương tiện vận tải được hình thành từ vốn vay
Các cá nhân, tổ chức khác	124.672.840.379	Từ 13 tháng đến 240 tháng	Đầu tư xây dựng cơ bản, bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh	Tài sản cố định, tài sản hình thành từ vốn vay
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.404.390.180.774</b>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đến hạn trả</i>	<i>303.984.776.787</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>2.100.405.403.987</i>			

### 24.3 Nợ thuế tài chính

Tập đoàn hiện đang thuê máy móc, thiết bị, khuôn và các tài sản khác phục vụ sản xuất kinh doanh ngành nhựa theo hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>						
Từ 1 năm trở xuống	55.396.580.046	7.290.267.527	48.106.312.519	63.124.636.706	7.401.806.877	55.722.829.829
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
Trên 1-5 năm	71.496.313.635	5.901.371.871	65.594.941.764	76.440.467.422	5.777.684.613	70.662.782.809
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>126.892.893.681</b>	<b>13.191.639.398</b>	<b>113.701.254.283</b>	<b>139.565.104.128</b>	<b>13.179.491.490</b>	<b>126.385.612.638</b>

Tổ chức thu xếp phát hành/ trái chủ	Kỳ hạn	Lãi suất	Số cuối năm VND	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	Từ 2 đến 5 năm	Từ 10% đến 11%	1.613.161.888.885	Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh - đầu tư	Cổ phần của công ty tại một số công ty con và các công ty liên kết
AEP II HOLDINGS PTE., LTD., (*)	5 năm	5%	455.598.845.954	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Cổ phần của một số cổ đồng tại công ty và cổ phần của công ty tại công ty con
Ngân hàng TMCP Việt Á	3 năm	11%	263.395.530.313	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Cổ phần tại các công ty con
Ngân hàng TMCP Quân đội	5 năm	12,3%	247.840.000.000	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Cổ phần tại một số công ty con
Vietnam Debt Fund SPC	4 năm	11%	145.000.000.000	Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh - đầu tư	Cổ phần tại một số công ty con
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Sun Life Việt Nam	3 năm	Libor + 3,3%	60.000.000.000	Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh - đầu tư	Cổ phần tại công ty liên kết
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.784.996.265.152</b>		
Trong đó:					
Đến hạn trả			1.181.348.845.954		
Dài hạn			1.603.647.419.198		

(\*) Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn và AEP II Holdings Pte. Ltd ký phụ lục hợp đồng về việc Tập đoàn có thể tìm đối tác để mua lại phần trái phiếu từ AEP II Holdings Pte. Ltd.

Tập đoàn và một đối tác đã ký Hợp đồng đặt mua trái phiếu doanh nghiệp, theo đó đối tác sẽ thực hiện mua lại trái phiếu từ AEP II Holdings Pte. Ltd và cam kết thực hiện chuyển đổi trái phiếu này thành cổ phiếu của Công ty. (Thuyết minh số 23)

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, các bên đã xúc tiến các thủ tục để thực hiện việc chuyển nhượng trái phiếu nói trên và chuyển đổi thành cổ phiếu.

## 25. Vốn chủ sở hữu

### 25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của cổ đồng	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
Số đầu năm	1.091.544.930.000	166.561.745.656	44.244.629.968	(28.342.000)	16.597.100.265	21.143.590.833	1.414.792.281.454	2.754.855.936.176
Tăng vốn trong năm	97.554.200.000	104.224.383.160	1.535.373.974	-	(1.535.373.974)	-	61.361.570.000	263.140.153.160
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	8.343.057.378	14.403.139.517	22.746.196.895
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(30.207.310.032)	(30.207.310.032)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác	-	-	-	-	-	(6.197.257.597)	(10.134.687.718)	(16.331.945.315)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	10.485.173.940	(10.485.173.940)	-	-
Tăng (giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	(8.876.499.327)	932.193.413.628	923.316.914.301
Khác	-	-	-	-	-	(332.002.515)	(1.016.230.235)	(1.348.232.750)
Số cuối năm	1.189.099.130.000	270.786.128.816	45.780.003.942	(28.342.000)	25.546.900.231	3.595.714.832	2.381.392.176.614	3.916.171.712.435
<b>Năm nay</b>								
Số đầu năm	1.189.099.130.000	270.786.128.816	45.780.003.942	(28.342.000)	25.546.900.231	3.595.714.832	2.381.392.176.614	3.916.171.712.435
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	90.744.760.000	90.744.760.000
Tăng do chuyển đổi vay thành vốn cổ phần (*)	-	-	-	-	-	-	562.161.900.000	562.161.900.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	4.386.788.030	90.465.360.464	94.852.148.494
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(12.130.526.345)	(12.130.526.345)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(409.805.210)	(530.572.846)	(940.378.056)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	(5.554.049.403)	-	-
Thoái vốn công ty con	-	-	-	-	(3.174.492.465)	3.590.520.113	(191.401.421.863)	(190.985.394.215)
Tăng (giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	(7.842.055.091)	(4.825.540.158)	114.667.595.249	102.000.000.000
Khác	-	61.776.664	-	-	-	761.857.712	(1.811.456.841)	(987.822.465)
Số cuối năm	1.189.099.130.000	270.847.905.480	45.780.003.942	(28.342.000)	20.084.402.078	1.545.485.916	3.033.557.814.432	4.560.886.399.848

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, DNP Water đã hoàn thành việc phát hành 56.216.190 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/ cổ phiếu cho cổ đồng International Finance Corporation thực hiện chuyển đổi khoản vay với số tiền 562.161.900.000 VND (Thuyết minh số 24 và thuyết minh số 4.5).

## 25.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm	1.189.099.130.000	1.091.544.930.000
Phát hành cổ phiếu	-	97.554.200.000
Số cuối năm	1.189.099.130.000	1.189.099.130.000

## 25.3 Cổ phiếu phổ thông

Đơn vị: VND

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã đăng ký phát hành	118.909.913	118.909.913
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>118.909.913</i>	<i>118.909.913</i>
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.810</i>	<i>8.810</i>
Cổ phần đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>118.901.103</i>	<i>118.901.103</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

## 25.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước (đã điều chỉnh hồi tố)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.386.788.030	8.343.057.378
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(409.805.210)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>4.386.788.030</b>	<b>7.933.252.168</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	118.909.913	109.235.788
<b>Lãi trên cổ phiếu (VND)</b>		
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu		
<i>(Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND)</i>	<i>37</i>	<i>73</i>
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (**)		
<i>(Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND)</i>	<i>37</i>	<i>73</i>

(\*) Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu đã được điều chỉnh lại để phản ánh việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021.

(\*\*) Khoản trái phiếu chuyển đổi của Công ty sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu trước ngày 30 tháng 6 năm 2023 có thể có tác động suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu trong tương lai nhưng chưa được đưa vào tính lãi suy giảm trên cổ phiếu ở trên vì các công cụ này có tác động suy giảm ngược cho các năm được trình bày.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.



## 26. Doanh thu

### 26.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>7.752.284.820.719</b>	<b>6.315.325.559.458</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	<i>7.655.074.577.905</i>	<i>6.240.244.200.066</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>64.361.339.760</i>	<i>58.482.095.776</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>32.848.903.054</i>	<i>16.599.263.616</i>
<b>Trừ:</b>	<b>59.435.327.216</b>	<b>77.905.568.771</b>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>45.316.601.978</i>	<i>68.177.248.837</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>3.373.531.506</i>	<i>1.082.566.828</i>
<i>Hàng bán trả lại</i>	<i>10.745.193.732</i>	<i>8.645.753.106</i>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>7.692.849.493.503</b>	<b>6.237.419.990.687</b>

### 26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi từ hoạt động đầu tư	288.424.219.796	167.685.689.040
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	203.942.904.659	85.627.833.597
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.894.897.392	5.985.718.682
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.220.818.481	13.159.522.659
Lãi bán các khoản đầu tư và chứng khoán kinh doanh	830.865.647	2.532.417.515
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>511.313.705.975</b>	<b>274.991.181.493</b>

## 27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	6.335.278.981.206	5.181.342.827.676
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	54.688.757.489	44.676.153.914
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(150.497.347)	8.881.528.232
Giá vốn khác	17.978.263.727	15.027.597.855
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.407.795.505.075</b>	<b>5.249.928.107.677</b>

## 28. Chi phí tài chính

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	619.346.322.003	522.479.865.588
Lỗ do thoái vốn các khoản đầu tư tài chính	47.860.174.354	-
Chi phí hợp tác đầu tư	43.063.631.923	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	19.703.315.164	10.448.279.214
Chi phí tài chính khác	42.406.604.645	14.318.117.063
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>772.380.048.089</b>	<b>547.246.261.865</b>

## 29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>444.843.263.796</b>	<b>336.077.185.387</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	217.602.492.677	155.845.597.639
Chi phí nhân viên	131.676.301.045	85.066.730.214
Chi phí khấu hao	27.771.639.775	26.262.674.335
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	14.070.792.854	16.556.277.649
Chi phí bảo hành	4.506.468.668	5.621.386.704
Chi phí khác	49.215.568.777	46.724.518.846
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>434.151.250.448</b>	<b>390.963.935.281</b>
Chi phí nhân viên quản lý	189.675.557.749	185.354.600.988
Lợi thế thương mại phân bổ (Thuyết minh số 18)	52.425.804.033	51.475.726.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.269.230.217	69.607.261.290
Chi phí khấu hao	20.191.008.320	19.937.627.044
Chi phí dự phòng	17.808.792.000	19.561.645.414
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.406.364.375	14.427.351.317
Thuế, phí và lệ phí	4.167.621.781	6.522.774.101
Chi phí khác	44.206.871.973	24.076.948.719
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>878.994.514.244</b>	<b>727.041.120.668</b>

## 30. Thu nhập khác và chi phí khác

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>21.869.022.999</b>	<b>54.712.848.572</b>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	13.897.089.381	492.648.270
Thu nhập khác	7.971.933.618	8.450.791.899
Thu nhập khác từ hợp đồng dịch vụ	-	45.769.408.403
<b>Chi phí khác</b>	<b>(7.786.329.858)</b>	<b>(11.029.042.919)</b>
<b>LỢI NHUẬN THUẬN KHÁC</b>	<b>14.082.693.141</b>	<b>43.683.805.653</b>

## 31. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	5.046.785.855.417	4.026.457.675.968
Chi phí nhân công	832.723.377.334	696.902.255.761
Chi phí khấu hao và hao mòn	601.462.207.019	557.173.798.060
Lợi thế thương mại phân bổ	52.425.804.033	51.475.726.408
Chi phí dự phòng	24.468.861.551	29.655.301.049
Thuế, phí, lệ phí	6.768.191.734	10.409.263.093
Chi phí khác	722.155.722.231	604.895.208.006
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.286.790.019.319</b>	<b>5.976.969.228.345</b>

## 32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ các trường hợp hưởng ưu đãi thuế sau đây:

- Các công ty gồm Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội ("NS3"), Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận ("Bình Thuận"), Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An ("Long An"), Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang ("Bắc Giang"), Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh ("Tây Ninh"), Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa ("Ninh Hòa") và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước ("Bình Phước") được hưởng thuế suất là 10% đối với thu nhập từ sản xuất và kinh doanh nước sạch - hoạt động xã hội trong lĩnh vực môi trường trong suốt thời gian hoạt động;
- Bình Hiệp được miễn thuế TNDN trong bốn năm (từ 2016 đến 2019), giảm 50% thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028) và chịu thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế của dự án đầu tư mở rộng;
- Bình Thuận được miễn thuế TNDN trong bốn năm (từ 2010-2013) và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo (2014 đến 2022) đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn;
- Bắc Giang được miễn thuế TNDN trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong năm năm tiếp theo;
- Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung được miễn thuế TNDN trong hai năm (2017-2018) và giảm 50% thuế TNDN trong bốn năm tiếp theo (từ 2019 - 2022) đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng tại khu công nghiệp;
- Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô Thị Ninh Hòa được miễn thuế TNDN trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Năm 2020 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% thuế TNDN;
- Công ty TNHH kiểm định đo lường Ninh Hòa được miễn thuế TNDN trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Năm 2019 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% số thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 32.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	96.376.685.154	38.968.982.999
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu từ các năm trước	5.228.619.692	1.833.740.529
	<b>101.605.304.846</b>	<b>40.802.723.528</b>
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(25.272.280.544)	(20.073.795.105)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>76.333.024.302</b>	<b>20.728.928.423</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>171.185.172.796</b>	<b>43.475.125.318</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con	34.237.034.559	8.695.025.064
<i>Điều chỉnh:</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(16.158.224.663)	(14.528.404.600)
Chi phí không được khấu trừ	12.939.911.926	7.491.075.738
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất	(7.821.677.712)	(6.499.983.559)
Chênh lệch do ảnh hưởng của các giao dịch hợp nhất	58.252.786.428	16.884.505.596
Thuế thu nhập hoãn lại do các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	1.393.266.784	1.821.284.733
Tài sản thuế TNDN chưa được ghi nhận	-	11.611.237.206
Thuế TNDN được giảm	(1.838.431.029)	(1.592.499.470)
Sử dụng lỗ thuế của các năm trước	(9.900.261.683)	(4.987.052.814)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu từ các năm trước	5.228.619.692	1.833.740.529
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>76.333.024.302</b>	<b>20.728.928.423</b>

### 32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### 32.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa thực hiện	5.288.911.278	-	5.288.911.278	-
Chênh lệch từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý khi hợp nhất kinh doanh	(409.285.788.743)	(483.279.345.701)	19.983.369.266	20.073.795.105
<b>Thuế TNND hoãn lại phải trả thuần</b>	<b>(403.996.877.465)</b>	<b>(483.279.345.701)</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			<b>25.272.280.544</b>	<b>20.073.795.105</b>

## 33. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong kỳ và có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Quảng Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đồng Hải	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 2 năm 2023)
Ông Trịnh Kiên	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 7 tháng 10 năm 2022)
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Công ty liên kết	Bán nước sạch	9.237.147.325	7.775.721.513
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	2.236.317.729	2.236.317.729
			<b>11.473.465.054</b>	<b>10.012.039.242</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	858.746.635	858.746.635
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Công ty liên kết	Cho vay	610.000.000	610.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Công ty liên kết	Tạm ứng vốn	1.637.500.000	1.637.500.000
		Lãi cho vay	152.404.445	152.404.445
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 2 năm 2023)	Tạm ứng công việc	1.380.864.473	696.667.087
Ông Trịnh Kiên	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 7 tháng 10 năm 2022)	Tạm ứng công việc	601.717.589	797.645.285
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Tạm ứng công việc	-	154.248.538
			<b>3.772.486.507</b>	<b>3.438.465.355</b>
<b>Người mua trả tiền trước dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Công ty liên kết	Bán nước sạch	13.930.484.202	-

Những nghiệp vụ trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	-	9.170.971.200
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Quảng Bình	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	710.655.000	667.585.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	2.343.271.480	1.903.624.800
		Bán nước sạch	101.179.543.917	86.915.470.228
Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	1.658.668.000	1.598.352.800
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	101.149.701	65.066.357
		Mua nước sạch	4.780.990.477	4.445.888.571
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Công ty liên kết	Bán nước sạch	52.048.454.534	-

#### Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị: VND

	Thu nhập, thưởng	
	Năm nay	Năm trước
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Thành viên độc lập	120.000.000	120.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tổng Giám đốc	720.000.000	804.181.062
Phó Tổng Giám đốc	840.000.000	1.031.297.287
Phó Tổng Giám đốc	840.000.000	973.117.256
Phó Tổng Giám đốc	901.200.000	941.510.796
Phó Tổng Giám đốc	120.000.000	411.896.970
Phó Tổng Giám đốc	-	150.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.541.200.000</b>	<b>4.432.003.371</b>

## 34. Các cam kết và khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

### Cam kết thuê hoạt động (bên đi thuê)

Tập đoàn hiện đang thuê hoạt động không được kết thúc trước hợp đồng. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	64.408.213.165	25.627.990.488
Từ 2 - 5 năm	143.545.748.794	31.953.080.000
Trên 5 năm	1.722.113.400	1.269.526.839
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>209.676.075.359</b>	<b>58.850.597.327</b>

### Cam kết góp vốn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn không có khoản cam kết nào liên quan tới việc góp vốn vào công ty con.

### Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế ("HWS") (UpCom)	-	6.363.600

Cổ phiếu HWS được nắm giữ bởi Tập đoàn, các quyền và nghĩa vụ liên quan đã được chuyển giao cho đối tác và Tập đoàn đã nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Trong năm 2020, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu tài chính với số tiền 26.325.670.000 VND, tương ứng với số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đã chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan cho đối tác theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 25 tháng 9 năm 2019 và các tài liệu khác liên quan đến giao dịch. Khoản thu nhập này đã được Tập đoàn hoàn tất kê khai và quyết toán thuế trong năm 2020. Tại ngày 7 tháng 9 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn thành các thủ tục của giao dịch cho số lượng cổ phiếu trên.

## 35. Thông tin theo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng ngành vật liệu xây dựng.
- Sản xuất và kinh doanh ngành nước sạch và môi trường.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Mẫu B09-DN/HN

Đơn vị: VND

	Ngành nhựa và vật liệu xây dựng	Ngành nước và môi trường	Tổng cộng
<b>NĂM NAY</b>			
Doanh thu thuần bán hàng	6.625.342.672.166	1.067.506.821.337	7.692.849.493.503
Giá vốn hàng bán	5.647.652.498.041	760.143.007.034	6.407.795.505.075
<b>Lợi nhuận gộp từ bán hàng</b>	<b>977.690.174.125</b>	<b>307.363.814.303</b>	<b>1.285.053.988.428</b>
<b>NĂM TRƯỚC</b>			
Doanh thu thuần bán hàng	5.225.713.045.517	1.011.706.945.170	6.237.419.990.687
Giá vốn hàng bán	4.480.490.190.956	769.437.916.721	5.249.928.107.677
<b>Lợi nhuận gộp từ bán hàng</b>	<b>745.222.854.561</b>	<b>242.269.028.449</b>	<b>987.491.883.010</b>

## 36. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

  
Phạm Thị Kim Thanh  
Người lập

  
Trần Thái Sơn  
Kế toán trưởng



  
Hoàng Anh Tuấn  
Tổng Giám Đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2023



**Văn phòng Hà Nội**  
Tầng 5, Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì,  
Quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

**Văn phòng TP. Hồ Chí Minh**  
Tầng 3, Tòa nhà Saigon Royal, 91 Pasteur, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Website: [www.dnpcorp.vn](http://www.dnpcorp.vn)



**Trụ sở chính**  
Thôn Càn, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang



**Trụ sở chính**  
Đường số 9, KCN Biên Hoà 1, P. An Bình, Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai



**Trụ sở chính**  
Tầng 18, Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, Số 1 Phạm Huy Thông, Ngọc Khánh, Ba Đình, Tp. Hà Nội



**Trụ sở chính**  
314 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh



**Trụ sở chính**  
Lô B10 – B11, Khu công nghiệp Thụy Vân, Thụy Vân, Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ